



## Mục lục

- 3 Thiếp chúc mừng năm mới của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng

### SỰ KIỆN

- 4 Kỳ diệu thay Đảng của chúng ta
- 7 Thông báo Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
- 9 Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị trực tuyến cuối năm của Chính phủ với lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 22 PHÙNG HỮU PHÚ:  
Một số vấn đề cốt yếu xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững

**32 NGUYỄN VIỆT THÔNG:****Công tác xây dựng Đảng thời gian qua và một số vấn đề đặt ra**

---

**43 NGUYỄN VĂN THẠO:****Tư duy mới về công nghiệp hóa trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**

---

**57 NGUYỄN SĨ DŨNG:****Mô hình thể chế tối ưu**

---

**66 LÊ THỊ LIÊN:****Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước**

---

**81 THÍCH ĐỨC THIỆN:****Những thành tựu của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thời kỳ hội nhập quốc tế**

---

**92 TRẦN QUỐC TOẢN:****Sự tha hóa quyền lực gắn với sự hủ bại về đạo đức là cội rễ của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên**

---

**LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

---

**107 VŨ TIẾN LỘC:****Hoàn thiện thể chế phát triển doanh nghiệp - nội dung quan trọng trong xây dựng thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới**

---

**121 Một số vấn đề về đổi mới giáo dục, khoa học - công nghệ và kinh nghiệm cầm quyền của Đảng nước Nga thống nhất**

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**136 Kỳ họp thứ 9 Hội đồng Lý luận Trung ương**

---

**139 Kết quả thực hiện công tác năm 2018 của Chương trình "Nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020"**

---



# Chúc Mừng Năm Mới

*Luận Kỳ Hội*  
2019

**NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam  
Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam



# *Đại diện thay* ĐẢNG CỦA CHÚNG TA



**N**hân dân ta gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng ta, Đảng của chúng ta. Đó là sự tuyệt vời mà hiếm một đảng nào

trên thế giới này có được.

89 năm qua kể từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dân tộc ta, đất nước ta nghe theo tiếng gọi của Đảng

và đi theo con đường của Đảng, đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách để đánh đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, góp phần mở lối cho phong trào giải phóng dân tộc; đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giành độc lập, thống nhất Tổ quốc và nêu gương sáng về sức mạnh vô địch của một dân tộc anh hùng quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do; thực hiện một hành trình đổi mới đầy sáng tạo và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, dựng lên một cơ đồ sáng tươi kỳ vĩ hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì thế Đảng ta là hiện thân của điều kỳ diệu!

Có rất nhiều nội dung nói lên sự kỳ diệu của Đảng, nhưng có lẽ chỉ cần nêu bật hai điểm sáng lấp lánh sau đây đã có thể nhận rõ.

*Thứ nhất, Đảng được nhân dân thừa nhận là Đảng của mình*

Như chúng ta đều biết trong thời đại ngày nay, khi lý tưởng về xây dựng một xã hội công bằng, văn minh (cốt lõi của lý tưởng cộng sản) luôn có sức thuyết phục và ngày càng thấm đậm trong đời sống xã hội, thì ở hầu khắp các châu lục

và các nước, với những chừng mực khác nhau, đều hình thành nên các tổ chức, các đảng cộng sản để đấu tranh thực hiện lý tưởng cao đẹp đó. Tất cả các đảng này đều có điểm chung là sự khẳng định đảng của giai cấp công nhân. Đồng thời, các đảng này đều đưa mục tiêu đấu tranh vì lợi ích của người lao động và của cả đất nước.

Tuy nhiên cũng tại hầu hết các nước đó, những người lao động và những người dân bình thường đều không thừa nhận các đảng đó đại diện cho mình và chỉ coi đó là đảng của một số người cộng sản.

Còn ở nước ta, như một lẽ đương nhiên, tất cả nhân dân Việt Nam đều coi Đảng Cộng sản Việt Nam là của chính mình, của cả dân tộc mình. Ở Việt Nam, ai cũng có Bác Hồ, có Đảng. Nhận thức của nhân dân với Đảng như vậy không phải là trực giác, mà là sự thấm nhuần sâu sắc qua những gì đã được kiểm nghiệm trên đất nước chúng ta kể từ khi có Đảng. Đó chính là niềm tự hào của Đảng ta. Nhân dân ta quý trọng Đảng như thế bởi chính Đảng là con nôi của dân tộc. Đảng và nhân dân ta qua suốt chặng đường lịch sử gần 90 năm qua đã chung sức,

chung lòng, gắn bó máu thịt, xác lập quan hệ cá - nước, mối quan hệ bền vững tạo nên một sức mạnh vĩ đại của đất nước, dân tộc chúng ta.

*Thứ hai, sự gắn kết hữu cơ tính giai cấp và tính dân tộc là phẩm chất đặc trưng của Đảng*

Chủ nghĩa Mác- Lênin khẳng định lịch sử phát triển của xã hội loài người từ khi có giai cấp là lịch sử đấu tranh giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng, là đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, để cuối cùng giai cấp vô sản là người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản. Trong cuộc đấu tranh cuối cùng gay go, quyết liệt này, giai cấp vô sản muốn chiến thắng, nhất định phải tổ chức ra đội tiên phong và là bộ chỉ huy giai cấp và dân tộc mình. Các đảng cộng sản được tạo lập để lãnh đạo cuộc đấu tranh ấy phải được sinh thành từ phong trào công nhân kết hợp với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đối với đất nước ta, từ điều kiện cụ thể của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam được lập ra là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Vậy nên sứ mệnh lịch sử của Đảng, của giai cấp công nhân không

chỉ là sự thủ tiêu chế độ người bóc lột người, mà còn lãnh đạo toàn dân tộc thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng dân tộc, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, trong điều kiện đặc thù của Việt Nam cũng như trong tố chất cấu thành, phẩm chất đặc trưng của Đảng đã có cả tính giai cấp sâu sắc và tính dân tộc bền vững. Đảng ta trở thành Đảng cách mạng kiên cường làm nên bao điều kỳ diệu, được cả dân tộc thừa nhận và đi theo, bởi Đảng ta được sinh thành từ dân tộc Việt Nam kỳ diệu, lại được một vĩ nhân kỳ diệu là Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, đào tạo, rèn luyện.

Kỷ niệm 89 năm Đảng ta ra đời, chúng ta bồi hồi xúc động ngân nga, chiêm nghiệm những vần thơ thật hay của Nhà thơ Tố Hữu về Đảng:

*Cảm ơn Đảng của chúng ta, Đảng làm ra ánh sáng*

*Người chưa đưa ta lên được Sao Kim  
Nhưng đã cho ta một linh hồn và một trái tim*

*Biết lẽ phải, biết yêu thương, căm giận  
Biết đi tới và làm nên thắng trận ■*

**LÝ LUẬN & THỰC TIỄN**

# THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ 9 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XII



**T**hực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, trong hai ngày 25 và 26/12/2018, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã họp để thảo luận, cho ý kiến về các vấn đề: lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, theo quy định; về việc giới thiệu nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2021

- 2026; báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2018; báo cáo các công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết, từ sau Hội nghị Trung ương 8, đến Hội nghị Trung ương 9 khóa XII; xem xét, thi hành kỷ luật cán bộ.

Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Sau khi xem xét và thảo luận các Tờ trình, báo cáo, của Bộ Chính trị, Ban

Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết nghị:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm 21 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XII theo quy định.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, cho ý kiến về việc giới thiệu nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với 205 đồng chí để Bộ Chính trị xem xét, quyết định quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo thẩm quyền.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao với Tờ trình của Bộ Chính trị về việc đề nghị xem xét, thi hành kỷ luật đồng chí Tất Thành Cang, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định kỷ luật đồng chí Tất Thành Cang bằng hình thức cách chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; cách chức Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2015 - 2020; cách chức Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2015 - 2020.

4. Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận, cho ý kiến về Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2018; giao Bộ Chính trị nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 8 đến Hội nghị Trung ương 9 khóa XII.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất, phát huy những kết quả quan trọng, toàn diện đạt được của năm 2018, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia, hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 và nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng ■



# PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN PHÚ TRỌNG TẠI HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN CUỐI NĂM CỦA CHÍNH PHỦ VỚI LÃNH ĐẠO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG



*Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Nguyễn Phú Trọng  
tại Hội nghị trực tuyến cuối năm của Chính phủ với lãnh đạo các tỉnh,  
thành phố trực thuộc Trung ương \_ Ảnh: VGP*

*Thưa các vị đại biểu,  
Thưa toàn thể các đồng chí,  
Chỉ còn vài ngày nữa chúng ta sẽ đi  
qua năm 2018 với đầy ắp các sự kiện*

và bước vào năm 2019 với nhiều niềm  
tin và hy vọng mới. Vào thời điểm  
giao thoa thiêng liêng này, hôm nay,  
Chính phủ tổ chức Hội nghị trực

tuyển toàn quốc với các địa phương để tổng kết công tác năm 2018 và bàn về nhiệm vụ, kế hoạch năm 2019. Đây là một Hội nghị rất cần thiết và có ý nghĩa hết sức quan trọng. Điều rất có ý nghĩa là Hội nghị của chúng ta diễn ra ngay sau khi kết thúc thành công Hội nghị Trung ương 9 với nhiều dấu ấn tốt đẹp, được toàn Đảng, toàn dân quan tâm và đánh giá cao. Tôi có vinh dự lại được cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo các cơ quan Trung ương tham dự Hội nghị hôm nay. Trước hết, tôi xin gửi tới toàn thể các đồng chí lời chào thân thiết, lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

*Thưa các đồng chí,*

Chúng ta đã được nghe báo cáo đầy đủ, toàn diện của Chính phủ và ý kiến phát biểu của đại diện lãnh đạo một số tỉnh, thành phố. Sau đây, tôi xin có một số ý kiến, có tính chất gợi mở, nhấn mạnh thêm mấy vấn đề để các đồng chí tham khảo, cùng trao đổi, thảo luận.

### **1. Về nhìn lại năm 2018**

Chúng ta vui mừng nhận thấy, trong năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đất

nước ta vẫn tiếp tục phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Nổi bật là:

- Kinh tế có bước tăng trưởng đáng mừng, đạt hơn 7%. Đến nay chúng ta đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức toàn bộ 12 chỉ tiêu cơ bản kế hoạch đề ra, nâng quy mô GDP lên hơn 245 tỉ USD, bình quân đầu người lên khoảng 2.580USD/người, tăng thêm gần 200 USD so với năm 2017. Chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng duy trì ở mức 3,54%. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm; bội chi ngân sách ở mức thấp 3,67% GDP; nợ công có xu hướng giảm. Thị trường tiền tệ ổn định; cán cân thanh toán quốc tế tiếp tục được cải thiện. Xuất khẩu đạt 245 tỉ USD, tăng 13,8% so với năm 2017; xuất siêu hơn 7 tỉ USD.

- Các lĩnh vực văn hoá, xã hội tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở cả thành thị và nông

thôn được cải thiện rõ rệt. Phong trào xây dựng nông thôn mới đã có gần 40% số xã của cả nước đạt chuẩn, vượt tiến độ đề ra. Các chính sách, chế độ đối với người có công, các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội được quan tâm thực hiện; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm xuống còn 6,8%. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được đẩy mạnh; tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; phát triển khoa học và công nghệ,... có nhiều chuyển biến tích cực.

- Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Môi trường hoà bình, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh và mở rộng, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chiến lược của đất nước; củng cố môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển, tăng cường, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

- Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ và đạt được những kết quả cụ thể, rõ rệt. Đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và nhiều quy định, quy chế về công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém và ngăn chặn tiêu cực. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách được đẩy mạnh; nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng, nhất là các vụ án lớn, nghiêm trọng được phát hiện, điều tra, tiến hành khởi tố, truy tố, xét xử nghiêm minh, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đánh giá cao, đồng tình ủng hộ.

- Chính phủ, các bộ, ban, ngành, cơ quan hành chính sự nghiệp của Chính phủ và các địa phương đã có nhiều cố gắng, nỗ lực đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động, khắc phục những mặt còn hạn chế theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XII và các nghị quyết, kết luận của Trung

ương, đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

- Quốc hội tiếp tục có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng ngày càng dân chủ, kỷ cương; đã thảo luận, xem xét, thông qua 16 dự án luật, 7 nghị quyết; cho ý kiến 15 dự án luật tại Kỳ họp thứ 5 và thứ 6 Quốc hội khoá XIV; hoàn thành tốt việc kiện toàn chức danh Chủ tịch nước và một số thành viên Chính phủ; lấy phiếu tín nhiệm đối với 48 người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, tạo sự đồng thuận, tin tưởng cao trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

- Các cơ quan tư pháp, nhất là Toà án, Viện Kiểm sát và các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, kiểm toán đã hoạt động rất ráo riết, quyết liệt theo đúng chức trách, nhiệm vụ và phối hợp khá nhịp

nhàng, hoàn thành một khối lượng lớn các công việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng có nhiều cố gắng trong đổi mới tổ chức và hoạt động; chủ động, tích cực tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đặc biệt là đã có nhiều đóng góp thiết thực, hiệu quả trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia phản biện xã hội, thực hiện các chính sách xã hội, phong trào xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa...

Tóm lại, năm 2018 chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, có thể nói là toàn diện, đáng mừng trên hầu hết các lĩnh vực, để lại những ấn tượng tốt đẹp và cho chúng ta thêm nhiều bài học kinh nghiệm quý, góp phần thực hiện tốt

**Năm 2018 chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, có thể nói là toàn diện, đáng mừng trên hầu hết các lĩnh vực, để lại những ấn tượng tốt đẹp và cho chúng ta thêm nhiều bài học kinh nghiệm quý, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của nửa đầu nhiệm kỳ khoá XII, đồng thời tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 và cả 5 năm 2016 - 2020.**

các mục tiêu, nhiệm vụ của nửa đầu nhiệm kỳ khoá XII, đồng thời tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành toàn bộ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2019 và cả 5 năm 2016 - 2020. Không phải ngẫu nhiên mà một không khí phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đang tiếp tục lan tỏa rộng khắp trên cả nước.

Vậy nguyên nhân nào đã cho chúng ta những kết quả, thành công đó?

Có nhiều nguyên nhân. Nhưng có lẽ bao trùm lên tất cả là: (1) Nhờ chúng ta được thừa hưởng những thành tựu to lớn quan trọng, có ý

nghĩa lịch sử qua hơn 30 năm đổi mới; những kết quả toàn diện đạt được trong 2 năm 2016, 2017; (2) Nhờ có sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, chung lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Cả hệ thống chính trị, bao gồm các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã có nhiều đổi mới, phối kết hợp nhịp nhàng, đồng bộ, bài bản hơn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm



*Kim ngạch xuất khẩu 10 tháng đầu năm của Việt Nam ước đạt 200,27 tỷ USD*

*— Ảnh: MH*

chủ của nhân dân, giải quyết kịp thời, đúng đắn, sát hợp và có hiệu quả các vấn đề cuộc sống đặt ra, nhất là các vấn đề quan trọng, nhạy cảm, bức xúc xã hội; (3) Nhờ có sự đồng thuận, đồng tình, ủng hộ, cổ vũ, động viên, góp ý kịp thời của cán bộ, đảng viên, các đồng chí lão thành, các tầng lớp nhân dân, các cơ quan thông tin, báo chí,... tạo nên sức mạnh tổng hợp, đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương và chân thành cảm ơn Quốc hội, Chính phủ, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng các doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ cả nước về những kết quả, thành tích và những nỗ lực phấn đấu, đóng góp to lớn đó.

Tuy nhiên, chúng ta tuyệt nhiên không chủ quan, thoả mãn; không quá say sưa với thành tích, thắng lợi. Bởi vì, đất nước vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là về tài chính - tiền tệ và xuất khẩu dưới tác

động của chiến tranh thương mại. Những hạn chế, yếu kém tích tụ, tồn đọng từ lâu của nền kinh tế và trong nhiều lĩnh vực xã hội còn nặng nề, gây hậu quả xấu, bức xúc xã hội, không dễ một sớm một chiều có thể khắc phục được. Đó là tình trạng làm ăn thua lỗ, đầu tư kém hiệu quả, thất thoát, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nặng nề, nhất là ở khu vực kinh tế nhà nước. Tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, kỷ cương phép nước bị buông lỏng còn diễn ra ở nhiều nơi. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều trở ngại, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của doanh nghiệp. Tội phạm, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, vệ sinh an toàn thực phẩm, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, khiếu kiện đông người... còn diễn biến phức tạp, nhất là ở các đô thị lớn.

Vì vậy, Hội nghị của chúng ta cần tập trung thảo luận thật kỹ lưỡng, thấu đáo, tạo sự thống nhất cao trong nhận định về tình hình, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, nhất là những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân để đề ra các nhiệm vụ và giải pháp cho năm 2019 một cách đúng đắn, chính xác,

sát hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao nhất có thể.

## 2. Về phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Chúng ta biết, năm 2019 là năm thứ tư - năm chuẩn bị kết thúc của nhiệm kỳ 5 năm; năm khởi đầu của quá trình chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, vì vậy có ý nghĩa rất quan trọng.

Chính phủ, chính quyền các địa phương và toàn hệ thống chính trị, cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, ra sức phấn đấu, khẩn trương đề ra và chủ động, tích cực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác với những cơ chế, chính sách, biện pháp mạnh mẽ, phù hợp với thực tế, có tính khả thi cao, bảo đảm hoàn thành thắng lợi các đường lối, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.

nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra. Tinh thần chung là phải quyết liệt hơn, sáng tạo hơn, đạt được kết quả tổng thể cao hơn năm 2018. Tập trung ưu tiên vào

những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

**Chính phủ, chính quyền các địa phương và toàn hệ thống chính trị, cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, ra sức phấn đấu, khẩn trương đề ra và chủ động, tích cực triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác với những cơ chế, chính sách, biện pháp mạnh mẽ, phù hợp với thực tế, có tính khả thi cao, bảo đảm hoàn thành thắng lợi các đường lối, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.**

*Một là*, tiếp tục củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng lực ứng phó với những biến động bất thường của thị trường, nhất là thị trường thế giới; duy trì đà tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng trên cơ sở cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại

nền kinh tế.

Muốn thế, phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo chuyển biến rõ nét hơn trong việc tháo gỡ một cách



*Ổn định thị trường tài chính - tiền tệ để phát triển sản xuất \_ Ảnh: ST*

thực chất những ách tắc, rào cản đối với các hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của người dân và các doanh nghiệp. Khắc phục tình trạng chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành luật hoặc văn bản được ban hành có nội dung không rõ ràng, thiếu chuẩn xác; tệ nhũng nhieu, chậm trễ trong việc giải quyết các thủ tục hành chính về quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên, xây dựng, bảo vệ môi trường, tiếp cận thị trường, các nguồn lực và các dự án đầu tư...

Phát triển đồng bộ và lành mạnh các loại thị trường, nhất là các thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và thị

trường các yếu tố sản xuất như: thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản, thị trường điện... để bảo đảm cung cầu trên thị trường và các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là cân đối thu chi ngân sách nhà nước, vay trả nợ nước ngoài, giữ vững an ninh, an toàn kinh tế - tài chính - tiền tệ quốc gia. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; xử lý dứt điểm các doanh nghiệp, dự án đầu tư chậm tiến độ, thua lỗ, kém hiệu quả; xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng; nâng cao chất lượng, tiến độ và hiệu quả giải ngân vốn đầu



tư công; huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển...

Trong năm 2019 và các năm tiếp theo, cần tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện thật nghiêm, thật tốt các chương trình, kế hoạch và đề án đã đề ra về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại; và đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

Phần đầu tạo ra được những chuyển biến về chất, có tính đột phá trên các lĩnh vực công tác này để nền kinh tế nước ta thực sự vận hành theo cơ chế thị trường, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của thị trường, phù hợp với thực tế phát triển đất nước trong tình hình mới.

Mô hình tăng trưởng của nước ta phải ngày càng dựa nhiều hơn vào việc tăng năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo tín hiệu và

cơ chế thị trường; chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn môi trường sinh thái.

Nền kinh tế nước ta cần tiếp tục được cơ cấu lại một cách mạnh mẽ và đồng bộ hơn ở tầm tổng thể quốc gia cũng như từng ngành, lĩnh vực, địa phương và các tổ chức kinh tế cụ thể. Các đề án về: cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng thương mại gắn với xử lý nợ xấu; cơ cấu lại ngân sách nhà nước, bảo đảm an toàn nợ công; sắp xếp lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước... cần tiếp tục được đẩy mạnh triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra và theo đúng Chương trình hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 30 của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững.

Để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ này, Chính phủ, chính quyền các địa phương, các cấp các ngành cần dành nhiều thời gian, công sức để nghiên cứu kỹ lưỡng, chuẩn bị công phu, bài bản, có chất lượng các chương trình, kế hoạch, đề án và các văn bản pháp

luật, bảo đảm sự đúng đắn, sát thực tế, có tính khả thi cao, sớm khắc phục tình trạng chậm trễ, không rõ ràng, cụ thể, thậm chí sai sót, phải bổ sung, sửa đổi nhiều lần.

Hai là, quan tâm hơn nữa và có biện pháp cụ thể, thiết thực hơn nữa đối với việc xây dựng và phát triển có hiệu quả văn hoá, xã hội, xây dựng con người theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội XII và các nghị quyết của Trung ương về lĩnh vực này. Cần nhận thức và quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”; “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”; văn hóa có mạnh, xã hội có ổn định, phát triển hài hoà, con người có phát triển toàn diện thì đất nước mới phát triển nhanh và bền vững được; phải thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách...

Hiện nay chúng ta đang đứng trước bối cảnh kinh tế thị trường, toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã, đang và sẽ ảnh hưởng sâu rộng, nhanh chóng, cả tích cực lẫn tiêu cực đến văn hoá, xã hội và

đạo đức, tư duy, lối sống của con người, các cộng đồng, dân tộc trên toàn thế giới, trong đó có nước ta. Vì vậy, càng cần đặc biệt coi trọng lĩnh vực này; cố gắng sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian qua.

Trong việc xây dựng văn hoá, phát triển xã hội, chăm lo xây dựng con người, cần hết sức chú ý việc giữ gìn và phát huy truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc; giáo dục bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, nhân cách con người Việt Nam; xây dựng gia đình ấm no, hoà thuận, hạnh phúc; phát triển xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tập trung ưu tiên xử lý một cách căn cơ, bài bản những vấn đề xã hội bức xúc hiện nay như: khoảng cách giàu - nghèo và trình độ phát triển có xu hướng doãng ra; tỉ lệ số hộ cận nghèo, tái nghèo còn lớn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đạo đức xã hội xuống cấp, tệ nạn xã hội gia tăng, kể cả trong công sở, bệnh viện, trường học...

Khẩn trương xây dựng, rà soát, bổ sung hoàn thiện và nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch và đề án về: cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức,

viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp; cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; chính sách đối với người có công; giảm nghèo bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; ưu tiên nguồn lực phát triển ở những vùng có nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng bị thiên tai, chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; khuyến khích phát triển nhà ở xã hội; thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động; tiếp tục đẩy mạnh Chương trình xây dựng nông thôn mới; phát triển phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng gia đình văn hóa mới; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới...

*Ba là*, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại toàn diện về quốc

phòng, an ninh theo tinh thần “giữ nước từ xa”, “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tội phạm, phòng, chống cháy, nổ, các tệ nạn xã hội. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; sẵn sàng ứng phó kịp thời, xử lý có hiệu quả các sự cố thiên tai và cứu hộ, cứu nạn.

Chú trọng nâng cao chất lượng công tác dự báo chiến lược, phân tích tình hình quốc tế; với các bước đi đồng bộ, chủ động làm sâu sắc, thực chất hơn các mối quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, tăng cường quan hệ với tất cả các nước trên cơ sở nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi. Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về hội nhập, nâng cao năng lực đàm phán, ký kết, thực hiện có hiệu quả các

điều ước quốc tế, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và không ngừng nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp về thương mại và đầu tư quốc tế. Làm tốt hơn nữa công tác bảo hộ công dân, tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp xây dựng đất nước.

*Bốn là*, đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Chính phủ, chính quyền các cấp thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghiêm túc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Triển khai Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Làm tốt hơn nữa công tác cán bộ để lựa chọn, bố trí những cán bộ thật sự có đức, có tài, liêm chính, tâm huyết,

thật sự vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo của bộ máy nhà nước. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ những người tham nhũng, hư hỏng; chống mọi biểu hiện chạy chức, chạy quyền, ưu ái tuyển dụng người thân không đủ tiêu chuẩn. Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao đạo đức, văn hoá, tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tiếp công dân; rà soát, xử lý kịp thời, dứt điểm các khiếu nại, tố cáo để từng bước giảm thiểu, tiến tới chấm dứt hiện tượng khiếu kiện đông người, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài. Tăng cường phòng, chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật; đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc nghiêm trọng, xã hội quan tâm; thu hồi tối đa tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát. Giữ vững nguyên tắc, nền nếp

sinh hoạt đảng; khắc phục tình trạng coi nhẹ, thậm chí coi thường công tác xây dựng nội bộ Đảng trong các cơ quan nhà nước.

Chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Như các đồng chí đã biết, theo kế hoạch, dự kiến quý I năm 2021, Đảng ta sẽ tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Đây là một sự kiện chính trị rất quan trọng. Vào thời điểm đó, chúng ta sẽ kỷ niệm 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) và 10 năm Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, phấn đấu hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập Đảng vào năm 2030 và kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Nước vào năm 2045.

*Thưa các đồng chí,*

Nhận định đúng tình hình, đề ra được các nhiệm vụ, giải pháp là công việc định hướng rất quan trọng để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Nhưng quan trọng, quyết định hơn còn là phải kiên quyết, năng động, sáng tạo lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có kết quả cụ thể các nhiệm vụ, giải

pháp đã đề ra. Tôi tin tưởng và tha thiết mong rằng, sau Hội nghị này, với niềm tin mới, khí thế mới, động lực mới, Chính phủ và chính quyền các địa phương sẽ cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đoàn kết phấn đấu với quyết tâm và nỗ lực cao hơn nữa, năng động, sáng tạo hơn nữa để hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, góp phần xây dựng đất nước thân yêu của chúng ta ngày càng đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như Bác Hồ từng mong muốn.

Nhân dịp năm mới 2019 và Xuân Kỷ Hợi sắp đến, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước và với tình cảm cá nhân, tôi xin chúc Chính phủ và chính quyền các địa phương tiếp tục phát huy những thành tích, kết quả và bài học kinh nghiệm đã đạt được, khắc phục những hạn chế, yếu kém, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hoạt động quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả hơn, hoàn thành trọng trách được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin tưởng giao phó.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang kỳ vọng, đòi hỏi và trông chờ ở các đồng chí!

*Chúc toàn thể các đồng chí luôn mạnh khoẻ, hạnh phúc và thành công ■*



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỐT YẾU XÂY DỰNG THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

*Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Yêu cầu bức thiết của việc xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững

Thế giới đang chuyển biến rất nhanh trước tác động của những nhân tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, môi trường, đặc biệt là tác động mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những năm gần đây, tại các diễn đàn quốc tế, khu vực và trong bàn thảo chiến lược của nhiều quốc gia, vấn đề đổi mới mô hình phát triển theo hướng bền vững, sáng tạo, bao trùm được nhấn mạnh như là một xu hướng phát triển mới mang tính khách quan, phổ biến<sup>1</sup>. Việt Nam

đang cố gắng tăng tốc, thực hiện thành công những mục tiêu, nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và bắt tay chuẩn bị xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng với khát vọng tạo ra những bước đột phá, phát triển đất nước nhanh và bền vững hơn. Lúc này, nghiên cứu, đề xuất việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện mô hình, thể chế phát triển đất nước có ý nghĩa quan trọng, cấp thiết.

1) Vấn đề rất trần trụi đặt ra là phải từ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để chất lọc, khái quát, đề xuất

đưa vào văn kiện Đại hội XIII của Đảng những vấn đề mới nhất có giá trị khoa học và khả thi nhằm thúc đẩy đất nước phát triển nhanh - bền vững. Các văn kiện của Đảng, nhất là những văn kiện gần đây đã thể hiện nhiều bước tiến về nhận thức lý luận, trong đó Đại hội XI, XII nhấn mạnh vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tập trung thực hiện 3 đột phá chiến lược<sup>2</sup>. Các nghị quyết Trung ương tiếp theo đã bàn về mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội<sup>3</sup>; nhấn mạnh đến yêu cầu phát triển bền vững. Trong thực tiễn Chính phủ đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách mới, quan tâm xây dựng quốc gia khởi nghiệp, nhà nước kiến tạo phát triển... Tuy nhiên, vấn đề được quan tâm nhiều về lý luận vẫn là những vấn đề kinh tế, thiên về kinh tế. Còn đang thiếu một tư duy lý luận tổng hợp, bao quát nhất về sự phát triển. Chúng ta đang bước vào và bước rất nhanh vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) - là cuộc cách mạng đặc biệt chú trọng đến sự kết nối, tương tác giữa các lĩnh vực và con người, tạo ra sức mạnh bao

trùm. Điều đó đặt ra yêu cầu khách quan mới phải tập trung xây dựng và vận hành đồng bộ, thông suốt thể chế phát triển tổng thể, phù hợp với bối cảnh mới. Đại hội XI, XII của Đảng đã nhấn mạnh đổi mới thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó rất đúng, rất trúng, cần nghiên cứu, tổng kết, hoàn thiện, nâng lên thành thể chế phát triển tổng thể, bao quát của đất nước trong thời kỳ chiến lược mới.

Xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững, với ý nghĩa là một thể chế mang tính chất bao trùm là một vấn đề quan trọng, cấp thiết vừa phản ánh nhu cầu phát triển khách quan của đất nước sau hơn 30 năm đổi mới, vừa thuận với xu thế phát triển của thời đại. Như nhiều nhà khoa học và quản lý thực tiễn nhấn mạnh: Đổi mới thể chế phát triển là dư địa duy nhất hay là quan trọng nhất để tạo ra động lực mới cho đất nước cất cánh cao hơn trong giai đoạn mới.

2) Từ nghiên cứu lý luận cũng như phân tích kinh nghiệm của thế giới về vấn đề xây dựng và thực hiện thể chế cho thấy, các thể chế phát triển vừa mang tính phổ quát nhưng

tùy thuộc rất nhiều vào truyền thống lịch sử, văn hóa, thiết chế văn hóa, xã hội, vào đặc điểm bản sắc của con người. Vì thế, nghiên cứu về thể chế phát triển luôn đòi hỏi sự sáng tạo, không rập khuôn máy móc; phải suy nghĩ bằng cái đầu của ta, đi bằng đôi chân của ta, trên mảnh đất của ta.

Cần khẳng định những cố gắng trong quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện các thể chế phát triển của đất nước, cả về thể chế chính trị và thể chế kinh tế, những bước tiến về nhận thức lý luận và thành quả thực tiễn để không bị quan những đồng thời cũng không lạc quan tếu. Cần nghiêm túc nhận rõ những hạn chế, yếu kém, bất cập trong xây dựng và thực thi thể chế, về sự thiếu đồng bộ, thiếu kết nối, tương tác, hiệu quả thấp trong xây dựng và thực thi thể chế.

## **2. Những vấn đề cốt yếu về xây dựng và thực thi thể chế phát triển nhanh - bền vững**

1) Về lý luận, cần đề cập một cách cơ bản, có hệ thống những vấn đề liên quan đến xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững: từ nhận thức, quan niệm, bản chất, cấu trúc, vai trò

của thể chế. Từ nghiên cứu lý luận và những tham khảo kinh nghiệm thành công của một số nước trên thế giới, phải làm rõ thêm những hạn chế, bất cập, những “điểm nghẽn” nhận thức lý luận về thể chế phát triển hiện nay của đất nước khi chuyển sang phát triển theo chiều sâu và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Từ đó đề xuất những vấn đề, nội dung cần được bổ sung, hoàn thiện về xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

Cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, tiếp tục rà soát lại để hoàn thiện những khái niệm, thậm chí cả những khái niệm rất cơ bản, rất cốt lõi về thể chế phát triển trên tinh thần khoa học, không né tránh nhưng không cực đoan, không tuyệt đối hóa một chiều. Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận và hết sức xem trọng tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận. Thực tiễn đang vận động hết sức phong phú, đầy tính sáng tạo của cán bộ, đảng viên, nhân dân trên các tỉnh, thành phố, các lĩnh vực, cần phải được đúc kết, khái quát thành lý luận.

2) Cần nhận thức rõ về thể chế phát triển: Qua nghiên cứu, mặc dù còn có



các cách tiếp cận khác nhau, nhưng các ý kiến đều thống nhất cho rằng, thể chế phát triển là một cấu trúc tổng thể, trong đó thể hiện sự vận hành đồng bộ của ba yếu tố: Các tổ chức, chủ thể tham gia; các quy tắc vận hành, cơ chế thực thi thể chế; và môi trường mà các chủ thể và quy tắc vận hành trong đó - hay gọi một cách dễ hiểu là Thể chế gồm “*Người chơi, luật chơi và sân chơi hay nội dung chơi*”. Đối với một quốc gia, thể chế phát triển là sự tương tác tổng hợp của ba lĩnh vực cơ bản: Chính trị, Kinh tế, Xã hội; sự gắn kết, tác động hài hòa ba thể chế thành phần chủ yếu: Thể chế chính trị, Thể chế kinh tế và Thể chế xã hội (trong đó bao hàm thành tố văn hóa, con người và quan hệ con người với tự nhiên). Ba thể chế thành phần này có vai trò và chức năng khác nhau, nhưng liên quan mật thiết, tương tác và chế định lẫn nhau theo quy luật - nhân quả, hình thành nên các mô hình thể chế phát triển khác nhau vận hành trong mối quan hệ cốt lõi giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

3) Đối lập với Thể chế phát triển là Thể chế kìm hãm phát triển. Trên thực tế, trong một Thể chế cụ thể

thường chứa đựng cả những yếu tố tích cực và yếu tố tiêu cực. Vấn đề là những yếu tố nào đóng vai trò chủ đạo, chi phối sự phát triển và làm thế nào để các yếu tố chủ đạo đó phát huy tối đa tác dụng. Bản thân Thể chế cũng không phải là bất biến, nó vừa có yêu cầu phải ổn định tương đối, đồng thời phải được thường xuyên đổi mới, không ngừng hoàn thiện và phát triển cùng với sự phát triển cao hơn của xã hội.

Chất lượng của thể chế phụ thuộc vào chất lượng của pháp luật và mức độ hiệu lực, hiệu quả thực thi luật pháp, cơ chế, chính sách trên thực tế. Có thể khẳng định việc xây dựng, thực hiện thể chế phát triển có chất lượng phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản trị và phẩm chất chính trị, đạo đức của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản lãnh đạo. Đây là những vấn đề quan trọng cần được tiếp tục nghiên cứu sâu và có những đề xuất xác đáng trong quá trình xây dựng thể chế cụ thể.

4) Nghiên cứu các mô hình phát triển trên thế giới cho thấy những kinh nghiệm, bài học đa dạng (thành công và thất bại) của các nước trong



*Bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người \_ Ảnh: TL*

xây dựng và thực thi thể chế phát triển. Đó là những gợi mở rất hữu ích đối với Việt Nam, trong đó, đáng lưu ý nhất là phải xây dựng được thể chế phát triển đồng bộ về chính trị, kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng nước, từng lĩnh vực. Chúng ta cần nghiên cứu sâu hơn, tiếp thu có chọn lọc, vận dụng phù hợp cho việc đổi mới, xây dựng, và hoàn thiện đồng bộ Thể chế phát triển nhanh - bền vững của nước ta trong giai đoạn mới.

5) Từ những nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm quốc tế, bước đầu có thể xác định một số vấn đề cần tập trung để xây dựng và hoàn thiện Thể chế phát triển nhanh - bền vững của Việt Nam trong giai đoạn mới:

*Một là*, cần làm rõ hơn bản chất của quá trình đổi mới và hoàn thiện thể chế phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới. Thể chế phát triển nhanh - bền vững là thể chế mang tính dung hợp cao, tính “vượt trội” để có khả năng đón nhận có hiệu quả

các xu thế và mô hình phát triển mới, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời hóa giải được các thách thức; huy động và sử dụng có hiệu quả tất cả các nguồn lực, trong đó đặt trọng tâm vào nguồn lực con người chất lượng cao và khoa học - công nghệ hiện đại, bảo đảm sự phát triển dựa vào năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, thể chế xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. *Xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững theo chiều sâu phải là một đột phá chiến lược của đất nước trong giai đoạn mới.*

Hai là, xác định vấn đề trung tâm của xây dựng Thể chế là tạo động lực phát triển trong mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi cộng đồng, kết nối thành động lực phát triển của cả dân tộc. Động lực đó phải được tạo lập đồng bộ cả về mặt lợi ích kinh tế, lợi

ích chính trị, lợi ích tinh thần - giá trị xã hội, giá trị dân chủ và pháp quyền, giá trị đạo đức, của tất cả các chủ thể trong xã hội, tạo động lực tổng hợp cho sự phát triển.

Ba là, tiếp tục đổi mới tư duy về thể chế phát triển; xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế chính trị - thể chế kinh tế - thể chế xã hội, đáp ứng với yêu cầu phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Nhận thức đúng, giải quyết hiệu quả quan hệ giữa các thể chế thành phần, trong đó, thể chế chính trị phải đổi mới để đóng vai trò định hướng, dẫn đường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải là thể chế kinh tế phù hợp, hiệu quả, hiện đại, tạo nền tảng vật chất cho phát triển; thể chế phát triển xã hội hướng tới phát huy những giá trị mới, nuôi dưỡng khát vọng, giải phóng và phát huy giá trị sáng tạo và trách nhiệm xã hội của mỗi con người và tất cả các chủ thể trong xã hội, tạo động lực phát triển.

Trong khi xây dựng và thực hiện thể chế phát triển nhanh, bền vững, cần đặc biệt coi trọng việc đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị, nòng



*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp xu hướng phát triển mới trong kinh tế và khoa học - công nghệ. \_ Ảnh: intechvietnam.com*

cốt là tiếp tục đổi mới chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Trong khi nhấn mạnh vai trò “dẫn đường” của thể chế chính trị, coi trọng vai trò của thể chế kinh tế, phải quan tâm đúng mức đến thể chế xã hội và thể chế văn hóa. Thể chế văn hóa nếu được chế định phù hợp sẽ góp phần rất quan trọng vào thúc đẩy phát triển và thực thi hiệu quả thể chế chính trị và thể chế kinh tế; ngược lại, nếu chế định không phù

hợp, nó sẽ chi phối, cản trở các thể chế khác.

Bốn là, trên cơ sở yêu cầu chung của Thể chế phát triển nhanh - bền vững, tập trung đổi mới và hoàn thiện đồng bộ các thể chế thành phần với các nội dung chủ yếu sau:

Về *Thể chế chính trị*: yêu cầu hàng đầu là tiếp tục tập trung đẩy mạnh đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với

Nhà nước, lãnh đạo xây dựng thể chế phát triển hiện đại, hiệu quả. Nâng cao năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, năng lực dự báo và điều chỉnh chiến lược phát triển. Trên cơ sở xác định rõ và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, kiên quyết xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, như Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) đã xác định. Tập trung xây dựng Nhà nước pháp quyền - Nhà nước kiến tạo phát triển, theo yêu cầu “Liêm chính - kỷ cương - hành động - sáng tạo - hiệu quả”, coi đây là khâu trung tâm của xây dựng thể chế phát triển, đáp ứng với những yêu cầu phát triển nhanh - bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

*Về thể chế kinh tế:* Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII), tập trung vào hoàn thiện mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc “nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - xã hội (doanh nghiệp và người dân) năng động, sáng tạo”. Tháo gỡ những

“nút thắt”, những bất cập để phát huy cao nội lực và tiềm năng, sức mạnh của các thành phần kinh tế và của cả xã hội; đồng thời xây dựng thể chế để có thể đón nhận, tận dụng hiệu quả những cơ hội mới, những mô hình mới, xu hướng phát triển mới trong kinh tế và khoa học - công nghệ.

*Về thể chế xã hội:* trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi về mặt xã hội dưới tác động (tích cực và tiêu cực) của các xu hướng thay đổi, phát triển của xã hội hiện đại trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, để hoàn thiện thể chế và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, khắc phục phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, sự phát triển mất cân đối giữa các vùng miền; tập trung vào những nội dung bức thiết về hình thành và phát triển các giá trị con người - giá trị văn hóa - giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu và làm động lực nội sinh chủ đạo phát triển nhanh - bền vững đất nước. Thực hiện có hiệu quả dân chủ xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở; xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt

động của các tổ chức Đảng và Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến quốc kế dân sinh, đến quyền và lợi ích của người dân. Nâng cao niềm tin, sự tín nhiệm, hài lòng và sự ủy thác của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

*Về thể chế hội nhập quốc tế, trong bối cảnh hiện nay, cần* hoàn thiện thể chế để đưa quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu; tận dụng được các cơ hội, tranh thủ ngoại lực, chuyển hóa ngoại lực thành nội lực, “hóa giải” được các thách thức; thực hiện có hiệu quả các hiệp định và cam kết quốc tế. Chủ động điều chỉnh chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa ứng phó có hiệu quả, giảm tác động tiêu cực của các biến động quốc tế và khu vực (như cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đang diễn ra)... Đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

*Năm là, phải* nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của tất cả các chủ thể trong xây dựng và thực hiện thể chế phát triển trong giai đoạn mới. Phải chế định các cơ chế và thiết chế

thực thi thể chế nghiêm minh, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng và xã hội; thực hiện triệt để các nguyên tắc, quy định về dân chủ, công khai, minh bạch trong Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực sự “nói đi đôi với làm”, “thượng tôn pháp luật”. Nâng cao năng lực thực thi của tất cả các chủ thể và đảm bảo thể chế được thực thi hiệu lực, hiệu quả.

*Sáu là, xây dựng thể chế* phát triển nhanh, bền vững cần phải gắn với việc xác định và thực hiện mô hình tăng trưởng tổng quát, bền vững sáng tạo và bao trùm trong đó con người là trung tâm và vấn đề xã hội được đặt ở tầm rất cao.

Xây dựng nền quản trị hiện đại theo hướng thông minh, quản trị số, bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững, lành mạnh quan hệ xã hội, môi trường xã hội, tất cả hướng tới hạnh

phúc của con người, không để sót ai, đó là tiêu chí quan trọng nhất, để đánh giá chất lượng, hiệu quả của thể chế phát triển nhanh - bền vững.

Sự chuyển biến mau lẹ của thời cuộc vừa đòi hỏi cấp thiết, vừa tạo nền để chúng ta xây dựng, thực thi thể chế phát triển nhanh - bền vững. Đây là một sự nghiệp to lớn, một quá trình lâu dài, không thể chần chừ

nhưng cũng không thể nóng vội. Kế thừa những thành tựu lý luận, tích lũy được qua hơn 30 năm đổi mới; cập nhật, nắm bắt các xu thế phát triển của thời đại; tính toán toàn diện điều kiện, khả năng của đất nước để xây dựng, thực hiện vững chắc, với lộ trình khoa học thể chế phát triển nhanh - bền vững là con đường đi đến thành công ■

<sup>1</sup> Tại Kỳ họp 70, năm 2015, Đại hội đồng Liên hiệp quốc đưa ra Chương trình Nghị sự phát triển bền vững đến năm 2030 đã xác định mục tiêu, nguyên tắc, các trụ cột, các yếu tố... phát triển bao trùm. Định hướng này tiếp tục được nhấn mạnh và cụ thể hóa tại các diễn đàn kinh tế thế giới năm 2017, 2018; tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 10 của BRICS năm 2018... Hội nghị lãnh đạo APEC lần thứ 25 tổ chức tại Việt Nam tháng 11 năm 2017 đã ra Tuyên bố Đà Nẵng, nhấn mạnh mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng bền vững; sáng tạo; bao trùm.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017.

# CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG THỜI GIAN QUA VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● PGS. TS NGUYỄN VIỆT THÔNG



**T**rong 10 năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường. Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng Đảng: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII

“Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị



tin gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” và nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thực tiễn công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể như sau:

### 1. Thành tựu

*Một là, xây dựng Đảng về chính trị.*

Đảng ta luôn kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối.

Năng lực hoạch định đường lối, chính sách được nâng lên. Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành 21 nghị quyết, kết luận; Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành 10 nghị quyết, 16 chỉ thị; Ban Bí thư khóa XI đã ban hành nhiều kết luận; Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành 16 nghị quyết, Bộ Chính trị, Ban

Bí thư ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại ngày càng đúng đắn hơn, phù hợp với thực tiễn và đi vào cuộc sống, nhất là các nghị quyết về xây dựng Đảng và phát triển kinh tế.

**Trong 10 năm qua, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường. Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng Đảng.**

Đường lối, chính sách của Đảng đã đi vào cuộc sống. Đất nước tiếp tục phát triển về mọi mặt. Đến 2018, GDP của Việt Nam khoảng 245 tỷ USD, gấp 1,3 lần năm 2015, gấp gần 2,4 lần so với 2010; GDP bình quân đầu người 2.587 USD, tăng 440 USD so với năm 2015, tăng 1.372 USD so với 2010. Vị thế của đất nước ngày càng cao trên trường quốc tế.

*Hai là, xây dựng Đảng về tư tưởng.*

Đã nhận diện rõ hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn chín biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, chín biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, chín biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã bước đầu ngăn

chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Quá trình thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng đã có tác động góp phần thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố nền tảng trong Đảng và nhân dân.

Công tác lý luận đã chủ động nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới. Trong 10 năm qua, đã tiến hành nhiều cuộc tổng kết lớn: Tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, phục vụ yêu cầu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành Hiến pháp năm 2013; Tổng kết hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa VII về công tác lý luận; Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016),... Qua tổng kết đã góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng, phát hiện

những vấn đề mới đang đặt ra, đề xuất những luận cứ lý luận - thực tiễn, làm cơ sở xác định quan điểm, giải pháp, kiến nghị mới.

Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường hơn, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chủ động hơn trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”; việc đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đạt những kết quả tích cực; công tác thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo.

*Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức.*

Tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập được đẩy mạnh sắp xếp lại theo tinh thần các nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: Nghị quyết “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị quyết “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý,

nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”. Đã kết thúc một số ban chỉ đạo: Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Sắp xếp nhiều tổ chức, tinh giảm bộ máy trong toàn bộ hệ thống chính trị được thực hiện rất kiên quyết với quyết tâm chính trị cao (như Bộ Công an,...), tinh giảm biên chế. Trong quá trình thực hiện có một số vướng mắc, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Kết luận số 34-KL/TW ngày 7/8/2018 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII: (1) Về thí điểm kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và cơ quan chuyên môn của chính quyền có chức năng, nhiệm vụ tương đồng cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (2) Về thí điểm hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn (hoặc tham mưu) thuộc Ủy ban nhân dân có chức năng, nhiệm vụ tương đồng cấp tỉnh, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (3) Về thí điểm trưởng ban dân vận cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh,

cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện; (4) Về tổ chức lại đảng bộ khối doanh nghiệp cấp tỉnh; (5) Về thí điểm hợp nhất các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; (6) Về thực hiện thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành một văn phòng tham mưu, giúp việc chung ở những nơi có đủ điều kiện.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện. Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, sinh viên, dân tộc thiểu số, tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và chủ doanh nghiệp tư nhân trong 10 năm qua tăng hơn trước.

Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược. Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về xây dựng đội ngũ cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng các

quy chế, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn.

Công tác lãnh đạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ có tiến bộ. Lần đầu tiên đã xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước khóa XII và tiếp tục xây dựng quy hoạch cán bộ cho khóa XIII. Ban hành quy định và thực hiện chế độ, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt.

*Bốn là, xây dựng Đảng về đạo đức.*

Coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; chỉ đạo, tổ chức, triển khai đạt kết quả bước đầu trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thực hiện có hiệu quả hơn; kỷ cương, kỷ luật được tăng cường. Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã làm rõ nhiều vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, quyết định kỷ luật và đề nghị cấp có thẩm quyền kỷ luật đối với những cán bộ cao cấp và tổ chức đảng vi phạm, trong đó có cả Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị; kỷ luật cả cán bộ đương chức và đã nghỉ hưu, cả trong lực lượng vũ trang. Chỉ tính từ 2016 đến hết năm 2018 đã kỷ luật hơn 60 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, 12 Ủy viên Trung ương và nguyên Ủy viên Trung ương, 15 tướng lĩnh quân đội, công an. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tiêu cực, làm trong sạch một bước đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh xã hội, xóa đói, giảm nghèo;

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Áp dụng nhiều hình thức tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

*Năm là, phương thức lãnh đạo của Đảng.*

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị từng bước được cụ thể hóa và đổi mới. Trong 10 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, kết

luận, chỉ thị của Đảng trong hệ thống chính trị được coi trọng hơn, đạt những thành quả quan trọng.

Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục thực hiện một số thí điểm: đại hội các cấp bầu trực tiếp thường vụ, bí thư, phó bí thư, bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, xã ở những nơi có điều kiện; không tổ chức ban cán sự đảng ở các đơn vị sự nghiệp; hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ... Việc thực hiện những thí điểm này đã thu được những kết quả bước đầu, nhất là ở một số địa phương.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên được coi trọng hơn. Đa số cán bộ, đảng viên, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện chức trách, nhiệm vụ; lãnh đạo, tổ chức, động viên sự tham gia của nhân dân vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Thực

**Trong 10 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.**

hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Quan tâm đến việc phát huy vai trò của đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

## 2. Hạn chế

Bên cạnh thành tựu đạt được, một số hạn chế, khuyết điểm qua các nhiệm kỳ chậm được khắc phục trên các lĩnh vực xây dựng Đảng. Cụ thể như sau:

*Một là, xây dựng Đảng và chính trị.*

Vẫn còn tình trạng ban hành nhiều nghị quyết trong một nhiệm kỳ và tại mỗi kỳ họp. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng, kể cả nghị quyết khi ban hành được toàn Đảng, toàn dân đồng tình, rất đúng, rất trúng như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4, 6, 7 khóa XII, nhưng chưa đạt được yêu cầu đề ra. Các nguyên tắc xây dựng Đảng như

nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, liên hệ mật thiết với nhân dân ở nhiều tổ chức đảng còn bị vi phạm.

*Hai là, xây dựng Đảng về tư tưởng.*

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn diễn biến nhanh chóng, phức tạp; chưa giải đáp được một số vấn đề do thực tiễn đặt ra; chưa coi trọng đúng mức tổng kết việc thực hiện các thí điểm; công tác dự báo còn hạn chế; chưa làm

**Đa số cán bộ, đảng viên, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu thực hiện chức trách, nhiệm vụ; lãnh đạo, tổ chức, động viên sự tham gia của nhân dân vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.**

tốt chức năng định hướng cho hoạt động thực tiễn, chưa có những giải pháp mới, đột phá để cung cấp căn cứ khoa học kịp thời, chính xác cho hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, sức thuyết phục chưa cao, tính chiến đấu còn hạn chế; công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa kịp thời, thiếu chiều sâu, chưa làm rõ

và đáp ứng các vấn đề quan tâm của nhân dân; công tác kiểm soát, đấu tranh phản bác, ngăn chặn các luận điệu thông tin xấu, sai trái, mang tính kích động, xuyên tạc trên mạng xã hội còn nhiều bất cập, hiệu quả hạn chế.

#### *Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức*

Công tác tổ chức, cán bộ còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 6 và 7 khóa XII mới đạt kết quả bước đầu. Tổ chức của một số cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội chưa tinh gọn, hoạt động chưa hiệu lực, hiệu quả. Việc chỉ đạo khắc phục có hiệu quả tình trạng yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa quyết liệt; còn lúng túng trong việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc đổi mới công tác cán bộ còn chậm, nhiều cơ chế, chính sách cụ thể chưa được ban hành hoặc đã ban hành theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII còn bất cập. Một bộ phận cán bộ cấp chiến lược chưa đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chưa quan tâm đầy đủ đến việc xây dựng đội ngũ cán

bộ tham mưu cấp chiến lược.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi rất thấp; quản lý đảng viên chưa chặt chẽ; quyền hạn và trách nhiệm chưa rõ ràng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác phát triển đảng viên ở nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn.

#### *Bốn là, xây dựng Đảng về đạo đức*

Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược cả đương chức và đã nghỉ hưu, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, còn biểu hiện “đặc quyền, đặc lợi”. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính Đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trục lợi, làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có những chuyển biến tích cực, nhưng chưa nhiều, chưa đều, vẫn còn tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”. Chưa coi trọng kiểm tra nhằm ngăn chặn khuyết điểm, mới nặng về xử lý kỷ luật đảng.

Công tác dân vận còn nhiều hạn chế. Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có những bất cập, sơ hở, khuyết điểm, chưa thật sự quán triệt quan điểm “dân là gốc”; chưa thật sự lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những bức xúc, tồn đọng kéo dài trong một bộ phận nhân dân đối với các vấn đề xã hội nhạy cảm như đất đai, môi trường; những vụ việc khiếu kiện phức tạp kéo dài trong nhân dân chưa được xử lý triệt để; chưa thường xuyên quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho nhân dân, nhất là công nhân và người lao động.

*Năm là, phương thức lãnh đạo của Đảng*

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi

mới, có mặt còn lúng túng. Quan điểm Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước chưa được thể chế hóa, cụ thể hóa. Tình trạng cấp ủy bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã và đang diễn ra ở nhiều ngành, địa phương, lĩnh vực.

Thực hiện phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng còn nhiều lúng túng. Chức năng, nhiệm vụ của một số đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối,... chưa được xác định rõ ràng, cụ thể, hoạt động thiếu hiệu quả. Tình trạng ở cùng một đơn vị, bộ, ngành còn nhiều tổ chức đảng, thuộc các đầu mối khác nhau, tổ chức đảng và tổ chức chính trị - xã hội không đồng nhất về đầu mối trực thuộc... chậm được khắc phục, dẫn đến sự chông chéo, hoạt động gặp nhiều vướng mắc, lúng túng.

Phương thức lãnh đạo thông qua đảng viên còn nhiều bất cập. Chưa xác định rõ, cụ thể và thực hiện nghiêm chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị, của cấp ủy viên; chất lượng và vai trò của đảng viên ở nông thôn, ở thành



phố, trong các doanh nghiệp, trường học... còn nhiều hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về *khách quan*, những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới, diễn biến chính trị thế giới vượt xa dự báo thông thường; sự tấn công rất thâm độc của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng chính trị; mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế... đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ, cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ... là những vấn đề mới, khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Về *chủ quan*, đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới chưa thật mạnh mẽ. Nhận

thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương; chưa cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ một số quan điểm lớn, đúng đắn về xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức và hoạt động; cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng còn nhiều bất cập. Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ chức và cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức và năng lực, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa được xử lý kịp thời, kiên quyết.

### 3. Một số vấn đề đặt ra

*Một là*, vấn đề xây dựng Đảng nói chung, trong từng lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức nói riêng là công việc hệ trọng liên quan đến uy tín và sự tồn vong của Đảng; hơn nữa, đó là một quá trình liên tục, kéo dài. Do đó, vấn đề đặt ra là cần phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc, cần có chiến lược lâu dài, có quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị. Cần phải nâng tầm đạo đức, trí tuệ, trách nhiệm của Đảng trước quốc gia - dân tộc và nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực cầm quyền, hiệu quả lãnh đạo của Đảng ngang tầm nhiệm vụ.

*Hai là*, cần làm rõ những vấn đề cơ bản về Đảng cầm quyền, khắc phục sự tụt hậu về lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ

chức, đạo đức; tiếp tục tìm ra và thực hiện những giải pháp mới, đột phá, khả thi để phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Ba là*, vẫn còn tình trạng ban hành nhiều nghị quyết và chậm đưa nghị quyết vào cuộc sống. Tình hình đó đòi hỏi tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc xây dựng, triển khai và đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; khắc phục mạnh mẽ tình trạng ra nhiều nghị quyết. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ; thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết.

*Bốn là*, trong xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh nói chung, trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nói riêng, nội dung làm theo và nêu gương nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, cán bộ cấp chiến lược là vấn đề thực chất và cốt yếu nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc; nói chưa đi đôi với làm gây bức xúc trong xã hội và làm giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân với Đảng và Nhà nước ■

# TƯ DUY MỚI VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**L** Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế kém phát triển, nông nghiệp là ngành sản xuất chủ đạo, chưa qua giai đoạn công nghiệp hóa, lại bị chiến tranh tàn phá, nên việc cần phải tiến hành công nghiệp hóa để phát triển đất nước là một chủ trương, quan điểm đúng đắn, có ý nghĩa chiến lược. Đại hội III của Đảng (năm 1960) xác định công nghiệp hóa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, việc tập trung cao độ sức người, sức của, các nguồn lực vật chất và tinh thần cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt bằng không quân, hải quân Mỹ đánh phá miền Bắc nhằm ngăn cản

chi viện của hậu phương miền Bắc cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở miền Nam, đã làm cho việc thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa đất nước gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại, không thực hiện được mục tiêu đề ra. Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (năm 1975), đất nước ta rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm, phải vật lộn để lo đời sống cho nhân dân và ra khỏi cuộc khủng hoảng. Ngay khi đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) đã chủ trương “đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”<sup>1</sup> và “Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, thực hiện những bước tiến tuần tự về công nghệ với tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành



*Lắp ráp linh kiện điện tử tại Samsung Bắc Ninh, Việt Nam \_ Ảnh: doanhnhansaigon.vn*

những mũi nhọn phát triển kinh tế theo trình độ tiên tiến của khoa học và công nghệ thế giới”<sup>2</sup>. Đại hội VIII của Đảng (1996) tiếp tục chủ trương “đẩy mạnh công nghiệp hóa”<sup>3</sup> và đề ra mục tiêu “từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”<sup>4</sup>. Các Đại hội IX, X, XI đều khẳng định mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy nhiên, đến năm 2016, Đại hội XII của

Đảng đánh giá đến năm 2020, nước ta chưa thể trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại nên đã điều chỉnh lại mục tiêu thành “phấn đấu sớm đưa nước ta thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>5</sup>.

Công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế đất nước ta thực hiện trong hơn 30 năm qua tập trung vào thực hiện những định hướng, nội dung lớn là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội

nhập kinh tế quốc tế. Trong ba nội dung lớn, quan trọng đó thì việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế đã có những bước tiến dài, có những thành tựu nổi bật (nền kinh tế nước ta hiện nay, về cơ bản, đã là một nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế và định hướng xã hội chủ nghĩa), còn nhiệm vụ công nghiệp, hiện đại hóa đất nước kết quả đạt được rất hạn chế, không chỉ không thực hiện được mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, mà đất nước vẫn đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong khi Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, trong 30 năm, từ những năm 60 đến những năm 90 của thế kỷ trước và gần đây nhất, cũng chỉ trong hơn 30 năm thực hiện cải cách mở cửa, Trung Quốc cũng đã từ một nước kinh tế kém phát triển trở thành những nước công nghiệp phát triển.

Khi các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra cuối thế kỷ 18, cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra cuối thế kỷ 19 trên thế giới

thì nước ta đang là nước phong kiến và nước thuộc địa. Bối cảnh đó làm cho nước ta không tiếp cận được với các cuộc cách mạng công nghiệp này. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra trên thế giới vào nửa cuối thế kỷ 20. Trong những năm này, nước ta đang trong thời kỳ chiến tranh, sau đó rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, bị bao vây cấm vận, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp...; bối cảnh này đã tạo ra cho nước ta nhiều khó khăn, cản trở việc tiếp cận những thành tựu của cuộc cách mạng này, tham gia vào cuộc cách mạng này, sử dụng những thành tựu của nó để phát triển đất nước. Ngày nay, nhân loại đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dù mới ở giai đoạn ban đầu, nhưng dự báo sẽ tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế toàn cầu. Các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai trước đây tạo ra những máy móc, thiết bị, những động lực mới, công cụ, phương tiện mới thay thế cho sức người, sức kéo của ngựa, trâu, bò, khắc phục những giới hạn thể lực của con người, giảm nhẹ hao phí sức lực

của con người, thay thế con người ở những công việc nặng nhọc, độc hại, làm được những việc mà do hạn chế về thể lực, con người không thực hiện được. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba với việc tạo ra những máy tính điện tử và kết nối mạng máy tính, đã bước đầu thay thế một phần lao động trí tuệ của con người, tạo nên những dây truyền, những hệ thống sản xuất tự động hóa. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đột phá vào trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, Blockchain, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, Internet kết nối vạn vật..., sẽ là sự thay thế bộ não, hệ thống thần kinh của con người, thậm chí có những năng lực vượt qua cả trí tuệ của con người. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư không dừng lại ở việc tạo ra những hệ thống sản xuất tự động hóa, mà tạo ra hệ thống sản xuất thông minh, phân phối thông minh, nền công nghiệp thông minh, nông nghiệp thông minh, thương mại, dịch vụ thông minh, hệ thống kết cấu hạ tầng điện, nước, giao thông, vận tải thông minh, tạo ra những đô thị, thành phố thông minh... với những hệ thống máy móc,

thiết bị, phương tiện thông minh và hệ thống quản trị thông minh. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn tạo ra những vật liệu mới với những thuộc tính đặc biệt, không có sẵn trong tự nhiên... Mặc dù nội dung, những định hướng phát triển, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn ở phía trước, chưa thể dự báo được đầy đủ, nhưng chắc chắn sẽ tạo ra những thay đổi to lớn, mạnh mẽ ở mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, tổ chức quản lý của nhà nước, phương thức sinh hoạt của xã hội, đưa nhân loại vào thời kỳ phát triển mới. Quá trình đó tạo ra cả những cơ hội lớn và cả những thách thức đối với mọi quốc gia.

2. Cũng như các quốc gia khác trên thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cho nước ta những cơ hội và thách thức lớn. Vì nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan, do trình độ phát triển kinh tế, trình độ phát triển khoa học - công nghệ còn thấp, là nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế thị trường, cơ chế thị trường còn chưa phát huy đầy đủ, hệ thống thị trường còn nhỏ, vận hành

chưa thật thông suốt, trong môi trường cạnh tranh gay gắt trên quy mô toàn cầu, có nhiều đối thủ lớn... nên thách thức đối với nước ta lớn hơn so với nhiều nước khác. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng thời cơ và thuận lợi của nước ta là rất lớn. Sau hơn 30 năm đổi mới, thế và lực của đất nước tăng lên trên mọi lĩnh vực, kinh tế đất nước đã trở thành nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quan hệ kinh tế của đất nước mở rộng, uy tín của đất nước tăng lên trong khu vực và trên thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có nhiều đặc điểm mới so với các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, trong đó, có những đặc điểm mới tạo ra thuận lợi cho nước ta. Yếu tố quan trọng hàng đầu để phát triển ngày nay không phải là tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực tài chính, mà là trí tuệ, khoa học - công

nghệ, ý tưởng đổi mới sáng tạo và chất lượng nguồn nhân lực mà đây là một tiềm năng, thế mạnh của người Việt Nam. Nhiều sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như mạng Internet, các cơ sở thông tin dữ liệu có thể cho phép khai thác sử dụng không giới hạn, việc khai thác, sử dụng của người này không cản trở việc khai thác sử dụng của người khác (tất nhiên, trừ những thông tin bí mật cần được bảo vệ). Nhiều lĩnh vực mới, công nghệ mới, không chỉ mới với nước ta mà mới cả với nhiều nước cao hơn nước ta; vì vậy nước ta ở cùng điểm xuất phát như nhiều nước khác; cuộc cách mạng này cho phép có thể đi tắt, đón đầu, có những phát triển nhảy vọt...

Để tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức, có nhiều việc phải làm, nhưng việc *đầu tiên*, hết sức quan trọng là vấn đề nhận thức, đổi mới tư

**Cũng như các quốc gia khác trên thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cho nước ta những cơ hội và thách thức lớn. Vì nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan,... trong môi trường cạnh tranh gay gắt trên quy mô toàn cầu, có nhiều đối thủ lớn... nên thách thức đối với nước ta lớn hơn so với nhiều nước khác.**

duy, xây dựng quyết tâm. Vì hoàn cảnh và nguyên nhân khách quan, đất nước ta đã không có được cơ hội phát triển do các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, lần thứ hai và cả lần thứ ba tạo ra. Đối với cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, phải nhận thức đây là cơ hội, là thời cơ lớn để phát triển đất nước không thể bỏ lỡ, không được bỏ lỡ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần này diễn ra với tốc độ rất nhanh, quy mô rất lớn, sẽ tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực, dự báo sẽ đưa thế giới vào một thời đại mới. Vì vậy, nếu bỏ lỡ, không tận dụng được cơ hội này để phát triển đất nước, đất nước ta sẽ tụt hậu rất xa, rất khó có thể vươn lên theo kịp các nước khác; nước ta hội nhập, tham gia vào phân công, hợp tác quốc tế, vào các chuỗi giá trị toàn cầu ở những công đoạn công nghệ thấp, giá trị gia tăng thấp, gia công, lắp ráp, thậm chí trở thành “bãi thải công nghiệp” của các nước phát triển; khi đó hậu quả sẽ hết sức nghiêm trọng, không chỉ về kinh tế, mà cả về chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, sự ổn định, độc lập, chủ quyền của đất nước. Đây là vấn đề toàn

Đảng, toàn dân cần phải nhận thức sâu sắc, phải có ý chí, quyết tâm mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm bắt bằng được cơ hội này để phát triển đất nước, phải có khát vọng đưa đất nước ta sánh vai với bè bạn năm châu. Nhận thức phải sâu sắc, ý chí quyết tâm phải mạnh mẽ, khát vọng phải cháy bỏng, như ý chí và khát vọng dù đốt cháy cả dãy Trường sơn cũng phải giành cho được độc lập tự do, thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ của dân tộc ta trong những năm tháng chiến đấu ác liệt, đầy hy sinh, gian khổ để giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc; với ý chí và khát vọng đó, nhân dân ta đã đánh bại những kẻ thù xâm lược hùng mạnh nhất của thời đại khi đó. Giờ đây, để phát triển đất nước trong bối cảnh mới, để đất nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa rất cần phải có ý chí, quyết tâm mạnh mẽ và khát vọng cháy bỏng như vậy của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi người Việt Nam. Đây là bài học của các thế hệ cha, anh chúng ta, là kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới bằng ý



chí và nghị lực của mình đã làm nên những kỳ tích phát triển được cả thế giới khâm phục, như Israel, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...

*Thứ hai* là phải có tư duy mới về phương thức và nội dung công nghiệp hóa. Tư duy về công nghiệp hóa ở nước ta hiện nay là tư duy về công nghiệp hóa trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, tận dụng tốt những điều kiện và thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đi tắt, đón đầu, tạo ra sự phát triển nhảy vọt, phát triển bền vững, bao trùm. Cần phải khuyến khích phát huy tiềm năng, thế mạnh, tính năng động, đổi mới sáng tạo của mỗi người, mỗi doanh nghiệp, của mọi thành phần kinh tế, phát huy sức mạnh của đất nước và sức mạnh quốc tế, sức mạnh của thời đại. Cần phải tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành phong trào mạnh mẽ; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa rộng khắp các ngành, lĩnh vực, các địa bàn; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế lớn, có sức cạnh tranh cao; xây dựng doanh nghiệp Việt Nam thành lực

lượng mạnh, làm nòng cốt thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Đồng thời, cần phải hỗ trợ, khuyến khích mọi ngành, lĩnh vực, mọi doanh nghiệp chuyển mạnh sang phát triển theo chiều sâu dựa trên khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh trên quy mô toàn cầu. Lựa chọn sản xuất kinh doanh cái gì trong điều kiện hiện nay là vấn đề rất quan trọng, nhưng vấn đề sản xuất kinh doanh như thế nào, bằng cách nào, bằng công nghệ nào còn quan trọng hơn. Bởi vậy, cần phải định hướng phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế, tất cả các doanh nghiệp dù là ở ngành, lĩnh vực nào, sản xuất hàng hóa, dịch vụ gì, đều phải đổi mới công nghệ, đi tắt, đón đầu, chuyển mạnh sang ứng dụng những công nghệ ở trình độ cuộc cách mạng lần thứ tư; ứng dụng những thành tựu mới của công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ thông tin, sử dụng Internet kết nối vạn vật, rôbot, máy móc, thiết bị thông minh... vào

sản xuất kinh doanh và quản lý sản xuất kinh doanh; tạo sự phát triển nhảy vọt của các ngành, lĩnh vực kinh tế của đất nước từ trình độ công nghệ hiện nay sang tự động hóa, tiến tới thông minh hóa: nông nghiệp thông minh, công nghiệp thông minh, dịch vụ vận tải thông minh, ngân hàng thông minh,... sản xuất kinh doanh thông minh, tiêu dùng thông minh, tổ chức, quản lý xã hội thông minh.

Cùng với định hướng cần phải đổi mới mạnh mẽ công nghệ của cả nền kinh tế, thì cần phải tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển của đất nước, đồng thời phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay. Văn kiện Đại hội Đảng trong nhiều nhiệm kỳ đã xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp. Đối với điều kiện nước ta, việc xác định như vậy là đúng đắn, không chỉ với trước đây, mà đúng đắn cả trong điều kiện hiện nay. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra cơ hội, điều kiện cho nông nghiệp có bước phát triển vượt bậc, nhảy vọt.

Nông nghiệp cần phải nghiên cứu, ứng dụng những tiến bộ mới của khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học tạo ra các giống cây, giống con mới, quy trình sản xuất mới, các loại phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y mới thân thiện với môi trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; sử dụng các loại máy móc hiện đại, thông minh vào các khâu của quá trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm; sử dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giám sát quá trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm. Điều đó sẽ không chỉ nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nông nghiệp nước ta mà còn giúp nông nghiệp nước ta phát triển bền vững trước tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng.

Đồng thời, cần ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp điện tử, thông tin, viễn thông, công nghiệp chế tạo, công nghiệp năng lượng, công nghiệp vật liệu mới. Đây là những ngành mũi nhọn của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng là những ngành công nghiệp nền tảng để phát triển đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập,

tự chủ. Các máy móc, thiết bị, hệ thống thông tin, các dây truyền sản xuất tự động, các phương tiện vận tải (cả đường bộ, đường thủy, đường không), thiết bị y tế, các dụng cụ do các ngành chế tạo, điện tử, viễn thông sản xuất phục vụ cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, cho sinh hoạt của dân cư đều phải hướng tới đạt trình độ khoa học công nghệ cao, được trang bị trí tuệ nhân tạo, kết nối mạng thông tin, Internet kết nối vạn vật để trở thành những máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ thông minh. Công nghiệp năng lượng phải hướng vào phát triển các dạng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, thân thiện với môi trường. Công nghiệp vật liệu phải phát triển những vật liệu mới có những đặc tính vượt trội siêu nhẹ, siêu cứng, siêu bền, siêu chịu nhiệt, siêu dẫn... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ sản xuất các linh kiện,

**Cùng với định hướng cần phải đổi mới mạnh mẽ công nghệ của cả nền kinh tế, thì cần phải tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển của đất nước, đồng thời phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay.**

thiết bị, phụ tùng được tiêu chuẩn hóa, có thể sử dụng được vào nhiều loại máy móc, thiết bị ở nhiều ngành, lĩnh vực; thúc đẩy phân công, chuyên môn hóa sản xuất, mở rộng khả năng, cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu, có giá trị lớn, có vị trí vững chắc trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, cần tập trung xây dựng, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng với trình độ khoa học công nghệ của thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như: hạ tầng thông tin, viễn thông, Internet kết nối vạn vật, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng giao thông, điện, nước thông minh...

*Thứ ba* là phải có tư duy mới về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát huy vai trò của khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN luôn được các đại hội Đảng

nhiều nhiệm kỳ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là đột phá chiến lược để phát triển kinh tế đất nước. Hiện nay, trong bối cảnh mới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính để tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, thì việc hoàn thiện thể chế kinh tế cần tập trung vào xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp. Cần xây dựng, ban hành luật pháp, chính sách cho sự ra đời, hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm, các tổ chức tư vấn pháp luật, tư vấn về khoa học, công nghệ, về tài chính, về xúc tiến thương mại... để khuyến khích, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp; cho việc hình thành các ý tưởng đổi mới, sáng tạo và hiện thực hóa các ý tưởng sáng tạo đó thành các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cho xã hội; để khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thật sự là một nguồn lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước.

Hoàn thiện thể chế cần tập trung vào tháo gỡ các khó khăn, rào cản để đẩy mạnh việc cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế; khuyến

khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ và quy trình sản xuất, đổi mới quản lý trên cơ sở những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (đối với các doanh nghiệp lớn, cần khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ, phát triển những sản phẩm mới) để phát triển, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, tham gia được vào các chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, các sản phẩm công nghệ cao, đặc trưng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển nền công nghiệp thông minh, các dịch vụ thông minh. Hoàn thiện thể chế để chủ động thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tập trung thu hút các dự án có công nghệ cao, các lĩnh vực mũi nhọn của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thân thiện với môi trường, có liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài. Đồng thời, hoàn thiện thể chế, tạo khung khổ luật pháp, những căn cứ pháp lý,

những định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật cho việc xây dựng, vận hành, quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thông minh: các hệ thống giao thông, phương tiện vận tải thông minh, hệ thống điện thông minh, cấp, thoát nước thông minh, thương mại điện tử, bệnh viện và hệ thống chăm sóc sức khỏe thông minh và cho việc xây dựng, vận hành, quản lý các đô thị, thành phố thông minh...

Để công nghiệp hóa không chỉ cần có động lực mà cần phải có nguồn lực, trong đó nguồn lực quan trọng nhất là khoa học - công nghệ và nhân lực chất lượng cao. Nhiệm vụ, mục tiêu công nghiệp hóa đất nước trong những năm vừa qua kết quả đạt được còn hạn chế có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là khoa học - công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực của đất nước còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu (mặc dù Đảng, Nhà nước ta đã nhận thức đúng vai trò to lớn của khoa học - công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực đối với sự phát triển đất nước, đã xác định khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nguồn lực quan trọng

nhất để phát triển đất nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là đột phá chiến lược; đòi hỏi phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, đổi mới chính sách đối với khoa học - công nghệ). Hoàn thiện thể chế nhưng không phát triển được khoa học công nghệ, không nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực thì chỉ tạo được môi trường cho đầu tư nước ngoài (mà cũng chỉ ở những khâu gia công, lắp ráp để tận dụng lao động rẻ), khó phát triển được các doanh nghiệp trong nước lớn mạnh. Trong thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực càng có ý nghĩa và vai trò quyết định đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, tư duy mới về công nghiệp hóa hiện nay là phải tập trung cao cho phát triển khoa học - công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng đầu tư nhà nước; học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến để ban hành cơ chế, chính sách về tổ chức, quản lý khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo; khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đầu tư vào phát triển khoa học công



*Ứng dụng khoa học - công nghệ nâng cao năng suất nông nghiệp \_ Ảnh: viennhaho.org.vn*

nghe và đào tạo, nhanh chóng nâng cao năng lực khoa học công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực của đất nước. Đồng thời, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp mua, tiếp nhận, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ từ nước ngoài; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư nước ngoài (FDI) có trình độ khoa học - công nghệ cao, có cam kết chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước; có chiến lược, kế hoạch đưa sinh viên đi đào tạo ở những nước có công nghệ hàng đầu

về những lĩnh vực mà đất nước cần phát triển; thu hút tài năng, nhất là trong người Việt Nam ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

*Thứ tư* là phải có tư duy mới về vai trò và phương thức quản lý kinh tế của Nhà nước. Vai trò của Nhà nước là hết sức quan trọng đối với việc phát triển kinh tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Rất nhiều lĩnh vực kinh tế mới, phương thức kinh doanh mới, quan hệ kinh tế mới, nhiều loại sản phẩm mới ra đời cần phải có khung khổ pháp luật,

hành lang pháp lý cho doanh nghiệp hoạt động, cũng như để Nhà nước điều tiết, quản lý, để bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường. Nhiều sản phẩm mới, lĩnh vực mới có tiềm năng phát triển, đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng cũng đòi hỏi đầu tư lớn, rủi ro cao, cần phải được Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ. Rất nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường mới nảy sinh đòi hỏi phải có nhà nước mới giải quyết được, như vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tình trạng thất nghiệp đối với lao động bị máy móc thay thế, do đó, làm tăng tình trạng phân hóa giữa các đối tượng xã hội; việc phát sinh nhiều loại tội phạm mới, xâm phạm an ninh mới trên cơ sở sử dụng công nghệ cao... Đặc biệt là, rất cần sự tham gia, hỗ trợ của nhà nước trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển, nhập khẩu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, yếu tố quyết định sự phát triển, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của sản phẩm, nhưng từng doanh nghiệp khó có thể thực hiện được. Tất cả những vấn đề này đòi hỏi phải có vai trò của Nhà nước. Vai trò

của Nhà nước không chỉ là quản lý để bảo vệ quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, duy trì trật tự pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, mà rất quan trọng là kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững, bao trùm.

Cùng với đổi mới nội dung quản lý của Nhà nước, phương thức quản lý của Nhà nước cũng cần phải thay đổi thích ứng với sự phát triển đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nền kinh tế thông minh, xã hội thông minh đòi hỏi phải có quản lý nhà nước thông minh, có chính phủ thông minh, nền quản trị quốc gia thông minh. Đây là đòi hỏi khách quan, tất yếu. Không có tổ chức nhà nước thông minh, chính phủ thông minh, một nền quản trị quốc gia thông minh thì không thể nắm bắt được đầy đủ, kịp thời những thông tin vô cùng phong phú, đa dạng, thay đổi nhanh chóng của tình hình thực tế mọi mặt của đất nước trong thời đại mới; cũng không thể phân tích, đánh giá, xử lý để đưa ra những quyết định chính xác, kịp thời giải quyết những

vấn đề đặt ra. Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp, nhưng nhất định phải thực hiện. Để làm điều này, cần phải: (1) Xây dựng được hệ thống kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng thông tin kết nối từ chính phủ tới tất cả các bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, tới từng hộ gia đình, từng người dân và bảo đảm cho hệ thống đó luôn được vận hành thống suốt. Đồng thời, phải xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ về từng người dân, từng hộ gia đình, từng cơ quan, đơn vị, từng doanh nghiệp, tới tất cả các ngành, các địa phương, của cả đất nước và về tình hình, thành tựu trong mọi lĩnh vực trên thế giới. Tất cả những thông tin này phải được lưu giữ, bảo quản, bảo

mật và có thể tìm kiếm, khai thác, sử dụng nhanh nhất, chính xác nhất. (2) Xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở tinh gọn, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, với điều kiện các cơ quan đã được trang bị những công cụ thông tin quản lý hiện đại để nắm bắt tình hình, xử lý thông tin, chỉ đạo, điều hành. (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, phong cách làm việc khoa học, có trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, nhạy bén với cái mới, có ý tưởng đổi mới sáng tạo, làm chủ được các công cụ, phương tiện hiện đại để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ■

<sup>1, 2</sup> Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.405-406

<sup>3, 4</sup> Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.466-467.

<sup>5</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.76.



# MÔ HÌNH THỂ CHẾ TỐI ƯU (MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN - SỰ LỰA CHỌN PHÙ HỢP CHO VIỆT NAM)

● TS. NGUYỄN SĨ DŨNG

“**C**ải cách thể chế, cải cách thể chế và cải cách thể chế” đang là khẩu hiệu hành động được nhiều nhà lãnh đạo đưa ra. Quả thực, về mặt nhận thức, đây là một thành tựu rất đáng được ghi nhận. Không có được nhận thức như vậy, không thể có đủ quyết tâm chính trị để thúc đẩy những cải cách về cơ bản là khó khăn và cũng đầy rủi ro.

**Để trả lời câu hỏi cải cách thể chế như thế nào thì quan trọng nhất là lựa chọn mô hình thể chế. Các mô hình thể chế đưa lại thành công và thịnh vượng không thiếu ở trên thế giới. Vấn đề là phải lựa chọn cho được mô hình phù hợp với Việt nam.**

Tuy nhiên, vấn đề không chỉ nằm ở nhận thức phải cải cách thể chế, mà còn nằm ở sự hiểu biết về việc phải cải cách như thế nào và xử lý những rủi ro đi kèm ra làm sao. Bài viết này sẽ cố gắng trả lời hai câu hỏi nóng bỏng nói trên từ những hiểu biết khiêm tốn của tác giả.

**Mỗi mô hình thể chế chỉ thành công trong một môi trường văn hóa nhất định**

Để trả lời câu hỏi cải cách thể chế như thế nào thì quan trọng nhất là lựa chọn mô hình thể chế. Các mô hình thể chế đưa lại thành công và thịnh vượng không thiếu ở trên thế giới.

Vấn đề là phải lựa chọn cho được mô hình phù hợp với Việt nam.

Mỹ, Úc, Canada, New Zealand đều

đã từng là thuộc địa của nước Anh và đều đã rất thành công khi áp dụng mô hình thể chế của Anh cho đất nước mình. (Nước Mỹ có mô hình tổ chức nhà nước hơi khác, nhưng về cơ bản, các mô hình thể chế khác đều chịu ảnh hưởng của Anh). Nhiều người cho rằng di sản lớn nhất của nước Anh là mô hình thể chế của nước này. Các nước cựu thuộc địa của Anh đã được tận hưởng được mô hình thể chế của Anh nên đều rất phát triển. Tuy nhiên, nếu nhận xét nói trên đúng cho nước Mỹ, nước Úc, nước Canada, nước New Zealand, thì có vẻ lại không hoàn toàn đúng cho Ấn Độ, Pakistan và nhiều nước châu Phi khác từng là thuộc địa của Anh.

Tại sao mô hình thể chế của nước Anh lại chỉ phát huy tác dụng ở một số nước, còn ở một số nước khác thì không? Câu trả lời nằm ở nền tảng văn hóa của các nước. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy, các nước Mỹ, Úc, Canada, New Zealand có nền tảng văn hóa tương đồng với nước Anh. Người Anh đã không chỉ xuất khẩu thể chế, mà còn di dân và xuất khẩu văn hóa tới những nước trên. Trong lúc đó, nước Anh đã không thể xuất

khẩu văn hóa của mình sang Ấn Độ, Pakistan và các nước thuộc địa châu Phi. Chính vì thế mô hình thể chế của nước Anh ít phát huy tác dụng ở các nước nói trên. Điều dễ nhận thấy ở đây là: một mô hình thể chế chỉ phát huy tác dụng ở các nước có nền tảng văn hóa tương đồng và ít phát huy tác dụng ở các nước có nền tảng văn hóa khác biệt.

Tương tự cũng là điều chúng ta có thể nói về mô hình thể chế của nhà nước phúc lợi. Các nhà nước phúc lợi Bắc Âu (Thụy Điển, Đan Mạch, Phần lan, Na Uy...) là mô hình thể chế có thể được coi là thịnh vượng và tốt đẹp nhất đang tồn tại trên thế giới hiện nay. Ở các nước này, người dân sinh ra đã được nhà nước chăm lo đầy đủ về mọi mặt. Cuộc sống của họ hết sức an toàn, đầy đủ và hạnh phúc. Thế nhưng tại sao một mô hình thể chế tốt đẹp (có người còn coi là mô hình thể chế chủ nghĩa xã hội nhất) lại không thể nhân rộng ra được ngoài vùng Bắc Âu? Lý do là vì thiếu nền tảng văn hóa của Bắc Âu không thể vận hành được một mô hình như vậy. “Biết thế nào là đủ” là một nét văn hóa rất đặc biệt của những người dân Bắc Âu. Những



*Việt Nam có nền văn minh lúa nước lâu đời \_ Ảnh: IT*

người dân này sẵn sàng đóng thuế cho nhà nước đến 70-75% thu nhập của mình mà không hề tâm tư, suy bì. Bất cứ ở một nơi nào khác trên thế giới, mức thuế như trên sẽ triệt tiêu động lực làm việc, còn ở các nước Bắc Âu thì lại không. Ví dụ từ các nước Bắc Âu một lần nữa khẳng định nền tảng văn hóa là rất quan trọng để một mô hình thể chế có thể thành công.

### **Nền tảng văn hóa của Việt Nam phù hợp với mô hình thể chế nào?**

Về mặt vị trí địa lý, Việt Nam thuộc về nhóm các nước Đông Nam Á. Tuy

nhiên, về mặt văn hóa, chúng ta lại thuộc về các nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Bắc Triều Tiên). Ăn cơm bằng đũa, viết chữ tượng hình (Việt Nam đã từng có chữ nôm là chữ tượng hình) chỉ là một vài biểu hiện ra bên ngoài của văn hóa Đông Bắc Á. Cái nằm sâu bên trong ảnh hưởng đến cách nghĩ, cách hành xử của cư dân ở vùng này là tinh thần và tư tưởng Nho giáo. Một trong những đặc điểm nổi bật của các nước này là truyền thống khoa bảng. Học hành, thi cử để làm

quan là con đường phấn đấu được coi trọng nhất. Đây cũng là nền tảng văn hóa để nhà nước có thể tuyển dụng được những người tài giỏi nhất cho nền quản trị công.

Mô hình thể chế được hầu hết các nước Đông Bắc Á lựa chọn là nhà nước kiến tạo phát triển (developmental state). Mô hình thể chế này đã đưa lại sự phát triển kỳ diệu cho cả Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài loan và gần đây là cả Trung Quốc. Sự thành công của các nước này cho thấy mô hình nhà nước kiến tạo

phát triển rất phù hợp với nền tảng văn hóa của các nước Đông Bắc Á. Mà như vậy thì mô hình này có nhiều khả năng sẽ phù hợp với Việt Nam hơn cả.

Điều đáng nói ở đây là rất nhiều nước ở các vùng miền khác trên thế giới đã cố gắng áp dụng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển, nhưng đều đã không thành công. Trường hợp ngoại lệ, có lẽ, chỉ là các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất.

## **Nội hàm của khái niệm “nhà nước kiến tạo phát triển”**

Khái niệm “nhà nước kiến tạo phát triển” được nhà nghiên cứu Chalmers Johnson đưa ra từ những năm tám

**Nhà nước kiến tạo phát triển không đứng ngoài thị trường, nhưng cũng không làm thay thị trường. Mà nhà nước kiến tạo phát triển chủ động can thiệp mạnh mẽ vào thị trường để thúc đẩy phát triển và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đã được đề ra.**

mươi của thế kỷ trước khi ông nghiên cứu về sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản. Ông nhận thấy rằng trong sự phát triển thần kỳ ấy có vai trò rất quan trọng của nhà nước. Nhà nước Nhật Bản đã không chỉ tạo ra khuôn khổ cho sự phát triển, mà còn định hướng và thúc đẩy sự phát triển đó. Sau này, ngoài Nhật Bản ra, Hàn

Quốc, Đài Loan, Trung Quốc... đều được xem là những nhà nước kiến tạo phát triển. Đặc trưng hết sức cơ bản của mô hình nhà nước này là nhà nước trực tiếp đề ra một kế hoạch phát triển công nghiệp (với những tham vọng lớn) và đầu tư mạnh mẽ về cơ chế, chính sách và nhiều khuyến khích khác để thúc đẩy công nghiệp phát triển. Theo các nhà nghiên cứu, đây là mô hình nhà nước nằm ở giữa

nhà nước điều chỉnh Anh - Mỹ (theo chủ thuyết thị trường tự do) và nhà nước kế hoạch hóa tập trung (theo mô hình xã hội chủ nghĩa truyền thống). Nhà nước kiến tạo phát triển không đứng ngoài thị trường, nhưng cũng không làm thay thị trường. Mà nhà nước kiến tạo phát triển chủ động can thiệp mạnh mẽ vào thị trường để thúc đẩy phát triển và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đã được đề ra. Để đạt được mức tăng trưởng GDP gấp đôi, một nhà nước điều chỉnh (như Mỹ) sẽ phải mất đến 50 năm, trong lúc đó một nhà nước kiến tạo phát triển (như Trung Quốc) chỉ mất 10 năm.

Những nét đặc trưng của nhà nước kiến tạo phát triển được tác giả Chalmers Johnson đưa ra là:

Một bộ máy hành chính gọn nhẹ, nhưng tinh hoa và hiệu quả.

Bộ máy hành chính được trao quyền đầy đủ để đưa ra những sáng kiến và vận hành hiệu quả.

Nhà nước thông qua các thiết chế tài chính và các hướng dẫn hành chính để can thiệp vào thị trường.

Có Bộ thương mại quốc tế và công nghiệp như một thiết chế mạnh điều

phối chính sách phát triển công nghiệp.

Cũng nghiên cứu về nhà nước kiến tạo phát triển, tác giả Adrian Leftwith lại đưa ra những đặc điểm sau đây:

Một tầng lớp công chức hành chính tinh hoa hỗ trợ cho nhà nước. Các chính sách phát triển chịu ảnh hưởng của tầng lớp công chức ưu tú này.

Nhà nước có tính độc lập, tự chủ cao trước các nhóm lợi ích và luôn luôn đặt lợi ích của quốc gia lên trên hết.

Nhà nước điều phối kinh tế thông qua một số thiết chế chuyên biệt (ví dụ như Bộ Thương mại quốc tế và công nghiệp) có thực quyền.

Xã hội dân sự yếu, chính quyền mạnh và kiểm soát xã hội dân sự rất chặt chẽ, đặc biệt là trong thời kỳ đầu.

Nhà nước ít chịu ảnh hưởng bởi các lợi ích kinh tế tư nhân, đặc biệt là trong thời kỳ đầu.

Các quyền dân sự bị hạn chế, đặc biệt là trong thời kỳ đầu. Nhà nước mang tính chuyên chế cao, nhưng lại có được sự chính danh và sự ủng hộ của dân chúng cao nhờ tạo được sự tăng trưởng kinh tế cao và sự phân phối thu nhập tương đối công bằng.

Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc UNDP cũng đưa ra những

đặc điểm cơ bản của nhà nước kiến tạo phát triển như sau:

Bộ máy hành chính quan liêu mạnh, có thẩm quyền, không bị chính trị hóa, không bị áp lực của các cuộc bầu cử và của kinh doanh.

Giới lãnh đạo mạnh mẽ, có tầm nhìn, có năng lực và cam kết.

Kế hoạch phát triển quốc gia hiệu quả và đúng hướng.

Khả năng điều phối các hoạt động kinh tế và các nguồn lực.

Hỗ trợ cho tầng lớp doanh nhân của quốc gia, những người sẽ phát triển thành giai cấp tư sản quốc gia.

Đầu tư nâng cao năng lực con người thông qua y tế, giáo dục và các cơ sở hạ tầng xã hội.

Thúc đẩy pháp quyền, công lý và giữ vững ổn định chính trị để bảo đảm niềm tin của thị trường.

Nhiều người cho rằng, nhà nước kiến tạo phát triển là mô hình nhà nước kết hợp được ưu điểm, đồng thời khắc phục được nhược điểm của cả

hai mô hình nhà nước điều chỉnh và nhà nước kế hoạch hóa tập trung.

**Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển là tối ưu đối với Việt Nam**

Do là một nước có nền tảng văn hóa của Đông Bắc Á, mô hình nhà nước kiến tạo phát triển là tối ưu đối với Việt Nam.

**Kể từ Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã thật sự từ bỏ mô hình nhà nước kế hoạch hóa tập trung, mà đi theo mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối công nghiệp hóa đất nước, đã công nhận cơ chế thị trường, nhưng vẫn coi trọng vai trò quản lý của Nhà nước.**

Thật ra, kể từ Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã thật sự từ bỏ mô hình nhà nước kế hoạch hóa tập trung, mà đi theo mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Đảng và Nhà nước đã đề ra đường lối công nghiệp hóa đất nước, đã công nhận cơ chế thị trường, nhưng vẫn coi trọng vai trò quản lý của Nhà nước. Như vậy tất cả các phần cấu thành quan trọng

của một nhà nước kiến tạo phát triển đều đã được khẳng định trong đường lối phát triển của chúng ta. Có lẽ, chính vì thế, kinh tế nước ta đã có sự phát triển khá ngoạn mục trong thời gian vừa qua. Sau 30 năm đổi mới, quy mô nền kinh tế, cũng như thu nhập

bình quân đầu người ở nước ta đã tăng đến hàng chục lần. Rất nhiều nước cộng hòa xô viết (thuộc Liên Xô trước đây) từ bỏ mô hình nhà nước kế hoạch hóa tập trung đã không có được một sự phát triển ngoạn mục như vậy.

Tuy nhiên, vấn đề là đất nước ta vẫn chưa trở thành “hở”, thành “rỗng” như các nước Đông Bắc Á.

Nguyên nhân có nhiều, nhưng cơ bản nhất là chúng ta đã không thúc đẩy phát triển công nghiệp thông qua các công ty, các tập đoàn tư nhân như ở Nhật Bản và Hàn Quốc, mà lại thông qua các doanh nghiệp nhà nước. Một nguyên nhân cơ bản khác nữa là chúng ta cũng đã không có được một bộ máy hành chính, công vụ chuyên nghiệp và tài giỏi để hiện thực hóa chương trình công nghiệp hóa. Có lẽ đây là những khiếm khuyết mà chúng ta phải tập trung mọi nỗ lực để khắc phục. Đồng thời phải kiên trì mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Kinh nghiệm của Trung Quốc một lần nữa khẳng định đây là mô hình phù hợp nhất để thúc đẩy sự phát triển vượt bậc về kinh tế.

Công bằng mà nói, một khuôn khổ khái niệm sáng rõ và mạch lạc về mô hình nhà nước kiến tạo phát triển

chưa thật sự hình thành ở nước ta. Sự lựa chọn của chúng ta trong quá trình đổi mới nếu không phải do may mà đúng, thì cũng chủ yếu là đi theo sự đòi hỏi khách quan của tình hình hơn là trên một nền tảng lý thuyết vững chắc. Tuy nhiên, điều đáng băn khoăn là những cố gắng của chúng ta trong thời gian gần đây lại có vẻ đang đi chệch khỏi mô hình nhà nước kiến tạo phát triển sang mô hình nhà nước điều chỉnh. Khi được hỏi về nội hàm của Chính phủ kiến tạo tại một phiên chất vấn của Quốc hội, Thủ tướng đã khẳng định: “Chính phủ chủ động thiết kế ra một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển”; “Nhà nước không làm thay thị trường”; “Chính phủ phải kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi”... Đây quả thực là mô thức hành động của nhà nước điều chỉnh (trong đó có Chính phủ điều chỉnh) theo mô hình Anh, Mỹ. Cách làm này đã đưa lại sự phát triển và thịnh vượng cho hai quốc gia nói trên là điều không thể chối cãi. Và trong điều kiện các doanh nghiệp của nước ta làm ăn khó khăn như hiện nay, có lẽ đây cũng là cách

làm rất cần thiết. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất ở đây là các điều kiện kinh doanh thuận lợi có thể được tạo ra, nhưng tận dụng chúng lại là các doanh nghiệp nước ngoài chứ không phải là doanh nghiệp Việt. Thành công của mô hình nhà nước điều chỉnh vì vậy còn phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của các doanh nghiệp trong nước. Sự lựa chọn đúng đắn hơn cho đất nước ta vì vậy có vẻ vẫn là mô hình nhà nước kiến tạo phát triển (theo mô hình các quốc gia Đông Bắc Á) chứ không hẳn là mô hình nhà nước điều chỉnh (theo kiểu Anh - Mỹ).

### **Vượt qua những rủi ro của việc lựa chọn mô hình nhà nước kiến tạo phát triển**

Lựa chọn mô hình nhà nước kiến tạo phát triển là tối ưu cho đất nước ta, tuy nhiên rủi ro của lựa chọn này là hoàn toàn không nhỏ.

Trước hết, là rủi ro về năng lực. Chúng ta có khả năng hoạch định chính sách phát triển công nghiệp đúng đắn hay không? Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thì chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam phải là gì? Đây quả thực là những câu hỏi không dễ trả lời. Thiếu một đội ngũ

lãnh đạo tinh hoa khó lòng hoạch định chính sách phát triển đúng đắn được. Để có được một đội ngũ lãnh đạo như vậy, thu hút người tài vào trong Đảng là rất quan trọng. Đây phải được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của Đảng ta trong thời gian sắp tới. Ngoài ra, tận dụng tri thức của giới Việt kiều tinh hoa để hoạch định chính sách phát triển công nghiệp cũng rất quan trọng.

Rủi ro thứ 2, do đã hội nhập sâu rộng với thế giới và tham gia rất nhiều các hiệp định về tự do thương mại song phương và đa phương, nên không gian chính sách còn lại của Nhà nước ta cho việc hoạch định và triển khai chương trình công nghiệp hóa một cách độc lập và tự chủ là rất nhỏ hẹp. Bị ràng buộc bởi vô vàn những cam kết quốc tế, Nhà nước rất khó can thiệp vào thị trường để thúc đẩy phát triển những ngành công nghiệp mà chúng ta lựa chọn. Để vượt qua rủi ro này, quan trọng là phải nâng cao năng lực thiết kế các hàng rào kỹ thuật, các hàng rào về thủ tục. Điều này có vẻ như đang đi ngược với những cố gắng cắt giảm thủ tục hành chính của Chính phủ hiện nay. Tuy



nhiên, nếu chúng ta muốn phát triển ngành công nghiệp ô tô của Việt Nam, thì hàng rào kỹ thuật là rất cần thiết để ngành công nghiệp non trẻ này của đất nước không bị cạnh tranh quốc tế bóp chết từ trong trứng nước. Tận dụng các khoảng trống chính sách cũng rất quan trọng ở đây. Không hiệp định tự do thương mại nào có thể ngăn cản chúng ta đầu tư mạnh mẽ cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng cả. Tại sao chúng ta không đầu tư vào đây, khi cần thiết thì vẫn có thể chuyển giao các thành tựu nghiên cứu cho các lĩnh vực dân sự?

Rủi ro thứ 3, bộ máy hành chính và đội ngũ công chức của chúng ta khá yếu kém. Bộ máy này đang bị chính trị hóa rất nặng nề. Nhiều quan chức hành chính chỉ giỏi nói chính trị, nói nghị quyết, nhưng lại không tài giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, không giỏi điều hành. Không có đội ngũ công chức hành chính tinh hoa, không thể vận hành mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Chủ trương cắt giảm bộ máy hiện nay là cơ hội để chúng ta loại bỏ bớt những công chức năng lực hạn chế ra khỏi bộ máy hành chính. Tuy

nhiên, quan trọng nhất vẫn là phải lựa chọn cho được những người tài giỏi nhất vào bộ máy hành chính. Truyền thống khoa bảng là điều kiện rất thuận lợi để chúng ta tuyển chọn người tài ở đây. Ngoài ra, tâm lý thích học để làm quan cũng là động lực quan trọng để thu hút người tài vào bộ máy Nhà nước. Vấn đề là phải học thật và thi thật. Phải kiên quyết áp đặt một chế độ khoa bảng và thi tuyển nghiêm khắc nhất vào bộ máy hành chính nhà nước.

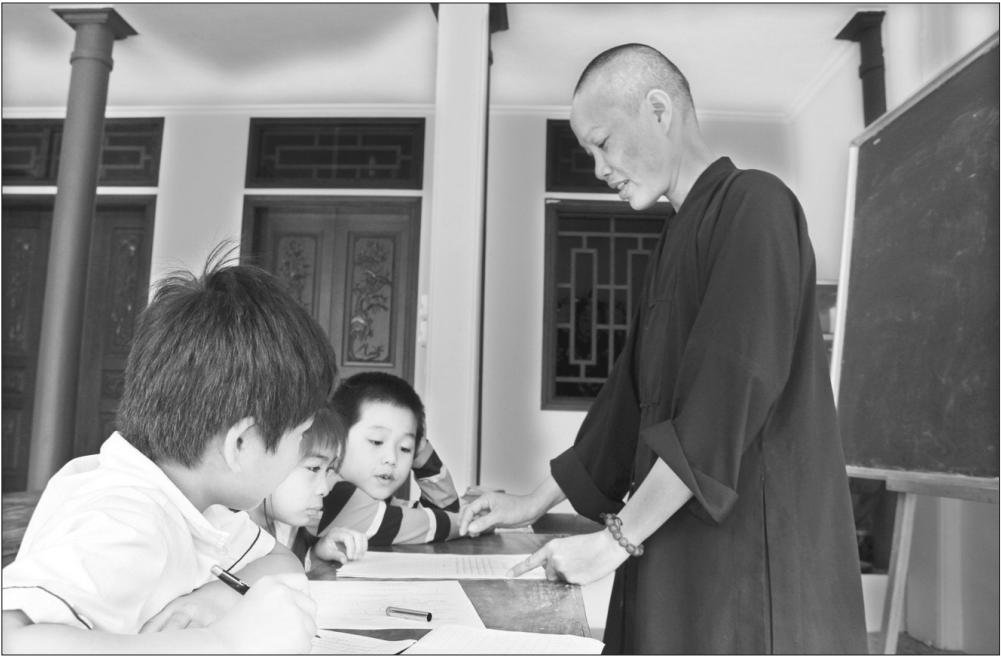
Rủi ro thứ 4, quỹ thời gian để thúc đẩy thành công mô hình nhà nước kiến tạo phát triển còn lại không nhiều. Với áp lực của hội nhập và dân chủ hóa, mô hình coi trọng phát triển kinh tế hơn mở rộng dân chủ và nhân quyền như nhà nước kiến tạo phát triển chưa chắc đã có được sự chấp nhận của đông đảo công chúng. Để vượt qua thách thức này, truyền thông đóng một vai trò hết sức quan trọng. Không có một nền tảng kinh tế-xã hội phù hợp (với đa số dân chúng là tầng lớp trung lưu) và một nền tảng văn hóa chính trị trưởng thành, những cải cách dân chủ mạnh động chỉ có thể dẫn đến đổ vỡ và bất ổn xã hội mà thôi ■

# PHÁT HUY NGUỒN LỰC TÔN GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

● ThS. LÊ THỊ LIÊN

*Viện trưởng*

*Viện Nghiên cứu chính sách tôn giáo*



*Phật tử Phật giáo Việt Nam sống tốt đời đẹp đạo \_ Ảnh: IT*

## I. Đặt vấn đề

Nguồn lực tôn giáo cơ bản và thường được thể hiện ở hai phương diện: nguồn lực tinh thần - đây là những giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo và nguồn lực vật chất - nguồn vốn

xã hội. Hai loại nguồn lực này được thể hiện ở hai dạng hoạt động: hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội nhưng luôn song hành, thúc đẩy lẫn nhau trong cùng một chủ thể là tổ chức tôn giáo. Ở bất cứ thời kỳ nào thì

các tổ chức tôn giáo luôn duy trì và phát triển song song hai loại hình hoạt động này. Bởi vì hoạt động tôn giáo tách biệt khỏi hoạt động xã hội thì tôn giáo đó chỉ là hoạt động thực hành các lễ nghi tôn giáo một cách thuần túy “ĐẠO”; tôn giáo chỉ chú trọng hoạt động xã hội “ĐỜI” thì lại đánh mất căn tính tinh thần của tôn giáo. Do vậy, những cụm từ “đạo - đời”, “sống đạo”, “đồng hành” v.v... đã thể hiện nội hàm của hai vấn đề hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội của các tổ chức tôn giáo. Do đó, hoạt động tôn giáo tốt chính là tiền đề để tổ chức tôn giáo hoạt động xã hội tốt và ngược lại hoạt động xã hội tốt chính là cơ sở để phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo trong cộng đồng, đồng nghĩa với việc phát huy ảnh hưởng của tôn giáo trong xã hội.

Trong giai đoạn đổi mới đất nước, Việt Nam đã nhìn nhận và đổi mới một cách căn bản về tôn giáo và công

tác tôn giáo, từ nhận thức đến chủ trương, chính sách, từ nội dung công tác đến tổ chức thực hiện. Trong nhận thức đối với tôn giáo Đảng, Nhà nước Việt Nam đã xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, từ đó công tác tôn giáo phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người nhằm mục tiêu đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân xây dựng đất nước Việt Nam hòa bình, ổn định và phát triển. Nhìn nhận và phát huy những giá trị tích cực về đạo đức và văn hóa của tôn giáo, những đóng góp của tôn giáo đối với xã hội - đó chính là phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước.

## I. Khái quát về nguồn lực tôn giáo

### 1. Nguồn lực tinh thần

Nguồn lực tinh thần của tôn giáo chính là giá trị đạo đức, văn hóa tôn giáo, được thể hiện trong hệ thống triết lý, giáo lý và những điều răn giới

**Hoạt động tôn giáo tốt chính là tiền đề để tổ chức tôn giáo hoạt động xã hội tốt và ngược lại hoạt động xã hội tốt chính là cơ sở để phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo trong cộng đồng, đồng nghĩa với việc phát huy ảnh hưởng của tôn giáo trong xã hội.**

cầm nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của tín đồ và được tín đồ tin theo một cách tự nguyện, tự giác. Giá trị đó, ngoài việc bảo vệ niềm tin tôn giáo thiêng liêng, còn đề cập đến những chuẩn mực đạo đức chung như sống hiếu thảo, trung thực, nhân ái, hướng tới điều lành, tránh xa điều ác. Trong hoạt động tôn giáo, thông qua các lễ thức các nhà lãnh đạo tôn giáo luôn lấy đó làm chuẩn mực để khuyên dạy tín đồ thực hiện. Niềm tin tôn giáo đã trở thành nhu cầu của một bộ phận người dân, giúp họ vượt qua những khó khăn, bế tắc trong cuộc sống, hy vọng một tương lai tươi sáng hơn. Giá trị đạo đức tôn giáo là bệ đỡ tinh thần giúp tín đồ sống trách nhiệm với lối sống lành mạnh hơn.

Việt Nam là đất nước đa dạng tôn giáo, với 42 tổ chức thuộc 15 tôn giáo đã và đang tồn tại cùng lịch sử dân tộc. Chính vì vậy, văn hóa, đạo đức tôn giáo cũng có bề dày lịch sử, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến một bộ phận người dân mà còn đóng góp vào quá trình xây dựng đạo đức, văn hóa Việt Nam. Trong lịch sử dân tộc, văn hóa, đạo đức tôn giáo không bất biến mà luôn có sự điều chỉnh cho phù hợp với đời sống xã

hội và được xã hội chấp nhận. Phật giáo đã làm sâu sắc và phong phú những giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam như: quan niệm về tinh thần từ bi, hỉ xả, vô ngã vị tha, lục hòa cộng trụ hay về luật nhân quả. Giá trị đạo đức của Công giáo được thể hiện ở 10 điều răn, trong đó có 7 điều khuyên răn về đạo đức làm người như: Thảo kính cha mẹ, Không được giết người, Không được dâm dục, Không được gian tham lấy của người khác, Không được làm chứng dối, che giấu sự gian trá, Không được ham muốn vợ (hoặc chồng) người khác, Không được ham muốn của cải trái lẽ. Đạo đức Islam đã đem lại những giá trị quý báu, đặc sắc về văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc Chăm... Những chuẩn mực này góp phần không nhỏ trong nguyên tắc ứng xử phù hợp trong xã hội, rất hữu ích trong việc duy trì đạo đức xã hội.

Giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo góp phần tạo lập sự đoàn kết và đồng thuận xã hội, niềm tin tôn giáo đã tác động đến hành vi, đạo đức ứng xử của mỗi tín đồ và cộng đồng tôn giáo. Sự gắn kết chặt chẽ những người cùng đức tin luôn có sức sống bền vững và lan tỏa ra cộng đồng, tạo nên

những mối tương quan trong quan hệ xã hội, góp phần vào đồng thuận, tiến bộ xã hội.

Văn hóa, đạo đức tôn giáo luôn đề cao giá trị gia đình - tế bào của xã hội. Trong gia đình, giá trị đạo đức được dạy dỗ ngay từ những năm đầu đời, là ngôi trường đầu tiên dạy đạo đức xã hội, là nơi nuôi dưỡng, ươm mầm đức tin, có vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng và định hướng con cái, ngăn cấm tổn hại đến các thành viên trong gia đình. Hôn nhân một vợ một chồng được nhiều tôn giáo coi trọng, các tôn giáo cấm người có vợ, có chồng kết hôn, ngoại tình, ruồng bỏ vợ, con rất phù hợp với văn hóa truyền thống gia đình Việt Nam. Trong gia đình, ngoài yếu tố truyền thống thì niềm tin tôn giáo là bệ đỡ tinh thần, sự bao bọc của niềm tin tôn giáo làm cho các thành viên trong gia đình hỗ trợ nhau tốt hơn trong cuộc sống, góp phần chống lại sự xâm nhập của tệ nạn xã hội. Như vậy, giá trị tinh thần của các tôn giáo đã đóng góp vào việc bồi bổ thêm giá trị đạo đức văn hóa truyền thống gia đình Việt Nam.

Giá trị văn hóa, đạo đức tôn giáo không chỉ bó hẹp trong phạm vi thực

hành lễ nghi tôn giáo ở trong một không gian thiêng, mà còn ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong làm ăn kinh tế, chuẩn mực đạo đức tôn giáo khuyến tín đồ không tìm kiếm, làm giàu từ những việc làm bất chính vi phạm những chuẩn mực đạo đức xã hội. Khi tín đồ có niềm tin tôn giáo thì trách nhiệm trong hoạt động kinh tế, xã hội được thực hiện bằng chính niềm tin, tinh thần hăng say lao động và làm giàu “chính đáng”. Ở đó, niềm tin đạo đức, giới răn, chuẩn mực của tôn giáo ảnh hưởng tích cực đến chủ thể làm kinh tế, đến mục tiêu, phương thức thực hiện. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế không xa rời đạo đức xã hội, trách nhiệm xã hội chính là đóng góp của tôn giáo trong phát triển đất nước.

Bên cạnh hệ thống triết lý sâu sắc, các tôn giáo còn đóng góp vào văn hóa dân tộc bằng những công trình mang những giá trị nhân văn sâu sắc như kiến trúc, hội họa, điêu khắc. Phật giáo đã góp phần làm nên các công trình mỹ thuật đặc sắc chùa, tháp, tượng Việt Nam. Việc hội nhập phong cách,

kiến trúc phương Tây của Công giáo, Hồi giáo đã góp phần giao thoa và hội nhập văn hóa dân tộc. Việc sáng tạo ra chữ Quốc ngữ của Công giáo là đóng góp lớn cho văn hóa Việt Nam; sự ra đời và phát triển các tờ báo tôn giáo đã góp phần truyền tải giá trị tôn giáo và giá trị văn hóa dân tộc, làm cho văn hóa tôn giáo gần gũi, quen thuộc hơn với văn hóa Việt Nam và ngược lại văn hóa Việt Nam được diễn tả trong các lễ nghi đặc sắc tôn giáo.

Giá trị tinh thần của tôn giáo được thực hiện bởi đội ngũ chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo, thông qua vai trò truyền đạo, hành đạo và quản đạo, họ luôn nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc giữ gìn và làm lan tỏa giá trị tinh thần của tôn giáo trong cộng đồng. Trong cộng đồng tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành luôn đóng vai trò làm trung gian hòa giải các bất đồng, mâu thuẫn trong các gia đình, cộng đồng, thậm chí là hòa giải xung đột giữa các thiết chế xã hội. Khuyến bảo tín đồ chăm chỉ làm ăn, chấp hành

pháp luật, tránh các tệ nạn xã hội, chấp hành các chủ trương, chính sách ở địa phương; xây dựng tình làng nghĩa xóm, tôn trọng và đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết dân tộc.

**Bên cạnh hệ thống triết lý sâu sắc, các tôn giáo còn đóng góp vào văn hóa dân tộc bằng những công trình mang những giá trị nhân văn sâu sắc như kiến trúc, hội họa, điêu khắc.**

Những việc làm bền bỉ đó đã tạo sự ổn định và làm nên sự gắn kết, sức mạnh nội tại trong cộng đồng tôn giáo và làm cho tôn giáo luôn có vị trí nhất định trong đời sống xã hội.

Các tôn giáo đều quan tâm đến hòa bình, hòa hợp, lên án những bất công, những điều xấu, nên giá trị đạo đức tôn giáo luôn góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Cộng đồng tôn giáo là những tổ chức có tính tự quản cao, tín đồ ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn an ninh trật tự, góp phần bài trừ một số tập tục lạc hậu, hạn chế thanh thiếu niên vi phạm pháp luật. Bởi vậy, ở những nơi có đông tín đồ tôn giáo tình hình an ninh trật tự tốt hơn các nơi khác và các tệ nạn xã hội cũng ít xâm nhập, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở mỗi địa phương và cả nước.

Với những giá trị tinh thần đó, từ

trước đến nay Việt Nam luôn khẳng định tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, tôn giáo có những giá trị tốt đẹp về đạo đức, văn hóa phù hợp với lợi ích của toàn dân. Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay cần cụ thể hóa việc phát huy nguồn lực tinh thần của tôn giáo để xây dựng đạo đức, văn hóa dân tộc.

## **2. Nguồn lực vật chất**

Nguồn lực vật chất của tôn giáo được kết hợp bởi hai yếu tố nguồn nhân lực và nguồn vốn.

Hơn 24,5 triệu tín đồ các tôn giáo, chiếm 27% dân số Việt Nam chính là nguồn nhân lực quan trọng có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tăng trưởng kinh tế ổn định hàng năm của đất nước có sự đóng góp từ nguồn nhân lực và nguồn vốn của tín đồ các tôn giáo. Họ chính là người làm ra của cải không chỉ phục vụ đời sống gia đình mà còn cùng với các thành phần xã hội khác góp phần vào phát triển kinh tế của đất nước.

Trong những năm qua các tổ chức tôn giáo đã tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu

nước ở các địa phương, đóng góp sức người, sức của chung tay cùng nhân dân cả nước làm cho đời sống của người dân, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi: hệ thống ngõ xóm, kênh mương từng bước được bê tông hóa, nhiều cây cầu bê tông được xây dựng, an ninh trật tự trên địa bàn được bảo đảm. Các tổ chức tôn giáo luôn động viên tín đồ tích cực tham gia các phong trào toàn dân xây dựng cuộc sống ở khu dân cư, sống tốt đời - đẹp đạo, xây dựng khu dân cư không có tệ nạn xã hội...; xây dựng các mô hình “đường phố, khu phố không rác”, tuyên truyền về “Năm an toàn giao thông” cho tín đồ và người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông. Các tổ chức tôn giáo đã từng bước nâng cao tính tự quản của cộng đồng, ý thức trách nhiệm công dân, góp phần bài trừ các tập tục lạc hậu, hạn chế được thanh thiếu niên vi phạm pháp luật. Tăng cường đoàn kết trong nhân dân và chăm lo phát triển kinh tế góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

Nguồn nhân lực, nguồn vốn của tôn giáo khi kết hợp với niềm tin tôn giáo không chỉ tạo ra của cải vật chất,

mà còn thôi thúc các tổ chức và cá nhân tôn giáo nâng cao trách nhiệm trong thực hiện các hoạt động an sinh xã hội một cách hiệu quả và bền vững. Cùng với quá trình truyền giáo, các tôn giáo đã tham gia và hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục của Đảng, Nhà nước bằng việc phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, hiệu quả trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và từ thiện nhân đạo, cụ thể:

Hoạt động giáo dục, vừa là thế mạnh vừa được các tôn giáo quan tâm trong quá trình truyền giáo và thường được thực hiện ở các mô hình: mầm non, dạy nghề và tổ chức các hoạt động khuyến học, thành lập các lưu xá hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh vùng sâu, vùng xa. Hiện nay, cả nước có 270 trường mầm non, khoảng 1000 nhóm, lớp mầm non độc lập do các cá nhân tôn giáo thành lập, chiếm 2% so với tổng số trường mầm non công lập và ngoài

công lập, chiếm 15% tổng số trường mầm non ngoài công lập trong cả nước, huy động khoảng 125.594 trẻ đến trường/lớp, chiếm 3,06% so với tổng số trẻ đến trường mầm non trên

**Hơn 24,5 triệu tín đồ các tôn giáo, chiếm 27% dân số Việt Nam chính là nguồn nhân lực quan trọng có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tăng trưởng kinh tế ổn định hàng năm của đất nước có sự đóng góp từ nguồn nhân lực và nguồn vốn của tín đồ các tôn giáo.**

toàn quốc (công lập và ngoài công lập), chiếm 18,3% so với trẻ đến trường mầm non ngoài công lập. Các tổ chức tôn giáo đã thành lập 12 cơ sở dạy nghề trong cả nước gồm: 01 trường cao đẳng nghề, 01 trường trung cấp nghề và 10 trung tâm dạy nghề. Hàng năm tuyển sinh đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp và dạy nghề ngắn hạn cho 2.000 người<sup>1</sup>.

Trong lĩnh vực y tế, với tinh thần bác ái, các tôn giáo thể hiện rõ ảnh hưởng thông qua việc khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí, mở phòng khám từ thiện, xây dựng hệ thống các xe cứu thương chuyên chở người bệnh. Nâng cao nhận thức cho tín đồ biết tổ chức cuộc sống hợp vệ sinh, phòng tránh



bệnh tật, đến bệnh viện khi bị bệnh, dùng thuốc thay vì cầu cúng, khuyến bảo người dân loại bỏ các hủ tục lạc hậu ảnh hưởng đến sức khỏe. Các tôn giáo đã mở được 185 cơ sở khám chữa bệnh, trong đó có 143 cơ sở khám bệnh đông y hoặc đông tây y kết hợp; 42 cơ sở tây y (33 tủ thuốc, 9 nhà thuốc) và 01 trạm xã. Trong 3 năm từ 2011 đến năm 2014 tổng số lượt người được khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở khám, chữa bệnh nhân đạo của các tôn giáo là trên 1,5 triệu lượt<sup>2</sup>.

Bên cạnh đó, nhiều tổ chức tôn giáo đã phối hợp tổ chức các đoàn khám chữa bệnh lưu động, phát thuốc miễn phí cho người nghèo: đã khám chữa bệnh cho hơn 177 triệu lượt người. Bốc, phát thuốc miễn phí hoặc bán giá rẻ 305.719.943 thang thuốc cho bệnh nhân. Cả nước hiện có 113 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo (đã có giấy phép) đang chăm sóc, nuôi dưỡng 11.800 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số 2.600 nhân viên, bình quân 01 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo chăm sóc, nuôi dưỡng 104 đối tượng bảo trợ xã hội<sup>3</sup>.

Trong cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Quý vì người nghèo” các tôn giáo đã rất tích cực tham gia. Tổng giá trị các hoạt động từ thiện xã hội của các tôn giáo năm 2016 là hơn 3.146 tỷ đồng<sup>4</sup>.

Đội ngũ quản lý, nhân viên trong các cơ sở giáo dục, y tế do các tổ chức tôn giáo thành lập phần lớn là nhà tu hành, hoặc những người được các tổ chức ký hợp đồng, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Trong các cơ sở này công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được quan tâm thường xuyên cộng với tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề đã mang lại hiệu quả cao trong các hoạt động an sinh xã hội. Nhiều chức sắc, chức việc, tu sĩ, sư cô là những tấm gương sáng để đội ngũ nhân viên noi theo, sự hy sinh, cống hiến âm thầm để phục vụ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn của họ luôn được mọi người tin yêu, quý mến. Bằng sự hy sinh phục vụ và uy tín các chức sắc, tu sĩ tôn giáo luôn huy động được nguồn vật chất xã hội hóa và kêu gọi được tinh thần thiện nguyện của tín đồ nên hoạt động an sinh xã hội ngày một phát triển cả về quy mô và chất lượng, đã và đang góp

phần cùng chính quyền địa phương chăm lo cuộc sống cho một bộ phận người dân có hoàn cảnh khó khăn, trực tiếp góp phần giảm tải gánh nặng cho đất nước.

Có thể nói, bên cạnh những con số rất đáng trân trọng và quý đối với người nghèo, người dân ở những vùng sâu, vùng xa thì tinh thần và thái độ phục vụ của đội ngũ những nhà tu hành, những nhân viên thiện nguyện luôn là động lực để người nghèo, người bệnh hy vọng ở một tương lai tốt đẹp. Trong quá trình đổi mới đất nước, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng cởi mở, không chỉ tạo điều kiện cho tôn giáo hoạt động ổn định, phát triển theo quy định của pháp luật, mà còn nhìn nhận giá trị đạo đức, văn hóa và đóng góp của tôn giáo trong phát triển đất nước. Đây chính là cơ sở quan trọng để các tôn giáo gắn bó đồng hành cùng dân tộc, tạo mối quan hệ gắn bó trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội. Tuy nhiên, để phát huy nguồn lực của tôn giáo vào phát triển đất nước trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần có những giải pháp cụ thể, rõ ràng hơn.

## II. Một số đề xuất nhằm phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước

### 1. Nhìn nhận khách quan về nguồn lực của tổ chức tôn giáo

Sau 15 năm ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo, ngày 10/01/2018 Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Nội dung của Chỉ thị không chỉ tiếp tục khẳng định giá trị các quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong Nghị quyết số 25 mà còn nâng lên một bước nhận thức về giá trị của tôn giáo là: *“phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước”*. Với quan điểm này Đảng ta đã chỉ rõ hai vấn đề cần quan tâm/nhận thức thấu đáo hơn trong cùng một chủ thể là: giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo và nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng đất nước. Từ quan điểm này, để phát huy nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng đất nước cần phát triển cách tiếp cận mới về tôn giáo theo hướng:

- Tôn giáo là một thực thể xã hội tồn tại khách quan và mang trong mình những giá trị tích cực. Số lượng tín đồ tôn giáo là nguồn nhân lực của đất nước, không chỉ là người trực tiếp làm ra của cải (nguồn vốn) để phát triển đất nước. Nguồn nhân lực đó có niềm tin tôn giáo sẽ làm tăng tính hiệp thông giữa những người cùng đức tin, tạo nên sức mạnh, tính cố kết cộng đồng cao, là những hạt nhân quan trọng làm nên đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc và là lực lượng quần chúng góp phần ổn định, phát triển đất nước, đó là một thực tế không thể phủ nhận.

Khi đã nhìn nhận đúng và đặt để đúng vai trò của tổ chức tôn giáo, thì trong thực thi cần đưa tôn giáo vào tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, điều đó không chỉ kích đẩy được nguồn vốn xã hội từ tôn giáo, mà còn tạo sự đồng thuận xã hội. Khi nhìn nhận tôn giáo là một thực thể xã hội, tổ chức này sẽ có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ như những tổ chức xã hội khác trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội. Tạo ra một sân chơi pháp lý bình đẳng để phát huy nguồn vốn xã hội của tôn giáo cho phát triển đất nước.

- Phát huy giá trị đạo đức, văn hóa tôn giáo vào xây dựng đạo đức, văn hóa dân tộc.

Việt Nam luôn tự hào là đất nước có nền văn hóa độc đáo, với những giá trị vật thể và phi vật thể được thế giới công nhận, bên cạnh đó sự đa dạng của văn hóa các dân tộc thiểu số đã góp phần làm nên bề dày và sự đa dạng của văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá, văn hóa Việt Nam đã và đang có những tác động biến đổi sâu sắc theo xu hướng mai một bản sắc, ý thức về việc giữ gìn văn hóa truyền thống dân tộc trong bộ phận lớp trẻ ngày một yếu đi. Sự du nhập và chạy theo các trào lưu văn hóa mới đã và đang làm cho giá trị đạo đức xã hội ngày một pha tạp. Do vậy, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng không chỉ của Đảng, Nhà nước mà là mọi thành phần xã hội, trong đó có các tổ chức tôn giáo. Trong nhiệm vụ này việc đưa tôn giáo vào cùng tham gia thực hiện là vấn đề cần tính đến.

Tuy nhiên, nhìn nhận vấn đề tôn giáo cần phải thích ứng hơn nữa với điều kiện hiện nay. Tư duy cần mở rộng hơn hướng đến phương diện

nhân văn, văn hóa và tâm linh con người để khai thác tính tích cực của nó trong đời sống xã hội. Tôn giáo tự bản thân nó đã là văn hóa, có những giá trị phù hợp với văn hóa Việt Nam; tôn giáo còn là môi trường tiếp biến, giao lưu văn hóa; là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa dân tộc. Giá trị đạo đức, văn hóa tôn giáo có sức lan tỏa lớn và bền bỉ bồi bổ thêm giá trị đạo đức xã hội, đó là tình yêu thương, bác ái và hướng thiện phù hợp với phát triển bền vững về đạo đức, văn hóa Việt Nam, đã và đang tác động đến đời sống tâm linh của nhiều người. Tôn giáo khuyên răn con người làm lành, lánh dữ, biết sống vì cộng đồng, tránh xa các tệ nạn xã hội, đề cao đạo làm người và trân trọng các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, tiết độ trong cuộc sống, tiết kiệm, chống lãng phí sẽ là bệ đỡ để cải thiện những yếu tố thiếu trách nhiệm đang cản trở sự phát triển bền vững trong mỗi gia đình và cộng đồng. Như vậy, giá trị đạo đức, văn hóa tôn giáo sẽ góp phần giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức, văn hóa Việt Nam. Để tôn giáo tham gia vào giải quyết vấn đề đạo đức xã hội, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc rất cần tạo cho tôn giáo một cơ chế

chính sách rõ ràng, coi tôn giáo là một thành tố văn hóa. Nói cách khác chủ trương đã có cần phải thể chế để tạo hành lang pháp lý cho tôn giáo phát huy giá trị đó trong đời sống xã hội.

Việt Nam đã xác định tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Để phát triển bền vững đất nước rất cần chú trọng tới đóng góp của tôn giáo trong lĩnh vực tinh thần, nhằm mục đích thu hẹp khoảng cách về văn hóa tinh thần của người dân giữa các vùng miền. Tôn trọng và phát huy những đóng góp của các tôn giáo chính là thúc đẩy tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, thúc đẩy tôn giáo tăng cường mối quan hệ với nhà nước vì mục tiêu chung.

## ***2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tôn giáo, tạo cơ sở pháp lý để tôn giáo phát huy nguồn lực trong phát triển đất nước***

Trong xu thế toàn cầu hóa, hiện đại hóa các tôn giáo đều có khuynh hướng trở thành “tôn giáo xã hội” thích ứng xã hội ngày càng cao. Việt Nam đã nhìn nhận tôn giáo là một tổ chức xã hội, tồn tại lâu dài/đồng hành với dân

tộc và chủ nghĩa xã hội, mới đây nhất đã tiến thêm một bước nữa trong nhận thức khi xem tôn giáo là nguồn lực. Tuy nhiên, cần phải thể chế hóa trong các luật chuyên ngành để tạo cho tôn giáo một địa vị pháp lý trong các hoạt động xã hội thích hợp như: y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội theo khả năng của từng tôn giáo.

Hiện nay, về giáo dục: tổ chức tôn giáo mới được mở trường, lớp mẫu giáo, nhà trẻ; mở các trung tâm dạy nghề, trong cả nước hiện chỉ có giáo phận Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai được chính quyền chấp thuận nâng *Trung tâm dạy nghề Hòa Bình lên Trường Cao đẳng nghề Hòa Bình*. Về y tế, tôn giáo mới được mở các phòng khám; các cơ sở bảo trợ xã hội để chăm sóc, nuôi dưỡng những người không nơi nương tựa, bệnh nhân tâm thần, HIV; những lĩnh vực khác chỉ được tham gia với tư cách cá nhân. Những bất cập trên vừa không tạo sự thống nhất trong công tác tôn giáo, cũng như khó có thể phát huy được nguồn lực, những ảnh hưởng tích cực của tôn giáo trong phát triển đất nước.

Do vậy, trong quá trình thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo cần tính đến

việc sửa đổi, bổ sung một số luật chuyên ngành có liên quan đến tôn giáo, nhất là những nội dung còn vướng, còn thiếu hoặc bất cập, vênh nhau giữa các luật nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong quan điểm, chủ trương, như: quy định cụ thể việc tổ chức tôn giáo được thực hiện chủ trương xã hội hóa về y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo với tư cách là chủ đầu tư và quản lý theo quy định của pháp luật, nhất là trong giai đoạn hiện nay Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã quy định pháp nhân đối với các tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Trong các cơ sở giáo dục, y tế do tôn giáo quản lý điều hành thực hiện triệt để cơ chế “phân ly” theo đúng quy định của luật chuyên ngành (khi sửa đổi bổ sung), không đưa các hoạt động tôn giáo vào sinh hoạt và giảng dạy; không đặt các biểu tượng tôn giáo. Nhà nước hỗ trợ cơ chế, chính sách, các tôn giáo tự tạo nguồn, chịu thuế và chịu sự giám sát, quản lý của nhà nước.

Riêng đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, là nơi nuôi dưỡng những người đã mất khả năng lao động và mất khả năng tự chăm sóc bản thân thì nhà

nước cần tính đến không chỉ cơ chế, chính sách mà còn hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn kinh phí để các tổ chức tôn giáo thuận lợi trong điều hành và quản lý, cùng với nhà nước chăm lo cho những người yếu thế, góp phần cùng với các tổ chức khác để giảm tải gánh nặng xã hội.

Việc đưa tôn giáo vào tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục với sự giám sát, quản lý của nhà nước sẽ góp phần làm giảm tải số lượng học sinh ở các trường mà hiện nay đã quá mức cho phép hay giảm tải các bệnh nhân trong các bệnh viện. Việt Nam có chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục, vậy cũng có thể coi việc các tôn giáo tham gia sâu vào lĩnh vực này là việc tôn giáo đang thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước, không có sự phân biệt, không có khoảng trống. Bên cạnh đó, việc cho phép tôn giáo tham gia cung ứng dịch vụ công sẽ tạo ra sự cạnh tranh về chất lượng phục vụ giữa các tổ chức cung ứng khác nhau, thúc đẩy sự công khai, minh bạch trong hoạt động y tế, giáo dục và người dân sẽ có lợi trong việc lựa chọn chất lượng các chủ thể tham gia cung ứng các loại dịch vụ này.

Có thể nói, luật pháp càng đồng bộ, rõ ràng thì việc thực hiện chính sách, pháp luật mới thống nhất và khả thi. Đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng giữa trách nhiệm, quyền lợi của các tổ chức tôn giáo; giữa tổ chức tôn giáo và các tổ chức xã hội khác, thúc đẩy các tổ chức tôn giáo đóng góp nguồn lực vào phát triển đất nước.

### **3. Vận động các tôn giáo thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội**

Một trong những thành tựu quan trọng trong công tác tôn giáo thời gian qua là việc cơ quan quản lý nhà nước đã giúp đỡ, tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo xây dựng đường hướng hành đạo tích cực, gắn bó đồng hành cùng dân tộc: Phật giáo là “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”; Công giáo là “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc cho đồng bào”; Tin lành là “Sống Phúc âm phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc”; Cao Đài là “Nước Vinh, Đạo sáng”; Phật giáo Hoà Hảo là “Vì Đạo pháp, vì Dân tộc”,... Từ đường hướng đó, chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo luôn ý thức trách nhiệm với quê hương đất nước không phải chỉ là tình cảm, trách nhiệm công dân, mà còn là đòi

hỏi của đường hướng hành đạo mà các tôn giáo đã đề ra. Trong công tác tôn giáo không chỉ quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ, đường hướng hành đạo đã được Nhà nước công nhận, mà cần lấy đường hướng hành đạo làm chuẩn mực để vận động chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo làm theo trong các hoạt động an sinh xã hội. Đây cũng là phương tiện hữu hiệu để phòng ngừa, đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo của các đối tượng cực đoan để vi phạm pháp luật, trục lợi, đi ngược lại đường hướng hành đạo của các tổ chức tôn giáo đã được công nhận.

Đảng, Nhà nước Việt Nam có chủ trương xã hội hóa hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo, đây là một chủ trương nhất quán, lâu dài của Đảng, trong đó các tổ chức tôn giáo chính là nguồn lực góp phần thực hiện tốt chủ trương này. Chủ trương này đã được Nhà nước thể chế tại nhiều văn bản pháp luật như: Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và gần đây là Nghị định số

68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 qui định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Theo đó các địa phương không những triển khai có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với các tôn giáo, mà còn cần tạo điều kiện, hướng dẫn, vận dụng và vận động để các tôn giáo được tham gia hoạt động xã hội một cách phù hợp nhất theo quy định của pháp luật, theo khả năng và tinh thần trách nhiệm cao. Vận động đồng bào có đạo, đặc biệt là chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, cùng toàn dân quan tâm chăm sóc người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn phù hợp với giá trị văn hóa, đạo đức của các tôn giáo và dân tộc. Làm chất keo gắn kết đồng bào các tôn giáo và đồng bào không có tôn giáo, đạo - đời trong khối đoàn kết toàn dân tộc. Vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo tham gia các đoàn thể xã hội, nhất là chăm lo, tập hợp giáo dục giới trẻ sống có trách nhiệm, có ích, gương

mẫu đóng góp vào sự nghiệp chung của đất nước.

Vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tham gia đấu tranh phê phán, giáo dục những người lợi dụng niềm tin tôn giáo, lợi dụng hoạt động an sinh xã hội để trục lợi, lôi kéo tín đồ gây rối trật tự xã hội, gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo, cản trở sự đóng góp của các tổ chức tôn giáo trong phát triển đất nước.

\*\*\*

Với sự nỗ lực của toàn dân, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong phát triển đất nước, đời sống người dân ngày một nâng cao. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn, khoảng cách giàu - nghèo cả về kinh tế,

xã hội và văn hóa trong các vùng miền của đất nước vẫn còn khá cao, thiên tai bão lũ xảy ra thường xuyên và luôn có diễn biến bất thường ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người dân, cũng như phát triển bền vững đất nước. Với những đóng góp của tôn giáo cả ở lĩnh vực tinh thần và vật chất thì Đảng, Nhà nước rất cần phát huy nguồn lực này để cùng với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, các dân tộc thiểu số và người dân xây dựng, phát triển đất nước. Có như vậy mới có thể tạo lập được các mối quan hệ hài hòa và đồng thuận xã hội, là động lực mạnh mẽ cho việc tập hợp, phát huy sức mạnh, nguồn lực của nhân dân vào công cuộc phát triển đất nước ■

---

<sup>1</sup> Ban Chấp hành Trung ương (2018), Đề án “Về tăng cường vận động, đoàn kết các tôn giáo ở nước ta hiện nay”, tr.7.

<sup>2</sup> Ban Chấp hành Trung ương (2018), Đề án “Về tăng cường vận động, đoàn kết các tôn giáo ở nước ta hiện nay”, tr.7.

<sup>3</sup> Ban Chấp hành Trung ương (2018), Đề án “Về tăng cường vận động, đoàn kết các tôn giáo ở nước ta hiện nay”, tr.7.

<sup>4</sup> Ban Chấp hành Trung ương (2018), Đề án “Về tăng cường vận động, đoàn kết các tôn giáo ở nước ta hiện nay”, tr.27.



# NHỮNG THÀNH TỰU CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● **Thượng tọa, TS THÍCH ĐỨC THIỆN**

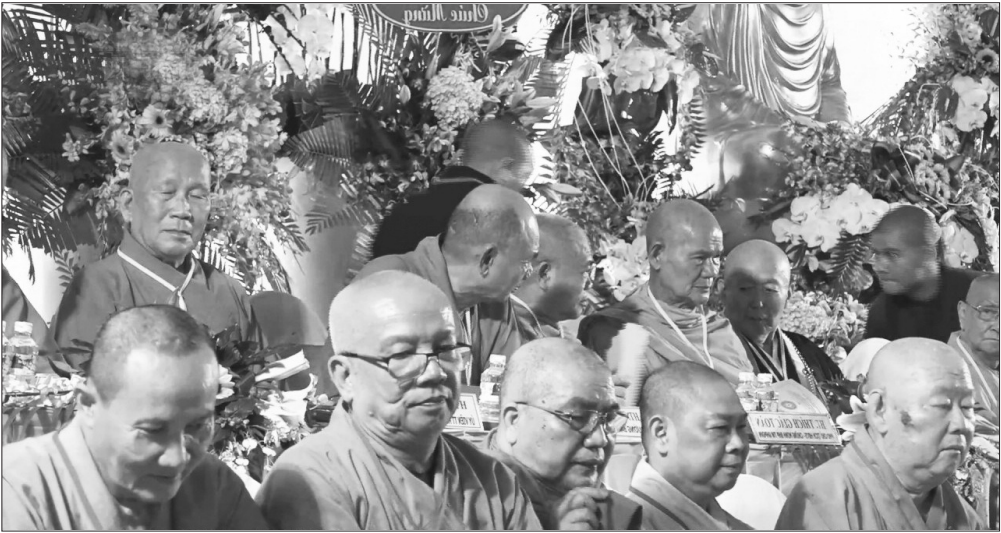
*Phó chủ tịch - Tổng Thư ký GHPGVN*

## **Truyền thống lịch sử của Phật giáo Việt Nam**

Với lịch sử hơn 2000 năm du nhập, Phật giáo đã thấm sâu vào trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong quá trình phát triển, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, đã có nhiều đóng góp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đồng hành cùng dân tộc là một đặc trưng nổi bật trong truyền thống và tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam.

Phật giáo đã sớm hòa mình với tín ngưỡng và văn hóa bản địa ngay từ những ngày đầu du nhập tạo nền tảng hình thành nên nền Phật giáo dân tộc. Phật giáo càng phát triển và bén rễ sâu trong đời sống xã hội thì sự gắn bó dân tộc càng sâu sắc hơn. Lịch sử 2000

năm Phật giáo Việt Nam đã minh chứng về một nền Phật giáo nhập thế, và là lịch sử của những người Phật tử yêu nước. Lịch sử đã ghi lại rằng trong suốt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, trong bối cảnh đất nước bị nô dịch và nguy cơ văn hóa bị đồng hóa, Phật giáo dân tộc thực sự trở thành vũ khí tinh thần chống lại sự xâm lược, nô dịch và đồng hóa bằng Hán nho của các triều đại phong kiến phương Bắc. Ngay sau khi lên ngôi, vị vua đầu tiên của nước ta là Lý Nam Đế (544 - 548) đã cho dựng chùa Khai Quốc (chùa Mở nước) ở giữa Kinh đô, qua đó cũng cho chúng ta thấy được vai trò của Phật giáo trong việc xây dựng và giành nền độc lập dân tộc.



*Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc \_ Ảnh: TL*

Trong giai đoạn lịch sử khi nước nhà giành được nền độc lập tự chủ, đầu thế kỷ thứ 10 và trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, nhất là dưới triều Lý, Phật giáo đã trở thành tư tưởng chủ đạo của văn hóa dân tộc với các vị Thiền sư tiêu biểu như Khuông Việt Ngô Chân Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Lý Công Uẩn, Nguyễn Minh Không, Từ Đạo Hạnh, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt... các vị Thiền sư cao tăng đồng thời cũng là những nhà chính trị, quân sự, ngoại giao xuất sắc của thời đại, là những người có công lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thời kỳ này được coi là thời kỳ

vàng son của dân tộc và cũng là của Phật giáo. Phật giáo đã được nâng lên một tầm mới, hoà nhập với dân tộc, trở thành một yếu tố tinh thần chủ đạo của xã hội. Đến thời kỳ nhà Trần, tinh thần đó đã được nhà Trần kế tiếp và tạo dựng đất nước ta trong gần 2 thế kỷ trị vì. Phật giáo đã thực sự trở thành Phật giáo dân tộc, trở thành nền tảng tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ đất nước, đồng thời là bộ phận chủ yếu góp phần tạo nên nền văn hóa tinh thần đương thời của dân tộc. Các thiền sư - các Vua thời Trần đã lập nên Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử, là một thiền phái mang hệ tư

tưởng triết học và bản sắc hoàn toàn Việt Nam. Các vị vua như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông đều rất uyên thâm về triết lý Phật giáo và đã ứng dụng Phật giáo trong mối liên kết nhân tâm để xây dựng và bảo vệ đất nước. Lịch sử đã cho thấy, tinh thần của hội nghị Diên Hồng là tiếng nói của ý thức tự chủ và tinh thần tự lực, tự cường của người dân Việt Nam, là đỉnh cao của sự đoàn kết dân tộc, mà chính sự liên kết nhân tâm, tinh thần hoà hợp của đạo Phật đã thấm nhuần sâu sắc trong vua - tôi thời Trần. Tinh thần Phật giáo đã góp phần quan trọng trong chiến thắng vĩ đại chống giặc Nguyên - Mông của quân và dân Đại Việt.

Dân tộc Việt Nam đã trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, nhưng dù ở bất kỳ giai đoạn nào thì hình ảnh của Phật giáo, của các vị thiền sư, pháp sư, quốc sư, phật tử đứng ra hộ trì đất nước đã trở nên rất gần gũi, thân quen với người dân. Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Phật giáo đã có những đóng

góp mà lịch sử đã ghi nhận vào chiến thắng hào hùng của dân tộc. Nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo trên khắp mọi miền đất nước đã trở thành những căn cứ che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng; nhiều nhà sư đã nêu cao tinh thần đại sĩ chính nghĩa tham gia phong trào “*cởi áo cà sa khoác áo chiến bào*” lên đường nhập ngũ, trực tiếp chiến đấu ngoài mặt trận. Đó là những minh chứng cho tinh thần yêu nước chân chính của Phật giáo Việt Nam hoà mình trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận định về vai trò và những đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với cách mạng và dân tộc trong bài phát biểu tại buổi tiếp đại biểu Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam tại Phủ chủ tịch rằng: “Trong quá khứ, Phật giáo Việt Nam đã gắn chặt với dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lịch sử đã xác nhận Phật giáo Việt Nam là một tôn giáo, từ bản chất, bản sắc, từ trong thực tiễn hoạt động của mình, biểu hiện truyền thống yêu nước, gắn bó chặt chẽ với dân tộc, với Tổ quốc. Trong sự nghiệp cao cả của dân tộc ngày nay, Phật giáo đã góp phần xứng

đáng. Đối với Việt Nam, nói đến tôn giáo là người ta nghĩ ngay đến Đạo Phật, đến những việc làm quý báu, đẹp đẽ của đông đảo tăng ni, phật tử. Đạo Phật ở Việt Nam đã mang màu sắc dân tộc Việt Nam rõ rệt. Có thể nói rằng Phật giáo Việt Nam đã góp phần làm sáng ngời lý tưởng dân tộc, và trưởng thành cùng dân tộc”.

### **Những thành tựu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước**

Sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, giang sơn nối liền một cõi, Bắc Nam sum họp một nhà. Đây là lúc những người phật tử Việt Nam thực hiện thống nhất Phật giáo trong cả nước. Với tinh thần lục hòa cộng trụ, gắn bó, đoàn kết với dân tộc góp phần làm đẹp cho truyền thống yêu nước của dân tộc và cùng với dân tộc đạt được những kỳ tích vĩ đại. Hơn nữa, đoàn kết thống nhất các hệ phái Phật giáo, thành lập một Giáo Hội để xứng minh Phật pháp và phát triển dân tộc là nguyện vọng và tâm huyết của nhiều thế hệ tiền bối Phật giáo Việt Nam trong lịch sử.

Kế thừa và tiếp nối xứng đáng truyền thống đó và cũng là đáp ứng

tâm nguyện tha thiết và hoài bão lớn của các thế hệ tăng ni phật tử Việt Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập vào năm 1981. Đây là một mốc son chói lọi trong lịch sử 2000 năm truyền bá giáo lý Phật Đà của lịch đại Tổ sư trên đất nước Việt Nam, là biểu tượng sáng ngời của tinh thần hòa hợp giữa những người con Phật. Lần đầu tiên, tất cả các tổ chức, giáo hội, hệ phái Phật giáo tự nguyện, dân chủ, lấy Tứ chúng đồng tu làm cơ sở để tham gia vào một giáo hội duy nhất - GHPGVN. Việc ra đời GHPGVN đã mở ra con đường phát triển mới của Phật giáo Việt Nam, đó là thống nhất tổ chức, thống nhất ý chí và hành động để hoàng pháp lợi sinh, đem ánh sáng đạo lý vào trong đời sống xã hội, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, tạo dựng cuộc sống hòa bình và an lạc.

Với hơn 35 năm trưởng thành và phát triển trải qua 7 nhiệm kỳ, có thể nói GHPGVN đã thành tựu rất nhiều Phật sự quan trọng có tính chất quyết định đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Trước hết, tổ chức của Giáo hội

ngày càng hoàn thiện, ổn định, thống nhất và vận hành có hiệu quả với hệ thống tổ chức gồm 13 Ban, Viện Trung ương hoạt động chuyên ngành như Tăng sự, Giáo dục Phật giáo, Hướng dẫn Phật tử, Hoằng pháp, Nghi lễ, Văn hóa, Kinh tế Tài chính, Phật giáo Quốc tế, Từ thiện xã hội, Pháp chế, Kiểm soát, Thông tin Truyền thông, Viện Nghiên cứu Phật học. Hệ thống tổ chức Giáo hội thống nhất từ trung ương đến các địa phương. Thành tựu nổi bật sau hơn 35 năm về công tác tổ chức Giáo hội là Giáo hội đã thành lập Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. KIỆN TOÀN VÀ NÂNG TẦM HỆ THỐNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH PHẬT GIÁO CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH. Giáo hội quản lý 12 Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài. Tất cả đều hoạt động theo Hiến chương GHPGVN. Tính đến nay trong cả nước đã có 54.000 tăng ni tu hành trong 18.500 chùa, tự viện do GHPGVN quản lý,

điều hành. Số lượng Phật tử thường xuyên thực hành Đạo Phật khoảng 20 triệu và hơn 30 triệu những người yêu mến Đạo Phật tại Việt Nam.

### **Thành tựu xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc**

**Với hơn 35 năm trưởng thành và phát triển trải qua 7 nhiệm kỳ, có thể nói GHPGVN đã thành tựu rất nhiều Phật sự quan trọng có tính chất quyết định đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai.**

GHPGVN là thành viên tích cực của MT-TQVN, luôn đi đầu trong các phong trào của MT-TQVN như: Phát huy tinh thần phụng đạo yêu nước, thiết thân cùng xã hội, hiện hữu trong lòng dân tộc, quyết tâm giữ vững tinh thần độc lập dân tộc, phụng sự chúng sinh là cội nguồn Chư Phật, đồng

thời, để phát huy vai trò thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện hữu hiệu phương châm hoạt động của Giáo hội “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, các thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp, tăng ni và Phật tử cả nước đã tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào ích nước lợi dân, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi sinh, môi trường sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu, xây dựng

nếp sống văn hóa trên địa bàn khu dân cư, tham gia tích cực vào phong trào quốc phòng toàn dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Tham gia góp ý dự thảo xây dựng các dự án luật, trong đó đặc biệt là dự án Luật tín ngưỡng tôn giáo; Tham dự các hội nghị quán triệt nội dung Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc; Tham gia phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; ký kết phối hợp công tác với Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia trong việc vận động tăng ni, Phật tử thực hiện nếp sống văn hóa giao thông; ký kết phối hợp công tác với Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài chăm lo đời sống văn hóa tâm linh cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng lòng yêu quê hương đất nước trở về với cội nguồn dân tộc; phối hợp với Bộ VH-TT-DL trong việc phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo trong các lễ hội tôn giáo tại địa phương...

Với trách nhiệm và bổn phận của công dân đất nước, Trung ương Giáo hội và Giáo hội Phật giáo các cấp đã

vận động tăng ni, Phật tử tham gia tích cực công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp, đồng thời Trung ương Giáo hội và Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo các cấp đã giới thiệu Tăng ni, Phật tử ứng cử tham gia Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp qua các kỳ.

Trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các đại diện thành viên của Giáo hội từ Trung ương đến địa phương đều tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

Nhìn chung, Tăng ni và Phật tử luôn giữ vững lập trường, phát huy truyền thống đoàn kết, hòa hợp, độc lập dân tộc, theo hướng đi lên của thời đại, góp phần xây dựng xã hội Việt Nam văn minh, tiến bộ, giàu mạnh.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được Đảng Nhà nước trao tặng 2 lần Huân Chương Hồ Chí Minh đây là phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam và tăng ni, Phật tử trên toàn quốc.

**Thành tựu hoàng dương chính pháp, hướng dẫn và chăm lo đời sống tinh thần, tâm linh cho mọi tầng lớp trong xã hội, xiển dương đạo đức học Phật**

### **giáo góp phần xây dựng và làm đẹp nền đạo đức xã hội.**

Trong xã hội hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của con người được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Song nó luôn luôn tồn tại một thực tế là các nhu cầu của con người và nhu cầu xã hội phát triển quá nhanh hơn so với sự cung cấp và đảm bảo cho các nhu cầu đó, đồng thời với những thiên tai, dịch bệnh, xung đột... đã đẩy con người luôn phải đối diện với những khổ đau, bất hạnh, phiền muộn. Do đó, ngày càng có nhiều người cần một nơi nương tựa về tinh thần để tự giải phóng khỏi những khổ đau đó. Ban Hoàng pháp và Ban Hướng dẫn Phật tử của Giáo hội đã làm tốt sứ mệnh của mình giúp cho mọi người tăng trưởng đạo tâm, phát huy chính tín, tạo nguồn an lạc, lạc quan, giải thoát, ổn định trong cuộc sống.

Tổ chức mở rộng các hình thức sinh hoạt của giới trẻ thanh, thiếu niên Phật tử. Phát huy mô hình Câu lạc bộ thanh niên, thiếu niên Phật tử và Ban liên lạc Phật tử hải ngoại. Tổ chức những lớp giáo lý và sinh hoạt cho tuổi trẻ tại các chùa, tự viện thường xuyên và rộng khắp với nội

dung phong phú. Đã tổ chức nhiều hội trại khắp cả nước có hàng chục nghìn thanh thiếu niên đã tham dự các khóa tu mùa hè cho các cháu thanh thiếu niên Phật tử và học sinh đã trở thành một nét đặc sắc đáp ứng nhu cầu giáo dục hè cho các cháu học sinh, và đặc biệt là các hội thi giáo lý, các khóa truyền quy y cho các đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng Tây Nguyên, Tây Bắc và các vùng miền núi, hải đảo. Phong trào tiếp sức mùa thi được tổ chức tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Ngoài ra là phong trào hiến máu nhân đạo, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn... đã được Ban HDPT các tỉnh, thành phố tổ chức tốt.

### ***- Góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng và đội ngũ trí thức trong giáo dục Phật giáo***

Sau hơn 35 năm đến nay Giáo hội có 4 Học viện: Học viện Phật giáo tại Hà Nội, tại Huế, tại Tp Hồ Chí Minh và tại Tp Cần Thơ. Đến nay các Học viện đã đào tạo gần 10.000 Tăng ni tốt nghiệp cử nhân Phật học, đang đào tạo trên 2000 Tăng ni sinh.

Hệ Cao đẳng Phật học đã đào tạo hơn 3000 tăng ni sinh tốt nghiệp; và

đang đào tạo hơn 1000 tăng ni sinh. Cả nước có 31 Trường Trung cấp Phật học, đã đào tạo 12.000 tăng ni sinh tốt nghiệp Trung cấp Phật học, đang đào tạo gần 5000 tăng ni sinh. Hầu hết các tỉnh đều mở lớp Sơ cấp Phật học.

Thành tựu nổi bật sau hơn 35 năm của công tác đào tạo Tăng ni là việc Giáo hội đã chủ động gửi các tăng ni sinh đi du học nước ngoài. Đến nay Giáo hội đã giới thiệu hơn 500 tăng ni đang du học ở nước ngoài: Ấn Độ, vùng lãnh thổ Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Myanma, Thái Lan... Đến nay đã có khoảng 200 tăng ni sinh đã tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ, tiến sĩ về nước phục vụ công tác Giáo hội đây là nguồn nhân lực của hệ thống đào tạo giáo dục Tăng ni của Giáo hội.

Với đội ngũ giảng viên hùng hậu, có trình độ ngang bằng các trường Đại học trong nước và Quốc tế, Giáo hội đã được Nhà nước cho phép đào tạo hệ Cao học thạc sĩ, tiến sĩ Phật học tại Học Viện Phật giáo Việt Nam.

**- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam đảm bảo có sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại, góp phần xây dựng nền**

**văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế**

Công tác trùng tu, kiến tạo hàng nghìn cơ sở chùa, tự viện, danh lam thắng cảnh của Phật giáo cả nước được tiến hành có kết quả, nhất là các cơ sở tại vùng biên giới và hải đảo, góp phần trang nghiêm cơ sở tại địa phương, tạo thêm vẻ mỹ quan cho xã hội. Có nhiều chùa đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt, hàng nghìn chùa được Bộ VH-TT-DL công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia, cấp tỉnh, thành phố là những di sản văn hóa. Giáo hội đã triển khai thực hiện các đề án về kiến trúc Phật giáo Việt Nam, ngôn ngữ Phật giáo Việt Nam và di sản Văn hóa Phật giáo Việt Nam... nhằm gìn giữ những tinh hoa của văn hóa dân tộc theo định hướng phát triển thống nhất trong sự đa dạng, tiên tiến phù hợp với xu thế thời đại.

**- Chăm lo công tác từ thiện, an sinh xã hội cho cộng đồng**

Là một trong những công tác Phật sự trọng yếu của Giáo hội, công tác từ thiện và sự nghiệp chăm lo an sinh xã



hội đã được Giáo hội chỉ đạo tăng ni, phật tử và các chùa, tự viện các thành viên thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời. Hiện nay có trên 1000 lớp học tình thương, 64 cơ sở được cấp phép nuôi dưỡng trẻ mồ côi, lớp bán trú. 20 cơ sở nuôi dưỡng người già cô đơn với hơn 1000 cụ.

Giáo hội hiện có trên 165 Tuệ Tĩnh đường, 655 phòng chẩn trị Y học Dân tộc, 10 phòng khám Đa khoa Tây y đang hoạt động có hiệu quả, khám và phát thuốc miễn phí hàng chục tỷ đồng.

Hiện có khoảng 10 trường dạy nghề miễn phí gồm các nghề may, thuê, đan, điện gia dụng, tin học vi tính văn phòng và ngoại ngữ, mộc mỹ nghệ, sửa xe, hớt tóc v.v...

Giáo hội luôn có mặt đúng lúc và kịp thời cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt và tham gia tích cực ủng hộ phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các đối tượng người có công với đất nước. Phát quà từ thiện, xây cầu, làm đường, phát xe lăn, hiến máu nhân đạo, quỹ khuyến học, ủng hộ các chiến sỹ biển đảo bám biển Hoàng Sa, Trường Sa của tổ quốc... kết quả công tác từ thiện xã hội hàng năm đạt số

liệu rất cao, ước tính khoảng hơn 1.000 tỷ đồng.

Ngoài những công tác từ thiện nêu trên, những công tác phúc lợi xã hội khác như: xây dựng các trường Mầm non, trường nuôi dạy trẻ em, trường nuôi dạy trẻ em bất hạnh, khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng chất độc màu da cam cũng được nhân rộng và phát triển đúng hướng, góp phần làm giảm bớt gánh nặng cho gia đình các em và cho xã hội. Xây cầu bê tông, đắp đường giao thông nông thôn, đóng giếng nước sạch, hiến máu nhân đạo, đóng góp các quỹ từ thiện vì người nghèo, học sinh hiếu học, giúp phụ nữ nghèo vượt khó, tặng xe đạp cho học sinh, xe lăn, xe lắc cho bệnh nhân nghèo, tặng xuống ghe, hỗ trợ áo quan, hỗ trợ mổ mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo đục thủy tinh thể, bệnh tim nhi, phát quà tết, quà trung thu cho các cháu thiếu nhi, nồi cháo tình thương, bữa ăn từ thiện cho bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện, phòng khám đa khoa v.v... đều được các thành viên Ban Từ thiện xã hội Trung ương, các tỉnh, các cơ sở tự viện, tăng ni, phật tử tích cực tham gia.

**- Góp phần phát triển kinh tế xã hội**

Song song với các hoạt động về Đạo pháp, các hoạt động lao động sản xuất, góp phần xây dựng đất nước, thực hiện kinh tế tự túc tại các tự viện cũng đã được Ban Trị sự Phật giáo các địa phương quan tâm. Do đó, hầu hết tăng ni tại các cơ sở tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường đã tùy theo khả năng của từng chùa, thế mạnh của từng miền, từng vùng để làm kinh tế thích hợp như trồng hoa màu, cây ăn trái các loại, trồng chè, cà phê, hồ tiêu, bạch đàn, làm bánh kẹo, tương chao, phát hành kinh sách, phát triển du lịch v.v... nhằm ổn định cuộc sống bằng sức lao động của chính mình. Việc tu học của Tăng ni được kết hợp hài hòa với lao động sản xuất, tạo ra những nhu cầu vật chất tối thiểu trong cuộc sống tu hành.

Những danh lam thắng cảnh Phật giáo đã thực sự tạo nên một hệ sinh thái du lịch tâm linh là nguồn phát triển kinh tế xã hội ở một số địa phương, góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế tại địa phương, làm giàu cho cộng đồng và cho địa phương.

**- Hoạt động đối ngoại nhân dân, đối ngoại tôn giáo, văn hóa**

Ngay từ khi mới thành lập, GHPGVN được thừa hưởng mối bang

giao quốc tế của chư vị tiền bối với tư cách là thành viên sáng lập hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, thành viên tích cực tham gia vào tổ chức Phật giáo quốc tế như hội Phật giáo Châu Á vì Hòa bình (ABCN), bang giao với các nước Phật giáo Mông Cổ, các nước thuộc Liên Xô cũ, Nhật Bản, Trung Quốc và các nước Phật bạn Lào, Campuchia anh em. Trong 35 năm qua từ chỗ không chủ động trong các mối quan hệ bang giao Phật giáo quốc tế, GHPGVN đã tích cực thể hiện sự chủ động và khẳng định vai trò của mình trong hội nhập quốc tế. Giáo hội đã trở thành thành viên của các tổ chức Phật giáo lớn trên thế giới: Thành viên sáng lập Liên Minh Phật giáo thế giới (Ấn Độ), Hội Phật giáo Thế giới truyền bá chánh pháp, Hội đệ tử Như Lai tối thượng (Srilanka), Ủy ban Quốc tế Đại lễ Vasak Liên Hợp Quốc (Thái Lan), Ủy ban Đại học và Cao đẳng Phật giáo Thế giới tại Thái Lan, thành viên Hội Sakyadhita thế giới, cũng như lãnh đạo Hội Phật tử Việt Nam tại Nga, Pháp và Châu Âu.

Thông qua việc tổ chức các đoàn của GHPGVN đi thăm viếng Phật giáo các nước, cũng như đón tiếp các

phái đoàn Phật giáo các nước tăng cường tình hữu nghị và làm sâu sắc mối quan hệ quốc tế.

Nhằm trao đổi kiến thức và giao lưu về mặt học thuật trên diễn đàn Phật giáo quốc tế GHPGVN đã cử đoàn tham dự 66 cuộc Hội nghị và hội thảo quốc tế tại các nước như Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc, Mỹ,... Đặc biệt đoàn đại diện GHPGVN đã tham dự 6 lần Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc tại Thái Lan và 2 lần Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc tại New York (Hoa Kỳ)

Với quyết tâm và nỗ lực của mình, GHPGVN còn đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc năm 2008 (tại trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội) và năm 2014 (tại Bái Đính, tỉnh Ninh Bình) với sự hiện diện của gần 100 quốc gia và các vùng lãnh thổ trên thế giới, đạt nhiều thành quả tốt đẹp qua cái nhìn đầy khâm phục của các nước Phật giáo và các tổ chức quốc tế về Việt Nam nói chung, GHPGVN nói riêng. Đây là thành tựu nổi bật nhất trong sứ mệnh hội nhập quốc tế của GHPGVN.

Giáo hội cũng đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ XI tại Nhà

truyền thống Văn hóa Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành tựu Phật giáo Quốc tế còn đánh dấu qua việc nhận lời mời của GHPGVN thủ tướng Srilanka đã thăm và tham dự Vasak tại Bái Đính Ninh Bình, năm 2014. Nhận lời mời của GHPGVN, Thủ tướng Cộng hòa Ấn Độ Narendra Modi đã thăm trụ sở Trung ương GHPGVN tháng 9/2016 và trong tuyên bố chung của Thủ tướng 2 nước đã có điều khoản Ấn Độ cấp học bổng cho Tăng ni giáo hội Phật giáo Việt Nam học tập và nghiên cứu tại Ấn Độ qua đó khẳng định vai trò của GHPGVN trong hoạt động đối ngoại nhân dân. Chư tôn đức Lãnh đạo GHPGVN đã tham gia đoàn của Chủ tịch nước thăm hữu nghị chính thức Campuchia năm 2014, tham gia đoàn của Tổng Bí Thư thăm chính thức hợp chủng quốc Hoa Kỳ năm 2015.

Cuối cùng, cũng là mục tiêu xuyên suốt trong hoạt động của GHPGVN: Đạo Pháp - Dân Tộc - CNXH. Gắn đạo với đời, phát huy truyền thống yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước hướng tới xây dựng cuộc sống giàu đẹp, văn minh, hiện đại ■

# SỰ THA HÓA QUYỀN LỰC GẮN VỚI SỰ HỦ BẠI VỀ ĐẠO ĐỨC LÀ CỘI RỄ CỦA SỰ SUY THOÁI TRONG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

● PGS. TS TRẦN QUỐC TOẢN

## I. Nhận thức về bản chất sự suy thoái trong cán bộ, đảng viên

### 1. Khái niệm “suy thoái”

Khái niệm suy thoái được hiểu là tình trạng suy giảm - thoái hóa - xuống cấp về chất (và có thể kèm theo cả về lượng) của một hiện tượng hay sự vật nào đó trong một quá trình vận động, làm cho hiện tượng hay sự vật đó không còn giữ được bản chất và chức năng khách quan đã được xác định (hay được xã hội thừa nhận). Khi nói tới sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên thường nói tới sự suy thoái về phẩm chất đạo đức và năng lực của cá nhân cán bộ, đảng viên. Nhưng cần nhận thức rõ rằng cán bộ, đảng viên có hai tư cách: một tư cách là một cá nhân con người - một công dân trong xã hội; một tư

cách khác quan trọng hơn đó là tư cách của một thành viên trong một tổ chức của đảng chính trị được xã hội trao cho trọng trách lãnh đạo Nhà nước và xã hội (cầm quyền). Tư cách là một thành viên của tổ chức đảng cầm quyền thường phải có sự đòi hỏi phải cao hơn tư cách của một con người - công dân bình thường ở một số phương diện. Nhưng về nguyên tắc, bản chất tư cách của cán bộ, đảng viên và của người công dân bình thường phải có sự thống nhất về căn bản.

Vì thế, khi xem xét sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên không thể chỉ xem xét theo giác độ cá nhân của cán bộ, đảng viên, mà điều quan trọng là phải thấy rõ mối quan hệ sự suy thoái của cán bộ đảng viên

so với các giá trị, chuẩn mực của đảng cầm quyền đặt ra để lãnh đạo xã hội và đặt ra cho các thành viên của mình. Đồng thời xem xét sự suy thoái của cán bộ, đảng viên còn phải đối sánh với các yêu cầu khách quan đặt ra trong quá trình phát triển của xã hội đối với đảng cầm quyền, bởi vì khi những giá trị và chuẩn mực mà đảng cầm quyền đặt ra không những không đáp ứng mà còn “lạc hậu” so với đòi hỏi khách quan của sự phát triển cũng có thể coi đó là một dạng suy thoái. Vì thế khi nói tới sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên cần phải xem xét không chỉ phương diện tư cách cá nhân con người đó, mà còn phải xem xét theo phương diện chức năng xã hội của tổ chức đảng chính trị mà cán bộ, đảng viên đó là một thành viên đại diện; hơn nữa không thể chỉ xem xét tư cách cá nhân cán bộ, đảng viên đó mà phải xem xét trong tính hệ thống của một tổ chức đảng.

Tư cách của một cán bộ, đảng viên thường thể hiện ở hai mặt phẩm chất đạo đức và năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao. Khi nói về suy thoái phẩm chất và năng lực của cán bộ,

đảng viên thì cần phải đối sánh phẩm chất - năng lực ấy với những giá trị và chuẩn mực nào. Có thể nêu ba cấp độ sau:

- Những giá trị và chuẩn mực chung về con người và công dân được quy định trong các văn bản pháp lý của Nhà nước và trong các chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Những giá trị và chuẩn mực được quy định trong điều lệ và trong các chế định của Đảng về yêu cầu phẩm chất đạo đức và năng lực của người cán bộ, đảng viên (thường có những yêu cầu cao hơn so với giá trị và chuẩn mực chung của xã hội về một số phương diện, như đức hy sinh vì sự nghiệp chung, tính tiên phong gương mẫu của người cán bộ, đảng viên, trách nhiệm xã hội...).

- Những giá trị và chuẩn mực mới do yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển của đất nước, của xã hội, đòi hỏi người cán bộ, đảng viên phải đổi mới, phải tự vượt lên chính mình, nếu không sẽ bị lạc hậu, bị trở thành lực cản đối với sự phát triển, vì những giá trị và chuẩn mực hiện tồn (dù là hợp pháp, đúng quy định, đúng chuẩn mực...) đã không còn thể hiện được

tính tiên phong, tính “dẫn đường chỉ lối” của một đảng cầm quyền.

Như vậy, sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên cần phải được xem xét trong tổng thể cả ở ba cấp độ đó, đặt trọng tâm vào hai cấp độ sau (không đáp ứng với những giá trị và chuẩn mực hiện hành, và không có sự đổi mới và phát triển kịp thời những giá trị và chuẩn mực mới do yêu cầu thực tiễn đặt ra) trong đối sánh với việc thực hiện vai trò, chức năng xã hội của một đảng cầm quyền là lãnh đạo nhà nước và xã hội, nhất là trong bối cảnh đất nước đòi hỏi có sự phát triển mang tính đột biến, bước ngoặt, do điều kiện khách quan đặt ra.

Khái niệm suy thoái phẩm chất và năng lực của cán bộ đảng viên còn cần phải xem xét trong sự khác biệt giữa đảng viên thường với đảng viên là cán bộ; giữa đảng viên là cán bộ cấp thấp, trách nhiệm thấp, quyền lực thấp với đảng viên là cán bộ giữ cương vị cao, trách nhiệm cao, quyền lực cao.

## **2. Bản chất của sự suy thoái phẩm chất, năng lực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên**

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói: cán bộ, đảng viên phải có cả đức và tài, “vừa hồng vừa chuyên”, và “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên về thực chất là sự suy thoái cả về đức và tài, sự suy thoái về hệ giá trị và chuẩn mực trong mỗi cán bộ, đảng viên so với yêu cầu của xã hội. Nhưng do cán bộ, đảng viên là thành viên của đảng cầm quyền, có nghĩa là nắm quyền lực nhà nước (ở những cấp độ khác nhau). Vì thế, sự suy thoái của cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền còn gắn liền với bản chất quyền lực nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước.

Các Mác, Ph. Angghen, Lênin, Hồ Chí Minh và các nhà lý luận chính trị trên thế giới về nhà nước, và thực tiễn phát triển của các loại nhà nước trên thế giới cho đến nay, cho thấy nhà nước đều chứa đựng trong mình bản chất quan liêu, thực thi quyền lực không phải khi nào cũng đúng với tuyên ngôn “nhà nước của dân, do dân, vì dân”, quyền lực của nhà nước là quyền lực của nhân dân và được

nhân dân ủy quyền (ở những mức độ khác nhau). Trong thể chế phong kiến, quyền lực của nhà nước là quyền lực của Vua, “cha truyền con nối”, không phải là quyền lực ủy quyền của thần dân. Việc thực thi quyền lực trong nhà nước phong kiến dựa cơ bản vào mức độ “anh minh” của đấng tối cao là Vua và thông qua bộ máy và đội ngũ quan lại phong kiến. Trong thể chế dân chủ cộng hòa, đại nghị, quyền lực nhà nước về danh nghĩa là quyền lực ủy quyền của nhân dân thông qua bầu cử (trực tiếp hay đại diện). Nhưng về bản chất quyền lực nhà nước là quyền lực được nhân dân ủy quyền (theo nghĩa qua bầu cử) cho một đảng chính trị nào đó đứng ra lập chính phủ (nếu chiếm được đa số phiếu bầu theo một tỷ lệ nào đó), hoặc một liên minh chính trị giữa một số đảng để có được đa số cần thiết (nếu không có đảng nào chiếm được đa số phiếu theo quy định). Trên thực tế, bản chất quyền lực của nhà nước khi đó là đại diện quyền lợi cho đảng chính trị đó. Quyền lực nhà nước đó đại diện như thế nào (mức độ nào) cho ý chí và lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân và của cả dân tộc

chính là phản ánh mức độ “của dân, do dân, vì dân” của nhà nước đó. Sai lệch giữa hệ giá trị và chuẩn mực phát triển mà nhà nước đó chế định và thực hiện thông qua đội ngũ cán bộ, công chức do đảng cầm quyền cử ra so với những giá trị và chuẩn mực mà đồng đảo nhân dân và xã hội kỳ vọng, so với yêu cầu phát triển khách quan, đã nói lên sự “suy thoái” (hay bất cập) về quyền lực của đảng cầm quyền và đội ngũ cán bộ đảng viên của đảng đó so với yêu cầu phát triển.

Cán bộ, đảng viên là người được đảng cầm quyền trao trực tiếp sử dụng quyền lực của nhà nước để quản lý xã hội cùng với “quyền lực mềm” về quyền lãnh đạo chính trị của đảng cầm quyền đối với nhà nước và xã hội. Khi đó cán bộ, đảng viên có khuynh hướng thường tự coi mình trở thành “hiện thân” của quyền lực. Khi đó sự suy thoái của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong đảng cầm quyền không chỉ phản ánh sự suy thoái về phẩm chất và năng lực của các cá nhân cán bộ đảng viên, mà còn phản ánh thực chất mức độ sự suy thoái quyền lực nhà nước mà đảng đó đang cầm quyền.

Vì quyền lực nhà nước được thực hiện thông qua hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, nền hành chính và bằng đội ngũ cán bộ, công chức của đảng cầm quyền làm việc trong hệ thống nhà nước với hệ thống giá trị và chuẩn mực xác định. Cho nên, khi đội ngũ cán bộ, công chức bị suy thoái, tức là hệ giá trị và chuẩn mực thực tế mà đội ngũ cán bộ công chức “thể hiện” cho xã hội thấy (hay được che giấu đi) không còn phù hợp (đáp ứng) với đòi hỏi của thực tiễn, quyền lực của nhà nước bị biến dạng, hay nói đúng hơn quyền lực nhà nước bị tha hóa. Khi đó quyền lực nhà nước với tuyên ngôn là của nhân dân, thực hiện vì lợi ích của nhân dân, trở thành quyền lực của bộ máy đứng trên nhân dân, vì lợi ích của bộ máy, của đội ngũ cán bộ đảng viên của đảng cầm quyền, lợi ích của đảng cầm quyền.

Quyền lực của nhà nước luôn gắn liền với quyền và lợi ích xã hội (theo nghĩa rộng cả về chính trị, kinh tế và xã hội...), do đó việc sử dụng và thực thi quyền lực nhà nước luôn gắn liền với quyền và lợi ích của từng đơn vị, từng cán bộ, đảng viên trong bộ máy

nhà nước. Khi quyền lực nhà nước bị tha hóa, được thiết kế và bị sử dụng sai bản chất của nó sẽ là cội nguồn và gốc rễ dẫn đến sự tha hóa, suy thoái phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đồng thời ngược lại, khi đội ngũ cán bộ, đảng viên bị suy thoái (mà biểu hiện rõ nhất là ở đặt lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình, lợi ích nhóm lên trên lợi ích của nhân dân, lợi ích của đất nước...), nó sẽ tìm mọi cách làm cho quyền lực nhà nước bị tha hóa, hướng vào bảo vệ quyền và lợi ích của bộ máy cầm quyền, của đội ngũ cán bộ, đảng viên cầm quyền bị suy thoái. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ một lần nói: “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính, thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”; “trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”. Vì vậy, Người luôn nhấn mạnh rằng những người trong công sở phải lấy chữ Liêm làm đầu.



Như vậy, có thể thấy rằng: Sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền có bản chất sâu xa ở sự tha hóa quyền lực nhà nước, quyền lực nhà nước không được kiểm soát có hiệu quả, gắn liền với sự tha hóa năng lực lãnh đạo - cầm quyền của đảng cầm quyền và sự tha hóa phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trên thực tế, tất cả các nhà nước, các đảng cầm quyền, các cán bộ, đảng viên của đảng đều hoạt động trong một môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa hiện thực, với một trình độ phát triển cụ thể; chịu sự tác động qua lại với xã hội (cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực). Mỗi chủ thể trong xã hội đều có xu hướng thiết lập các quan hệ với nhà nước, với cán bộ và đảng viên của đảng cầm quyền để bảo vệ hay mưu cầu lợi ích của mình (có thể là chính đáng, hợp pháp, hay không chính đáng và phi pháp, hợp đạo lý hay phi đạo lý...). Các mối quan hệ tích cực có thể góp phần làm cho quyền lực nhà nước hiệu quả hơn, trong sáng hơn, minh bạch hơn, thúc đẩy sự phát triển của xã hội; nhưng các mối quan

hệ tiêu cực sẽ làm cho quyền lực nhà nước bị tha hóa hơn, thúc đẩy sự tha hóa của đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền, kích hoạt mở rộng các quan hệ tiêu cực, “mờ ám” giữa các cơ quan nhà nước với các chủ thể liên quan trong xã hội. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển, thể chế phát triển, thể chế nhà nước pháp quyền, trình độ văn hóa và trình độ phát triển dân chủ của đất nước. Một biểu hiện rõ nhất của những tác động tiêu cực là hình thành mối quan hệ “chủ nghĩa tư bản thân hữu” giữa bộ máy nhà nước, cán bộ công chức nhà nước với các doanh nghiệp và với các “thế lực đen” ở không ít nước.

Bản chất của “chủ nghĩa tư bản thân hữu” là mối quan hệ giữa “quyền và tiền”, dùng quyền để mưu cầu tiền và dùng tiền để “mua quyền”, nó có thể làm biến dạng, biến chất quyền lực nhà nước từ tầng nền tảng cơ bản là hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách (được xây dựng có sự “cài cắm” theo lợi ích nhóm, hợp pháp hóa lợi ích nhóm), đến tầng thực thi trong thực tế (như vô hiệu hóa hay làm giảm hiệu lực của các chế định đúng

đến, làm chậm quá trình đưa các chế định đúng đắn vào cuộc sống, thiết lập hệ thống cơ sở “sâu sau...), đến việc đề ra các quy định và thủ tục gây khó khăn, những nhiễu đòi hỏi phải “có đi, có lại” khi giải quyết công việc nhà nước... Sự “tương tác” mang tính “nhân - quả” giữa nhà nước, cán bộ - công chức nhà nước (đồng thời cũng là đảng viên của đảng cầm quyền) với các doanh nhân trong quan hệ “chủ nghĩa tư bản thân hữu” cùng với những tiêu cực khác trong thực thi quyền lực nhà nước trong xã hội đã cho thấy bản chất của nhà nước bị tha hóa ở mức độ nào. Sự tha hóa đó lại được “bảo lãnh” bởi những quy định pháp lý quan liêu, “đúng quy định, đúng quy trình, đúng quy hoạch, đúng sự chỉ đạo”, được “tha bổng, dung dưỡng” bởi thể chế thiếu các thiết chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả, bởi thực trạng xã hội khi mà nhiều người coi có những tiêu cực là đương nhiên, là cần thiết nếu muốn “được việc” (làm khác đi sẽ bị gạt ra ngoài, bị coi là không thức thời, không năng động, là “đạo đức giả”, các thang giá trị bị đảo lộn). Khi quyền lực của nhà nước bị tha hóa, cũng có

nghĩa là hệ giá trị và các chuẩn mực làm nền tảng cho sự phát triển xã hội hiệu quả và lành mạnh bị biến dạng, một bộ phận đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng cầm quyền trong bộ máy nhà nước vừa là chủ thể vừa là nạn nhân của sự tha hóa đó (đương nhiên không phải là tất cả). Quyền lực của nhà nước bị tha hóa, kém hiệu lực, hiệu quả luôn song hành với xã hội có nhiều tiêu cực, bất công.

Trong điều kiện hiện nay, sự suy thoái của một đảng cầm quyền (và do đó là của đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng nói chung và hoạt động trong bộ máy nhà nước nói riêng) còn thể hiện ở một bản chất khác: đó là sự không đáp ứng về phẩm chất và năng lực đối với những đòi hỏi cao và thay đổi nhanh chóng, phức tạp, đa chiều, đầy mâu thuẫn, có tính đột biến - cách mạng của sự phát triển trong nước và quốc tế, cả về kinh tế, chính trị, xã hội, vấn đề dân tộc, vấn đề con người, vấn đề dân chủ, vấn đề hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa... Điều này thể hiện chủ yếu ở việc các đảng, nhất là đảng cầm quyền không đưa ra được (hay đưa ra sai lệch) đường lối, cương lĩnh, chủ trương,

chính sách phát triển, mục tiêu phát triển, các giá trị phát triển đảm bảo phản ánh được đầy đủ ý chí, nguyện vọng, lợi ích của đa số dân chúng - của quốc gia dân tộc, thể hiện được xu thế phát triển khách quan của thời đại. Các đảng cầm quyền rơi vào tình trạng như vậy (cùng với nhà nước mà đảng đó đang cầm quyền) thường đưa ra các chính sách bảo thủ, lạc hậu, chậm trễ, lỡ thời cơ, không tạo được động lực phát triển mạnh mẽ, và đưa đất nước vào tình trạng trì trệ, thậm chí khủng hoảng kinh tế - xã hội. Các đảng cầm quyền như vậy dần mất uy tín lãnh đạo, và khi bầu cử tổng thống hay quốc hội (nghị viện) tất yếu sẽ thất bại và mất quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội. Điều này đã được minh chứng rất rõ qua các cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội ở nhiều nước trên thế giới trong những năm gần đây. Điển hình như cuộc bầu cử Tổng thống và Quốc hội ở Pháp năm 2017: cả Đảng Xã hội đã và đảng cầm quyền nhiều năm, cả Đảng Cộng hòa đều đã thất bại. Đảng thắng lợi là Đảng Cộng hòa tiến bước, được thành lập từ một phong trào mới có một tuổi đời, chưa hề có

kinh nghiệm cầm quyền. Người lãnh đạo của đảng đó là ông Macron mới 40 tuổi, vốn là một bộ trưởng trong Chính phủ của Đảng Xã hội cầm quyền mà ông Macron là một đảng viên của đảng này. Khi ra khỏi Đảng Xã hội, ông Macron đã lập Đảng Cộng hòa tiến bước và lãnh đạo đảng này tranh cử, giành được chiến thắng vang dội cả ở bầu tổng thống và bầu quốc hội chỉ sau một năm, trở thành đảng cầm quyền. Bí quyết nào ở đây? Chẳng có bí quyết nào cả, điều đơn giản và cũng là điều cốt lõi nhất là ông Macron và các đảng viên - cộng sự của ông đã đi sâu tìm hiểu và nắm được chính xác tâm tư, nguyện vọng, mong muốn của đại đa số dân chúng, nhận thức rõ những vấn đề đặt ra và những yêu cầu khách quan của sự phát triển đất nước trong bối cảnh mới, nhận thức rõ xu thế của thời đại... Từ đó ông và đảng của ông đã đưa ra được cương lĩnh tranh cử với những mục tiêu và giải pháp đúng đắn, đáp ứng được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng; đồng thời đưa ra được những “gương mặt” tiêu biểu của đảng ra tranh cử, với những giá trị và chuẩn mực mà xã hội

tin tưởng, Thắng lợi của Đảng Cộng hòa tiến bước và của cá nhân ông Macron và sự thất bại của Đảng Xã hội và các đảng khác, cho thấy, để trở thành đảng cầm quyền và cầm quyền lâu dài trong thể chế dân chủ, thì đảng đó và đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng đó không được để rơi vào tình trạng suy thoái, bất cập về phẩm chất và năng lực, thể hiện ở sự lạc hậu, bảo thủ trong đường lối, cương lĩnh, cơ chế, chính sách phát triển mà đảng đưa ra không đáp ứng với yêu cầu và xu thế khách quan của sự phát triển, không phản ánh được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đông đảo dân chúng, đưa ra những gương mặt đại diện cho đảng để tranh cử không thể hiện được những phẩm chất và năng lực tiêu biểu được đông đảo quần chúng ủng hộ. Đây là bài học đắt giá cho bất cứ một đảng cầm quyền nào. Những đảng nào với đội ngũ cán bộ, đảng viên tự “ru mình” bằng những thắng lợi rực rỡ của ngày hôm qua, lấy đó làm giá trị và chuẩn mực cho ngày hôm nay, hoặc lấy thắng lợi hôm nay làm giá trị và chuẩn mực cho ngày mai thì sẽ phải nhận lấy những thất bại cay đắng. Sự

suy thoái của một đảng nằm chính ngay trong sự suy yếu năng lực tự nhìn nhận về chính mình và nhìn nhận về yêu cầu và xu thế khách quan của sự phát triển. Sự suy thoái về năng lực lãnh đạo, cầm quyền của một đảng là hệ quả trực tiếp của sự suy thoái phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Sự suy thoái của một đảng (hay một tổ chức đảng cụ thể) và đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa mang bản chất của sự tha hóa quyền lực (khi chế định quyền lực không đúng, sử dụng quyền lực không đúng và không kiểm soát được quyền lực một cách hiệu quả), vừa mang bản chất sự suy thoái năng lực định hướng phát triển, “dẫn dắt” sự phát triển xã hội của một đảng chính trị, vừa mang bản chất xã hội khi cán bộ, đảng viên không những không tự “đề kháng” được trước những tiêu cực ngoài xã hội, mà ngược lại lại trở thành chủ thể bao che, “nuôi dưỡng” các tiêu cực xã hội.

## **II. Những biểu hiện chủ yếu của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên**

Những biểu hiện của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của

một đảng chính trị, nhất là đảng cầm quyền, có thể là biểu hiện chung sự suy thoái của đảng, cũng có thể là biểu hiện sự suy thoái chủ yếu của một loại cán bộ đảng viên nào đó, sự suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên nào đó. Những biểu hiện suy thoái có thể mang tính hệ thống, tính tập thể (nhóm), có thể mang tính cục bộ, cá biệt. Trong Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII, đã nêu lên 27 biểu hiện suy thoái của cán bộ, đảng viên từ thực tiễn của Đảng ta. Về phương diện lý luận chung, từ thực tiễn trên thế giới xin nêu khái quát phân loại những biểu hiện suy thoái sau.

### 1. Những loại biểu hiện suy thoái

Có thể khái quát những loại biểu hiện suy thoái sau:

(1) Sự suy thoái năng lực định hướng phát triển của đảng, thể hiện ở đảng không có (hoặc yếu) khả năng nắm bắt kịp thời, đúng thực trạng, bản chất và khuynh hướng vận động và phát triển của hiện thực khách quan (trong nước và quốc tế), và do đó đã không đưa ra được (hoặc đưa ra không chính xác) đường lối, cương lĩnh, chủ trương, chính sách phù hợp,

kịp thời đáp ứng với yêu cầu của sự phát triển, thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng; không kịp thời thay đổi, điều chỉnh đường lối, cương lĩnh, chủ trương, mục tiêu, chính sách khi tình hình thực tế đã thay đổi.

(2) Đảng cầm quyền thiếu năng lực xây dựng và lãnh đạo một thể chế nhà nước pháp quyền mạnh, dân chủ, sáng tạo để thể chế hóa đường lối, cương lĩnh, chủ trương, chính sách của đảng thành các chế định pháp lý của nhà nước, thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của đa số dân chúng, được đa số dân chúng ủng hộ.

(3) Đảng cầm quyền và nhà nước không xây dựng và chế định được hệ thống các thiết chế và giải pháp kiểm soát quyền lực có hiệu quả, hoặc thực thi các thiết chế, giải pháp kiểm soát quyền lực không nghiêm. Quyền lực của nhà nước do dân ủy quyền bị biến thành quyền lực của bộ máy quan liêu, quyền lực của cá nhân cán bộ, công chức; không thực hiện tốt bản chất “công bộc” và trách nhiệm giải trình trước nhân dân và xã hội.

(4) Tính thượng tôn pháp luật không nghiêm trong hệ thống đảng

cầm quyền và nhà nước; tồn tại hiện tượng lạm quyền, coi thường kỷ cương phép nước. Nền hành chính có nhiều tiêu cực, hiệu lực và hiệu quả không cao. Tình trạng làm trái đường lối, chủ trương của đảng, pháp luật và chính sách của nhà nước gây thiệt hại cho dân và cho đất nước.

(5) Tình trạng tham nhũng, những nhiều, sử dụng lãng phí và làm thất thoát của công không được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

(6) Tình trạng mất dân chủ, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền; bệnh thành tích, bệnh hình thức, báo cáo sai sự thật, che giấu khuyết điểm; tình trạng chạy chức, chạy quyền.

(7) Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng đi ngược với mục tiêu xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(8) Tình trạng suy thoái phẩm chất - đạo đức - lối sống trong đội ngũ cán bộ, công chức và đảng viên; suy thoái phẩm chất “công bộc”, liêm chính, đức hy sinh, chí công vô tư; thái độ vô cảm, coi thường dân.

(9) Thiếu ý thức và tinh thần học tập vươn lên không ngừng; thiếu tinh

thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm; trình độ chuyên môn không đáp ứng yêu cầu, năng lực thực thi nhiệm vụ hạn chế.

## 2. Cấp độ biểu hiện suy thoái

Về cấp độ biểu hiện suy thoái cũng cần được làm rõ để thấy mức độ phổ biến, tính liên kết, tính lan tỏa của các hiện tượng suy thoái. Một cách khái quát có thể nêu lên các cấp độ biểu hiện suy thoái sau:

- Những suy thoái mang tính cá nhân, là biểu hiện của từng cá nhân. Đây là những suy thoái không mang tính liên kết nhiều người, nhiều cấp (ví dụ các tham nhũng được gọi là “tham nhũng vặt”).

- Những biểu hiện suy thoái mang tính tập thể liên kết trong các lợi ích nhóm, có thể theo chiều ngang hay chiều dọc, và cũng có thể là hỗn hợp cả theo chiều ngang và chiều dọc.

- Những biểu hiện suy thoái mang tính xã hội dù trái với các quy định hiện hành, trái với “đạo lý” nhưng lại được xã hội “chấp nhận” công khai như một sự đương nhiên (như các hội nghị, hội thảo khoa học làm một buổi tính thành một ngày, làm một ngày tính thành hai ngày để có

kinh phí trang trải; hiện tượng phải “bôi trơn”, phong bao, phong bì trong nhiều quan hệ với cơ quan công quyền...).

- Những biểu hiện suy thoái mang tính thể chế, tức là do sơ hở, bất cập của các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành, mà các chủ thể trong xã hội ở mọi cấp có thể tìm cách mưu cầu lợi ích riêng cho mình gây tổn hại đối với lợi ích chung hoặc lợi ích của các chủ thể khác một cách hợp pháp (ví dụ những sơ hở, bất cập trong các quy định về đầu tư BOT, BT, trong cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, trong cấp đất, trong đầu tư xây dựng các công trình bằng ngân sách của nhà nước; hay những sơ hở, bất cập trong các quy định và quy trình công tác cán bộ dẫn đến hiện tượng tham nhũng trong công tác cán bộ ...).

- Những biểu hiện suy thoái mang tính quyền lực, tức là dùng quyền lực và trong quan hệ “quyền - tiền” để thực hiện các hành vi sai trái.

Mỗi cấp độ suy thoái đó có những “cơ chế vận hành” khác nhau và có thể liên kết với nhau, một mặt để “che chắn” trước các phản ứng của xã hội

và sự phát hiện, xử lý của các cơ quan chức năng của đảng và nhà nước, mặt khác “tạo nền móng” để bảo vệ các lợi ích bất chính của mình. Việc nhận rõ nguyên nhân và cơ chế vận hành của mỗi loại và cấp độ suy thoái, để từ đó đề ra được các giải pháp phòng - chống phù hợp và hiệu quả là một nhiệm vụ quan trọng.

### **III. Nguyên nhân của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên**

Sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên có những nguyên nhân rất phức tạp, cả về phương diện khách quan và chủ quan, bên trong và bên ngoài, cả về phương diện cá nhân, phương diện tổ chức cụ thể, và phương diện hệ thống. Xin nêu khái quát các nguyên nhân sau.

#### **1. Các nguyên nhân khách quan**

(1) Đất nước đi vào xây dựng chế độ mới từ một nước nông nghiệp, phong kiến nửa thuộc địa; trình độ phát triển của đất nước về nhiều mặt còn tương đối thấp; lại phải trải qua những năm dài chiến tranh..., những mặt hạn chế, tiêu cực phản ánh vào nhận thức, tư duy, lối sống, đạo đức của xã hội nói chung và của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

(2) Bản chất mô hình và thể chế phát triển “kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp” chứa đựng những giá trị và thiết chế về bản chất cơ bản không thích ứng với thể chế kinh tế thị trường, nhất là không phù hợp với mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều sâu, không khuyến khích thúc đẩy phát triển mạnh năng lực - phẩm chất tư duy và hành động sáng tạo, trách nhiệm gắn với lợi ích của từng cá nhân trong xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên; nhưng vẫn còn ảnh hưởng không nhỏ trong giai đoạn hiện nay.

(3) Đất nước đi vào phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với xuất phát điểm trình độ nhiều mặt còn thấp, chưa hình thành được đầy đủ môi trường văn hóa với những giá trị phổ biến cao về đạo đức công vụ gắn với trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân.

(4) Trong điều kiện mở cửa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng, đa khuynh hướng của thế giới về mọi mặt, tác động sâu sắc đến sự phát triển của đất nước (cả tích cực và tiêu cực) về nhận thức, tư tưởng, về các

giá trị con người, giá trị văn hóa, giá trị xã hội, giá trị phát triển, về thể chế phát triển, cùng với đó là sự tác động của các thế lực thù địch... dẫn đến sự phân hóa trong nhận thức tư tưởng, trong định hướng giá trị và định hướng hành động của mọi thành viên trong xã hội, của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

## 2. Nguyên nhân chủ quan

(1) Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân làm cách mạng giành được chính quyền, đi vào xây dựng chế độ mới, nhưng đa số cán bộ, đảng viên xuất thân từ giai cấp nông dân với lòng yêu nước nồng nàn, nhưng chưa được trải qua thực tiễn của nền sản xuất hàng hóa lớn, nền kinh tế công nghiệp, xã hội công nghiệp, nên nhận thức, tư duy lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn còn nhiều bất cập, dễ rơi vào cả hai thái cực giáo điều, chủ quan, duy ý chí, hoặc bảo thủ trì trệ, ngại đổi mới sáng tạo.

(2) Khi giành được chính quyền và lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước, việc chế định quyền lãnh đạo của đảng và quyền lực nhà nước, việc thực thi quyền lực của nhà nước còn có những vấn đề chưa phù hợp với



đòi hỏi của thực tiễn khách quan, dẫn đến tình trạng quyền lực bị tha hóa (lạm dụng quyền lực, “tư hữu hóa quyền lực”, “nhóm hóa quyền lực”, quan liêu, tham nhũng, kém hiệu lực, hiệu quả...). Đặc biệt là thiếu các thể chế và thiết chế kiểm soát quyền lực có hiệu quả cả trong bộ máy đảng và nhà nước, và từ ngoài xã hội; để ngăn chặn có hiệu quả mối quan hệ “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, lợi ích nhóm.

(3) Thiếu các thể chế, thiết chế có hiệu quả để giám sát về mặt phẩm chất đạo đức, chủ nghĩa cá nhân của cán bộ, đảng viên (mà Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là giặc nội xâm rất nguy hiểm); đạo đức công vụ - văn hóa công vụ - trách nhiệm công vụ - trách nhiệm giải trình chưa được đề cao và thực thi chặt chẽ; dân chủ và kỷ cương trong đảng, trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị còn những yếu kém và bất cập. Đấu tranh tự phê bình và phê bình còn nhiều yếu kém (hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không được chính các tổ chức cơ sở đảng phát hiện và ngăn chặn...).

(4) Công tác cán bộ, đảng viên còn nhiều yếu kém và bất cập; tiêu chuẩn,

tiêu chí các loại cán bộ, đảng viên còn mang nhiều tính hình thức, nặng về bằng cấp, chưa thể hiện rõ và công khai minh bạch về các tiêu chí phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo quản lý. Đặc biệt là thiếu cơ chế đánh giá công khai và đúng về những tiêu chí đặt ra, nhất là từ phía nhân dân và xã hội (ví dụ cơ chế nào để đánh giá sự tín nhiệm của nhân dân, nếu không có sự công khai, minh bạch). Nội dung, cơ chế và quy trình quản lý cán bộ, đảng viên còn nhiều bất cập, “lỗ hổng”, chưa thể hiện rõ “thực đức - thực tài”; tình trạng lợi ích nhóm, dòng họ, người thân “nhất hậu duệ, nhì tiền tệ, ba đệ tử, bốn quan hệ, năm trí tuệ” trong công tác cán bộ không phải là cá biệt.

(5) Công tác nghiên cứu lý luận cũng như tổng kết thực tiễn còn nhiều bất cập, chưa luận giải có sức thuyết phục cao về bản chất và xu hướng vận động của không ít những vấn đề thực tiễn đặt ra; công tác giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên còn nhiều yếu kém, nhiều khi xa rời thực tiễn, chưa sát và đáp ứng thiết thực các yêu cầu cuộc sống đặt ra, chạy theo bằng cấp. Đặc biệt ngày

càng thiếu vắng yêu cầu cao về “đức hy sinh”, “công bộc” với dân và đất nước; sinh hoạt đảng ở không ít nơi mang tính hình thức, thiếu tính chiến đấu, thiếu tính tiên phong và chưa thể hiện rõ “là đạo đức - là văn minh” như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói.

(6) Trong điều kiện sự phát triển rất nhanh, đa dạng, phức tạp trên thế giới, sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã thay đổi chế độ và con đường phát triển, một số ít nước tiếp tục đi theo con đường phát triển XHCN nhưng cũng phải thay đổi thể chế phát triển - phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng; do đó cuộc đấu tranh về lý luận, tư tưởng và mô hình phát triển trên thế giới trở nên phức tạp hơn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy giảm (thậm chí mất) lòng tin vào con đường phát triển XHCN, cho rằng cần phải đi theo mô hình CNXH dân chủ hoặc một con đường khác nào đó.

(7) Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên ở mọi cấp thiếu ý thức học tập, rèn luyện, tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực lãnh

đạo quản lý và phẩm chất đạo đức; có tư tưởng tự mãn, tự coi mình là “chân lý”, không thấu hiểu sâu sắc được yêu cầu, bản chất và xu thế phát triển của đất nước cũng như của thế giới. Do đó, các cơ chế, chính sách và giải pháp đưa ra có khi không phù hợp, lạc hậu, “chạy theo sau” sự phát triển, mang tính “chữa cháy”, ngắn hạn, thiếu tầm nhìn định hướng trung và dài hạn.

(8) Chế độ và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức chưa thể hiện rõ gắn cố gắng với hưởng thụ theo cơ chế thực đức - thực tài, chưa thể hiện rõ yêu cầu “đưỡng liêm”, thúc đẩy tinh thần dám chịu trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo, ngược lại đang khuyến khích chạy theo chức quyền.

Việc nhận thức rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, để từ đó đề ra những giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái là rất quan trọng. Trong đó quan trọng nhất là phải hoàn thiện thể chế để ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực và sự hủ bại về đạo đức trong đội ngũ cán bộ đảng viên ■



# HOÀN THIÊN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP - NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG XÂY DỰNG THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● TS. VŨ TIẾN LỘC

*Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam*

## 1. Một số vấn đề về thể chế phát triển doanh nghiệp

### *a. Những thành tựu và hạn chế về thể chế phát triển doanh nghiệp thời gian qua*

Kể từ khi đổi mới cho đến nay, để phát triển doanh nghiệp, công tác xây dựng thể chế phát triển doanh nghiệp thông qua việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm chú ý. Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm các

doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật. Các Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp (năm 2005), Luật Đầu tư (năm 2005) cùng với việc triển khai các đề án cải cách hành chính, thực hiện chính sách cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đã mở ra cơ chế mới cho sự phát triển của khu vực tư nhân. Bằng các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện để các doanh nhân tiếp cận các nguồn lực kinh



*Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện để các doanh nhân tiếp cận các nguồn lực kinh doanh*  
\_Ảnh: Dantri.com

doanh như vốn, thị trường, công nghệ, mặt bằng sản xuất và nguồn nhân lực. Các chính sách này đã cải thiện kỹ năng kinh doanh cho doanh nhân, khuyến khích doanh nhân sáng tạo và mạnh dạn đầu tư vào những lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm và liên tục được hoàn thiện trong những năm gần đây.

Nghị định 90/2001/NĐ-CP về chính sách trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã thúc đẩy hình thành mạng lưới các

trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trên phạm vi cả nước. Chương trình đào tạo doanh nghiệp; Chương trình khuyến công, Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ tài sản trí tuệ,... đã hỗ trợ các doanh nhân mở mang kiến thức về thị trường quốc tế, phát triển và giới thiệu sản phẩm xuất khẩu, xây dựng các thương hiệu mạnh. Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị định 56/2009/NĐ-CP thay thế Nghị định

90/2001 về trợ giúp phát triển DNNVV và gần đây nhất là việc ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.

Công tác hoàn thiện pháp luật, chính sách đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hàng chục các văn bản quy phạm pháp luật/ hiệp định quốc tế và luật lớn tác động lớn tới cộng đồng doanh nghiệp được tiếp tục ban hành, sửa đổi, hoàn thiện như: *Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Kế toán, Luật Hải quan, Luật bảo vệ môi trường, Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, Bộ Luật Lao động, Luật Dạy nghề, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn, Luật Khoa học công nghệ, Luật phá sản...*

**Nhà nước đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm các doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật. Các Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư cùng với việc triển khai các đề án cải cách hành chính, thực hiện chính sách cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, đã mở ra cơ chế mới cho sự phát triển của khu vực tư nhân.**

Đảng và Nhà nước cũng đã tạo điều kiện phát huy vai trò của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong việc tập hợp các doanh nghiệp, doanh nhân tạo tiếng nói đồng thuận và tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng, tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật, cải thiện môi trường kinh doanh. Chính phủ đã ban hành Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 30-7-2005 và ban hành mới Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21-4-2010 về tổ chức và quản lý, tạo điều kiện cho các hiệp hội doanh nghiệp phát triển. Hiện tại trên cả nước có khoảng trên 400 hội và hiệp hội doanh nghiệp được thành lập và hoạt động. Phần lớn các hội và hiệp hội doanh nghiệp đã trở thành hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và tham gia tích cực vào các

hoạt động phát triển cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên, mặc dù Đảng và Nhà nước có chủ trương, cơ chế, giải pháp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp, nhưng trong việc hoạch định chiến lược và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, việc đánh giá vai trò và định hướng chính sách phát triển doanh nghiệp vẫn còn *mờ nhạt*, nhất là đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi còn chưa đồng bộ, thiếu minh bạch; một số bộ luật quan trọng, có liên quan trực tiếp đến phát triển doanh nghiệp, doanh nhân thực thi kém hiệu quả, như *Luật Cạnh tranh, Luật Phá sản*. Cải cách hành chính chưa triệt để, còn nhiều thủ tục gây phiền hà cho doanh nghiệp, doanh nhân, tình trạng giấy phép con vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi. Các chính sách thường thay đổi, khó tiên liệu làm giảm lòng tin của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp, thuộc khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa được thực sự bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực, nhất là vốn và đất đai. Các doanh nghiệp tư nhân và doanh

ngiệp quy mô nhỏ tiếp cận các nguồn lực này khó hơn nhiều so với doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhà nước. Các chính sách khuyến khích đầu tư còn riêng rẽ, manh mún, mới tập trung ưu đãi đầu tư theo chiều rộng, chưa tạo được tác động mong muốn đối với mục tiêu chính sách. Hệ thống ưu đãi quá phức tạp và tốn kém đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc kiểm soát độc quyền, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh chưa hiệu quả; Các cấp chính quyền một số địa phương vẫn còn lúng túng trong việc đưa ra các biện pháp hỗ trợ cụ thể đối với doanh nghiệp, doanh nhân, đặc biệt là đối với khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hệ thống các giải pháp chính sách để nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển DN, đặc biệt hỗ trợ DNNVV còn tản mát, quy mô chưa đủ lớn, thiếu trọng tâm, theo đó nổi lên một số vấn đề sau:

- Mục tiêu chính sách chưa nhất quán: Các chính sách hiện hành dường như tập trung hỗ trợ việc đăng ký kinh doanh, tạo điều kiện cho khởi nghiệp chứ chưa phải cho sự tăng trưởng của các doanh nghiệp

dẫn đến doanh nghiệp đông nhưng không mạnh, đa phần là có quy mô nhỏ. Các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp nhiều nhưng chưa giúp cho DN vượt qua cản trở do quy mô nhỏ gây ra. Trong một số trường hợp, DNNVV có thể được ưu đãi hơn so với các DN lớn nhưng lại thường làm cho các DNNVV không có động lực trở nên lớn hơn, trừ phi quy mô lớn đến mức mang lại lợi thế hơn hẳn. Trên thực tế hỗ trợ mà các DN trông đợi nhiều hơn đó là việc tiếp cận những nguồn lực đầu vào và thị trường đầu ra.

- Các thể chế hỗ trợ thị trường hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là đối với DNNVV - phải chịu nhiều áp lực của thủ tục hành chính phức tạp, tốn kém. Doanh nghiệp sẽ hoạt động ổn định nếu như hệ thống pháp luật về hợp đồng, thực thi hợp đồng, giao dịch đảm bảo rõ ràng, cơ chế giải quyết tranh chấp và rút khỏi thị trường đáng tin cậy. Khu vực này luôn mong mỏi sự quan tâm, hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp một cách tích cực hơn, đặc biệt là cách ứng xử thân thiện, giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn,

không gây phiền hà cho doanh nghiệp. Có thể nêu ra một số điểm nghẽn lớn cần tập trung giải quyết sớm như sau:

*(1) Thể chế kinh tế vi mô.*

Các thể chế kinh tế vi mô chưa tạo được điều kiện thuận lợi để khơi thông nguồn lực đầu vào (vốn, đất đai, công nghệ, lao động cho các doanh nghiệp). Đây là các **“điểm nghẽn” lớn dẫn đến chi phí kinh doanh** của các doanh nghiệp Việt Nam cao, không tạo ra lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Chẳng hạn như:

*Đối với nguồn lao động:* Hệ thống giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp và công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về quản trị kinh doanh chưa thực sự gắn với thực tiễn, thiếu liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Hệ thống đào tạo nghề lạc hậu đã làm hạn chế năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

*Đối với nguồn vốn:* Thị trường vốn chủ yếu tập trung vào tín dụng ngân

hàng. Thị trường chứng khoán chưa thu hút được sự tham gia của các doanh nghiệp. Các tiếp cận trong xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính cho DNNVV Việt Nam chưa dựa trên quan hệ thị trường và không đảm bảo tính bền vững, dựa chủ yếu vào công cụ thuế. Chính phủ đã triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ vốn cho các DNNVV như bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ tín dụng. Tuy nhiên, trên thực tế thì mới có một số lượng nhỏ các doanh nghiệp đã được thụ hưởng chính sách hỗ trợ này, minh chứng cho những hạn chế của hệ thống hỗ trợ tài chính này.

*Đối với đất đai:* Thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp đối với đất đai hoạt động chưa hiệu quả, dẫn đến chi phí tiếp cận mặt bằng sản xuất và đất đai phục vụ kinh doanh cao.

### (2) *Thể chế liên kết doanh nghiệp.*

*Liên kết theo chuỗi cung ứng:* Ở Việt Nam liên kết giữa các doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng rất hạn chế dẫn đến năng suất lao động thấp (Charles Kunaka, 2017). Đây là hệ quả của việc thiếu vắng thể chế hỗ trợ mối liên kết này. Có rất ít mối liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp có

qui mô lớn hơn. Hiện đang tồn tại hiện tượng hai mặt tương phản ở Việt Nam: một mặt là các doanh nghiệp trong nước năng suất thấp; mặt khác lại là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có năng suất cao với hoạt động sản xuất dựa trên các phương pháp và công nghệ hiện đại. Những doanh nghiệp đầu tư nước ngoài này thường là doanh nghiệp qui mô lớn (sử dụng trên 1.000 công nhân), có tỷ suất lợi nhuận tương đối nhỏ (10-15% hoặc ít hơn) và không sản xuất phục vụ thị trường nội địa. Trái lại, các doanh nghiệp sản xuất đáp ứng thị trường nội địa lại chủ yếu là vô số các doanh nghiệp nhỏ. Một bộ phận trong số đó có tỉ suất lợi nhuận cao (20-30%). Trong quá trình sản xuất của các DN Việt Nam có rất ít sự gắn kết vào chuỗi giá trị. Điều này khác với hầu hết các nước có năng suất cao, nơi mà việc hợp đồng thầu phụ giữa các doanh nghiệp lớn và nhỏ rất phổ biến. Đối với các ngành sản xuất trong nước, thiếu tính hiệu quả kinh tế theo qui mô và thiếu sự cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu có nghĩa là họ không có động lực để tiếp thu phương thức và công nghệ sản xuất mới.



*Liên kết thông qua hiệp hội doanh nghiệp:* Hệ thống thể chế chính sách chưa tạo điều kiện và phát huy tốt vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp, đặc biệt là trong công tác phát triển thị trường và phòng vệ thương mại. Hoạt động của một số Hiệp hội doanh nghiệp còn mang tính hình thức, cơ quan thường trực của nhiều hiệp hội còn hạn chế về năng lực, không chuyên nghiệp và vẫn có tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước. Số lượng doanh nghiệp, doanh nhân tham gia vào các hiệp hội còn ít. Việc quản lý và phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp từ phía cơ quan quản lý còn nhiều lúng túng.

(3) *Thể chế bảo đảm sự cạnh tranh công bằng.*

Việt Nam vẫn đứng trong khoảng giữa của các quốc gia so sánh về mức độ cạnh tranh trên thị trường nội địa. Các so sánh cho thấy mối quan ngại không chỉ về chất lượng của các thể chế liên quan đến cạnh tranh mà còn cả về hiệu lực thực thi. Về thước đo này, Việt Nam xếp thứ 87 trên thế giới và thứ 12 trong khu vực.

Hạn chế chính đối với cạnh tranh là vị trí thống lĩnh của các DNNN

trên nhiều thị trường. Sự hiện diện của các DNNN không phải là bất thường ở nhiều nền kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực độc quyền tự nhiên (các tiện ích công) hoặc thâm dụng vốn (cơ sở hạ tầng lớn), nhưng thị trường có tính cạnh tranh lại dành rất nhiều dư địa cho khu vực tư nhân làm ăn phát đạt. Tuy nhiên, ở Việt Nam, DNNN có mặt gần như ở mọi nơi, bao gồm cả trong các lĩnh vực như sản xuất hàng may mặc, dịch vụ điện thoại di động, ngân hàng, là những nơi mà doanh nghiệp tư nhân có thể làm tốt hơn DNNN. Nhà nước đã không giữ được vai trò trung lập đối với sự cạnh tranh của khu vực tư nhân, mà lại còn dành cho DNNN những ưu đãi về tiếp cận tài chính, đất đai, các hợp đồng mua sắm của chính phủ, trợ cấp nhà nước và những ưu đãi về thuế. Tất cả những điều này đều làm suy yếu khả năng tồn tại của các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước ở Việt Nam (Bộ KHĐT, 2016).

***b. Nguyên nhân của những hạn chế trong thể chế phát triển doanh nghiệp***

Những hạn chế nêu trên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

**Về khách quan**, nền kinh tế nước ta đi lên từ một điểm xuất phát thấp, với ảnh hưởng nặng nề của cơ chế quản lý kế hoạch hóa, tập trung bao cấp và đang trong quá trình chuyển đổi. Việc xây dựng thể chế bước đầu tập trung vào việc ban hành các quy định chính sách pháp luật trên diện rộng, đảm bảo tất cả các hoạt động kinh doanh đều được quản lý bằng pháp luật. Phải ở những năm tiếp theo mới diễn ra quá trình thực hiện, rút kinh nghiệm. Sau đó công tác xây dựng thể chế mới đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả và đưa ra được những định chế ngày càng phù hợp hơn.

**Về chủ quan**, nhận thức về vai trò của doanh nghiệp, nhất là đối với khu vực tư nhân trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn thể hiện một số điểm chưa rõ ràng, chưa tạo ra sự đồng thuận về nhận thức của toàn xã hội; Việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp còn lúng túng, chưa phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Năng lực xây dựng các văn bản pháp lý và chính sách liên quan đến phát triển doanh nghiệp còn yếu kém, thiếu tư duy đồng bộ,

tầm nhìn chiến lược ngay từ thiết kế ban đầu, đôi khi còn mâu thuẫn, hiệu lực thi hành thấp, không ổn định, hay thay đổi đã làm ảnh hưởng tới chiến lược và định hướng kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống tiêu chí và phương pháp luận xây dựng chính sách chưa rõ ràng, công tác triển khai chính sách diễn ra chậm chạp. Việc giám sát đánh giá thực thi chính sách còn hạn chế dẫn đến nhiều hạng mục trong các kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp không hoàn thành đúng thời hạn. Cơ chế hỗ trợ phát triển doanh nghiệp còn mang tính bao cấp không phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường làm phân tán nguồn lực của Nhà nước vào một số doanh nghiệp có lợi thế về thông tin và quan hệ. Một số chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích doanh nhân đầu tư vốn kinh doanh ở các vùng khó khăn và kém lợi thế.

Bộ máy hành chính và năng lực đội ngũ công chức còn nhiều bất cập khiến cho công cuộc cải cách hành chính chưa đạt được kết quả mong muốn. Hệ thống các tổ chức trợ giúp doanh nghiệp và doanh nhân như: hệ thống đào tạo, bồi dưỡng doanh

nhân; hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp... còn nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Đảng và Nhà nước chưa có những cơ chế, hệ thống chế tài (thanh lọc và xử phạt) kịp thời và phù hợp để ngăn ngừa, đẩy lùi, kiểm soát những hiện tượng trục lợi bằng cách sách nhiễu, cố tình gây khó khăn đối với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình đăng ký thành lập doanh nghiệp và triển khai các dự án; hiện tượng móc nối giữa những phần tử thoái hóa, biến chất trong bộ máy lãnh đạo, quản lý các cấp Đảng, Nhà nước và các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc sở hữu nhà nước.

## **2. Những yêu cầu mới về thể chế phát triển doanh nghiệp nhằm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới**

### ***a. Bối cảnh giai đoạn mới***

Thế kỷ XXI là thế kỷ có nhiều nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, tạo nên vai trò ngày càng quyết định doanh nghiệp. Những nhân tố đó là:

- Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu đối với các nền kinh tế. Cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia, các doanh nghiệp ngày càng quyết liệt. Thế giới có nhiều biến đổi khó lường thậm chí không thể dự đoán...

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi sự phát triển theo chiều sâu, dựa chủ yếu vào tăng năng suất lao động, đổi mới và sáng tạo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đòi hỏi các doanh nghiệp không những phải có khả năng khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mà còn phải đi tiên phong trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ cao, gắn chặt sự nghiệp kinh doanh của mình với các hoạt động của đội ngũ trí thức. Nền văn minh nhân loại đang có những bước tiến nhảy vọt nhờ vào những thành quả của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Kỷ nguyên công nghệ số (Big Data) và công nghệ viễn thông thay đổi diện mạo nền kinh tế, vừa

tạo ra những cơ hội lớn nhưng cũng kèm theo thách thức lớn

- Sự biến đổi khí hậu, chủ yếu do con người gây ra, đang đưa ra những cảnh báo về trách nhiệm của mỗi cá nhân, doanh nghiệp về nghĩa vụ của mình với môi trường và trái đất.

***b. Yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới***

*Nhiệm vụ phát triển:* Sau gần 35 năm đổi mới, nước ta đạt được những tiến bộ quan trọng về kinh tế - xã hội với sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cả xã hội: doanh nghiệp đang trở thành một lực lượng quan trọng trong công cuộc phát triển

đất nước trong giai đoạn mới, đảm bảo mục tiêu nhanh và bền vững, xét theo ba phương diện sau:

*Một là*, để đạt được mục tiêu sớm đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nước ta đang đẩy mạnh quá

trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững, trong đó “doanh nghiệp là động lực chính của sự phát triển”.

*Hai là*, Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đã ký kết tham gia hiệp định CPTPP và hội nhập ngày càng sâu rộng. Để tận dụng được những cơ hội và vượt qua những thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại, nhất định phải phát triển doanh nghiệp có đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên thế giới.

*Ba là*, trong những năm tới Đảng và Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Các nhiệm vụ và giải

**Sau gần 35 năm đổi mới, nước ta đạt được những tiến bộ quan trọng về kinh tế - xã hội với sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cả xã hội: doanh nghiệp đang trở thành một lực lượng quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước trong giai đoạn mới.**

pháp phát triển kinh tế xã hội chủ yếu cho những năm tới là: (1) Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô kiểm soát lạm phát, đồng thời duy trì đà tăng trưởng; (2) Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm tăng trưởng hợp lý; (3) Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế với 3 trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu các tổ chức tín dụng; (4) Thực hiện ba đột phá chiến lược đó là đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung nguồn phát triển nhanh hơn kết cấu hạ tầng then chốt, đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

*Yêu cầu từ phía doanh nghiệp:* Về căn bản, nỗ lực của chính bản thân cộng đồng doanh nghiệp vẫn là yếu tố mang tính chất quyết định để có thể nâng cao được năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và khắc phục được những hạn chế khó tránh khỏi do trình độ phát triển (ví dụ: do quy mô nhỏ của doanh nghiệp), hay do những vấn đề của địa kinh tế. Các doanh nghiệp sẽ phải

tập trung cải thiện năng suất lao động, hội nhập tốt hơn với kinh tế quốc tế, tạo cơ sở cho tăng trưởng bền vững và ổn định lâu dài. Đồng thời, phải tích cực đầu tư cho nghiên cứu phát triển, nâng cao năng lực công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là vấn đề quan trọng hàng đầu để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay. Yêu cầu liên kết giữa các doanh nghiệp, tăng cường hợp tác công tư, hình thành các doanh nghiệp đầu tàu trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tạo nên chuỗi giá trị bền vững và chuỗi cung ứng hiệu quả đang được đặt ra ngày càng cấp bách. Phần đầu phải có nhiều doanh nghiệp có tầm cỡ trong khu vực, đóng vai trò đầu tàu để dẫn dắt các DNNVV. Bên cạnh đó là việc phải thúc đẩy các doanh nghiệp chủ động tham gia vào công tác xây dựng chiến lược phát triển kinh tế địa phương, kinh tế vùng để khai thác lợi thế cạnh tranh, khai thác tối ưu nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như nguồn nguyên liệu, đảm bảo cho các quy hoạch tổng thể phát triển ngành, vùng và việc tái cấu

trúc kinh tế của Nhà nước phát huy hiệu quả.

### **3. Định hướng cải thiện hiệu quả thể chế trong giai đoạn mới**

Tính cấp bách của việc tăng trưởng năng suất để đạt được khát vọng tăng trưởng nhanh và bền vững đòi hỏi Nhà nước phải nhanh chóng cải thiện tính hiệu quả của thể chế theo các định hướng sau:

#### ***a. Cải cách thể chế bảo đảm sự cạnh tranh công bằng và tự do***

Cạnh tranh hữu hiệu là rất cần thiết đối với sự phát triển doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế. Các doanh nghiệp thường mua nhiều yếu tố đầu vào của mình như vận tải, năng lượng, viễn thông, dịch vụ tài chính trên thị trường trong nước. Nếu các thị trường thượng nguồn thiếu cạnh tranh, thì hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho sản xuất không được định giá một cách cạnh tranh. Do vậy, các doanh nghiệp mới trong nước có thể khó gia nhập thị trường hoặc doanh nghiệp hiện tại có thể trở nên kém cạnh tranh hơn so với các đối thủ nước ngoài và DNNN. Các cuộc cải cách mở cửa thị trường và dỡ bỏ các

quy định hạn chế cạnh tranh sẽ dẫn đến sự cải thiện đáng kể về năng suất.

Việt Nam cần có một khuôn khổ chính sách cạnh tranh toàn diện nhằm mở cửa thị trường cho doanh nghiệp gia nhập và cạnh tranh, và tăng cường hiệu lực thực thi chính sách cạnh tranh. Chính sách và khung pháp lý này cần phản ánh bốn nguyên tắc chính: áp dụng đồng đều đối với tất cả các doanh nghiệp (tư nhân hoặc nhà nước); tập trung đấu tranh chống các hành vi hạn chế cạnh tranh có hại nhất (chẳng hạn như các cac-ten); tập trung ngăn chặn hành vi hạn chế cạnh tranh chứ không phải là kiểm soát và điều tiết giá; và hoạt động trong khuôn khổ qui tắc, minh bạch, công bằng và không phân biệt đối xử. Những sai lệch với các nguyên tắc này phải là rất ít, và chỉ để đáp ứng các mục tiêu quốc gia được xác định một cách rõ ràng và áp dụng một cách công bằng và minh bạch.

Trong xây dựng chính sách cạnh tranh công bằng cần có cải cách triệt để doanh nghiệp Nhà nước:

- Để giảm thiểu sự “lấn sân” của các DNNN đối với doanh nghiệp cần

phải đảm bảo rằng khi DNNN chỉ nên có mặt ở những lĩnh vực quan trọng có vai trò quyết định và làm cơ sở cho sự phát triển các ngành kinh tế khác. Đó là những ngành kinh tế đòi hỏi một khoản đầu tư lớn và lâu dài, cần có “lực kéo” của nhà nước thông qua các tổng công ty, tập đoàn kinh tế NN. Ngược lại, ở các ngành kinh tế, nơi mà các doanh nghiệp tư nhân đã đủ lớn mạnh để có thể đảm đương được trách nhiệm phát triển ngành, thì vai trò của các DNNN, nhất là của các tập đoàn kinh tế nhà nước là không cần thiết. Chính phủ phải xác định rõ những lĩnh vực này và hạn chế sự “xuất hiện” của các DNNN tại những lĩnh vực không cần thiết.

- Cần áp dụng triệt để các nguyên tắc, kỷ luật thị trường trong hoạt động của DNNN, như hạch toán đầy đủ các chi phí vốn, buộc doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp phải chịu đầy đủ trách nhiệm trong hoạt động của mình, tách bạch các hoạt động kinh doanh và hoạt động chính trị - xã hội.

- Thực hiện vai trò dẫn dắt của DNNN thông qua tái cấu trúc doanh nghiệp.

***b. Nâng cao hiệu quả thể chế hỗ trợ của doanh nghiệp phát triển thông qua thực thi Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.***

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở để Việt Nam có chiến lược trợ giúp DNNVV, tăng tỷ lệ DN có quy mô vừa và lớn tạo nên sự đột phá về năng suất nội tại của doanh nghiệp và năng suất lao động quốc gia. Mặc dù Luật Hỗ trợ DNNVV đã có hiệu lực được gần một năm song việc triển khai thực hiện là một vấn đề lớn. Thách thức lớn nhất hiện nay đó chính là việc xây dựng các bộ công cụ, mô hình hỗ trợ hiệu quả, mang tính bền vững và phù hợp với cơ chế thị trường.

***c. Tăng cường các thể chế liên kết***

*- Tạo mới liên hệ theo chuỗi cung ứng*

Cần tập trung vào cải thiện các thể chế nhằm tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp xuất khẩu có năng suất cao hơn với các nhà cung ứng trong nước, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng suất. Cần có giải đáp những vấn đề xuyên suốt như đẩy mạnh khu vực dịch vụ hiện đại, một đầu vào quan trọng cho ngành chế biến, chế tạo, và

cải thiện kết nối giữa các trung tâm chuỗi cung ứng tại Việt Nam với các đối tác thương mại bên ngoài; Tạo mối liên hệ giữa các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, DN trong nước và nước ngoài. Cần xác định các mối liên kết giữa các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường thực chất cũng vẫn là mối quan hệ bạn hàng, giữa người bán và người mua trên cơ sở thực thi các hợp đồng mua bán.

- *Quản lý các tổ chức xã hội nghề nghiệp.*

Cần ban hành Luật về hội và tạo điều kiện để các Doanh nghiệp FDI tham gia tích cực vào hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp, tăng cường chức năng đại diện doanh nghiệp của các hiệp hội doanh nghiệp, hoạt động tham vấn chính sách nhất là chính sách phát triển vùng; Nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc giám sát chất lượng và xác nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp hội viên; Khuyến khích chia sẻ chi phí để tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm, phát triển thương hiệu chung và tiếp nhận

các dịch vụ công từ khu vực Nhà nước, khuyến khích phát triển các hiệp hội doanh nghiệp tham gia vào các hiệp hội ngành nghề trong khu vực và quốc tế.

\*\*\*

Tóm lại, phát triển thể chế cần phải theo kịp phát triển kinh tế. Việt Nam đang cạnh tranh với các nước có trình độ phát triển hơn, nhưng lại không có thể chế đặc biệt tốt như các nước đó. Để đạt mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, điều kiện tiên quyết là khôi phục tăng trưởng năng suất. Chương trình nâng cao hiệu quả thể chế sẽ rất thách thức, do sự suy giảm tăng trưởng năng suất đang diễn ra trên diện rộng. Chính vì vậy ưu tiên cải cách số một là phải tạo môi trường thuận lợi để khu vực tư nhân trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh và năng suất. Điều này đòi hỏi phải tăng cường nền tảng kinh tế vi mô của nền kinh tế thị trường, cụ thể là bảo hộ quyền tài sản và thực thi các chính sách về cạnh tranh. Sửa chữa những méo mó trên thị trường các yếu tố sản xuất, đặc biệt là thị trường vốn và đất đai, cũng là yêu cầu quan trọng ■



# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ KINH NGHIỆM CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG NƯỚC NGA THỐNG NHẤT



*Họp báo và triển lãm các trường đại học hàng đầu của Nga với chủ đề “Giáo dục ở Nga là khởi đầu của một tương lai thành công” tại Hà Nội 17-9-2018 \_ Ảnh: KL*

## I. Đổi mới giáo dục và khoa học - công nghệ

### 1-Về giáo dục

Nền giáo dục của Nga có truyền thống lâu đời, chất lượng khá cao và mang đậm bản sắc dân tộc Nga. Trong thời kỳ Xô Viết, nền giáo dục đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tuy

nhiên do bối cảnh lịch sử quốc tế và cơ chế tập trung bao cấp nên hệ thống giáo dục gần như bị khép kín, dần dần mất đi tính năng động. Khi Liên Xô bị tan vỡ, sự thay đổi về chính trị và kinh tế lôi cuốn theo sự thay đổi các lĩnh vực xã hội, trong đó có giáo dục. Quá trình toàn cầu hóa đã bộc lộ rõ những

bất cập và yếu kém của hệ thống giáo dục Nga. Nhận thấy sự tụt hậu về giáo dục so với thế giới, đặc biệt là với các nước tiên tiến, cả trong giáo dục phổ thông và trong giáo dục đại học, sau đại học. Giờ đây Nga đang đẩy mạnh đổi mới và hội nhập quốc tế để “tìm lại vị trí của mình trên thị trường dịch vụ giáo dục thế giới” (hiện nay trong thị trường dịch vụ giáo dục thế giới Nga chỉ chiếm khoảng 2%, trong khi Mỹ chiếm gần 40%). Những đổi mới trong giáo dục thể hiện ở những nội dung chính sau:

*Thực hiện phi tập trung hóa quản lí, trao nhiều quyền tự chủ cho các trường học, đa dạng hóa các loại hình trường học, phát triển mạnh các trường dân lập.*

Bắt đầu từ những năm 1990-1992, Nga thay hệ thống giáo dục phổ thông Xô Viết 10 năm trước năm 1990 bằng hệ 11 năm, gồm cấp tiểu học 4 năm, cấp PT cơ sở (tức trung học cơ sở) 5 năm, cấp trung học hoàn chỉnh (2

năm), đã tiếp tục thí điểm rộng rãi theo hướng giáo dục phân hóa ban đầu ở lớp 9 cuối cấp trung học cơ sở và phân ban sâu ở cấp trung học hoàn chỉnh (hai lớp 10,11).

Năm 2007 Nga công bố *Luật liên bang* qui định thực hiện giáo dục

**Nhận thấy sự tụt hậu về giáo dục so với thế giới, đặc biệt là với các nước tiên tiến, cả trong giáo dục phổ thông và trong giáo dục đại học, sau đại học. Giờ đây Nga đang đẩy mạnh đổi mới và hội nhập quốc tế để “tìm lại vị trí của mình trên thị trường dịch vụ giáo dục thế giới”.**

phổ thông cưỡng bức miễn phí đến hết lớp 11. Trong giáo dục phổ thông còn có hệ trường chuyên và nhiều trường ngoài công lập gym-nazi vừa dạy chương trình phổ thông chung nhưng có thêm chương trình chuyên sâu về một số môn học và một hai ngoại ngữ. Nhà nước đảm bảo cho các công dân Liên bang Nga được hưởng một

nền giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp miễn phí.

Giáo dục chuyên nghiệp có sơ cấp, trung cấp, đại học và sau đại học. Nga thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường học, phát triển mạnh các trường dân lập, nhất là ở bậc cao đẳng, đại học. Học sinh theo học tại các

trường tư thục chiếm khoảng 1% đối với giáo dục mầm non, 0,5% đối với tiểu học, 17% đối với đại học.

*Nga đang đẩy mạnh cải cách giáo dục theo hướng phát huy cao các giá trị của dân tộc, đồng thời đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tiếp cận cơ chế thị trường.*

Nga đã đưa ra các tư tưởng chỉ đạo giáo dục là “Thuyết tư tưởng Nga” với các nội dung: a) Chủ nghĩa yêu nước; b) Ý thức một cường quốc; c) Nước Nga có đặc điểm lịch sử và con đường phát triển riêng của mình; và d) Đoàn kết xã hội. Học thuyết này được thể chế hóa thành văn bản pháp qui “Học thuyết giáo dục dân tộc Nga” của chính phủ Liên bang Nga.

Nga thực hiện nguyên tắc “Giáo dục được lựa chọn” để gắn giáo dục hơn với thực tiễn: Giáo dục phải có nhiều phương án khác nhau để người học được tự do lựa chọn hình thức học, sách giáo khoa. Phi tập trung hoá, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục, trao nhiều quyền và trách nhiệm hơn cho các chính quyền địa phương. Cùng với chuyển đổi cơ chế kinh tế, giáo dục Nga cũng phát triển mạnh sang hướng xã hội hoá, tư nhân hoá, các dịch vụ giáo dục phải trả tiền,

nhất là trong giáo dục đại học, các trường nổi tiếng, chất lượng cao. Đồng thời cơ sở giáo dục cũng có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh như: cho thuê vốn và tài sản; buôn bán hàng hóa và thiết bị; các dịch vụ trung gian; tham gia vào hoạt động của các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức khác... Những hoạt động nào mà thu nhập không được đầu tư trở lại để phát triển cơ sở giáo dục được coi là hoạt động kinh doanh và phải tuân thủ luật doanh nghiệp. Các trường đại học đang được khuyến khích đẩy mạnh gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực tiễn theo cơ chế thị trường. Nga cho mở các trường đại học và các chi nhánh trường đại học của Nga ở nước ngoài, đồng thời tiếp tục thu hút học sinh nước ngoài đến học với ưu thế học phí rẻ và chi phí sinh hoạt rẻ.

Tuy nhiên, quá trình đổi mới giáo dục của Nga cũng gặp không ít khó khăn: Một mặt cơ chế hành chính quan liêu bao cấp vẫn còn tồn tại khá đậm nét, việc tiếp cận cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, khi tiếp cận cơ chế thị trường đã bộc lộ không ít tiêu cực, như: cơ chế

quản lý các trường tư thục, cung cấp các dịch giáo dục có thu phí (kể cả đối với các cơ sở công lập) còn những bất cập, tình trạng chạy theo lợi nhuận, mua bằng bán điểm, không đảm bảo chất lượng giáo dục cũng đang là một vấn nạn, bị xã hội phê phán. Hệ thống trường dân lập vận hành còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Tính hàn lâm trong giáo dục vẫn còn khá nặng, mức độ gắn với nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn vẫn còn nhiều hạn chế.

## **2. Về đổi mới trong phát triển khoa học- công nghệ**

Trong thời kỳ Xô - Việt, nền khoa học - công nghệ Nga đã có nhiều thành tựu vĩ đại, tầm cỡ thế giới. Tuy nhiên sau khi Liên Xô sụp đổ, nước Nga chuyển đổi mô hình phát triển, thực hiện liệu pháp sốc, nền kinh tế - xã hội rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Khoa học - công nghệ của Nga cũng trong tình trạng đó: Kinh phí cho nghiên cứu giảm sút nghiêm trọng, hệ thống các cơ quan khoa học bị khủng hoảng, một số tan rã, thể chế quản lý khoa học bị rối loạn, rất nhiều nhà khoa học Nga chạy ra nước ngoài, tình trạng chảy máu chất xám rất nghiêm trọng. Vị thế của nền khoa

học - công nghệ Nga bị suy giảm nghiêm trọng.

Sau khi Tổng thống Putin lên cầm quyền mới bắt đầu khôi phục lại và đẩy mạnh đổi mới thể chế phát triển nền khoa học - công nghệ Nga. Những đổi mới được thể hiện trên một số nội dung chủ yếu sau:

*Đánh giá rõ thực trạng của nền khoa học - công nghệ Nga:* Bên cạnh những điểm mạnh, nền khoa học Xô Viết trước đây, cũng như nền khoa học Nga hiện nay vẫn mang nặng tính hàn lâm, đạt được nhiều thành tựu lớn trong nghiên cứu cơ bản thuộc đỉnh cao của thế giới, nhưng ứng dụng vào thực tiễn còn rất nhiều hạn chế (trừ một số lĩnh vực quốc phòng và một số ít lĩnh vực mũi nhọn). Như đánh giá của nhiều chuyên gia thế giới cho là “khoa học Nga sáng chói nhưng không đi vào được thực tiễn”. Khi đi vào đổi mới nền kinh tế, Nga nhận ra rằng nền kinh tế “đổi mới” đang chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những tiến bộ KH&CN, biến tri thức thành yếu tố phát triển toàn cầu, chỉ khi thực hiện được đổi mới và phát triển khoa học - công nghệ thì nước này mới có thể đương đầu với những thách thức

trong thế kỷ 21. Nga đang cố gắng đổi mới thể chế và vạch ra chiến lược tăng cường và phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, coi đó như là một bước đột phá để hiện đại hóa nhanh nước Nga, nâng cao đời sống người dân và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong những năm gần đây Nga đã ra những quyết sách xây dựng một nền kinh tế đổi mới gắn liền với vai trò của khoa học - công nghệ. Một trong những quyết sách quan trọng là Nga quyết định xây dựng Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia (HTĐMQG) là một phần không thể tách rời của chính sách kinh tế nhà nước. Chính phủ Liên bang đã thông qua “Những định hướng chính trong chính sách của Liên Bang Nga về sự phát triển HTĐMQG”, “Chiến lược Phát triển Đổi mới sáng tạo của Liên bang Nga đến năm 2020” với mục tiêu phát triển hơn nữa nguồn nhân lực, kích thích hoạt động đổi mới trong khu vực doanh nghiệp, tạo ra một môi

trường thuận lợi cho sự đổi mới trong khu vực công, tăng hiệu quả và năng động của NC&PT và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, Chương trình nhà nước về phát triển KH&CN cho giai đoạn 2012-2020 đã được xây dựng nhằm mục tiêu tập trung nguồn lực vào việc tạo ra một khu vực NC&PT cạnh tranh và hiệu quả như một động lực chính cho hiện đại hóa công nghệ của nền kinh tế. Đặc biệt, nó mở rộng hỗ trợ công cho lĩnh vực công nghệ ưu tiên và cơ sở hạ tầng KH&CN liên ngành. Các văn bản trên đã đặt ra nhiệm vụ tạo lập khu vực R&D và HTĐMQG để phục vụ hiện đại hóa công nghệ và tăng sức cạnh tranh, dựa trên sự hoàn thiện dần và tạo ra cơ chế hoạt động tương tác giữa các bên tham gia trong tiến trình đổi mới.

*Đẩy mạnh đổi mới và hình thành hệ thống thể chế tạo sự phát triển khoa học - công nghệ* trong điều kiện kinh tế thị trường vẫn đang tiếp tục. Đây là một

yêu cầu cấp thiết vì đến nay nhiều yếu tố của hệ thống này vẫn thiếu hoặc phát triển kém. KH&CN của Nga vẫn còn mang đặc điểm tập trung R&D cao trong khu vực công, hoạt động này của các doanh nghiệp còn kém. Nhiều doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ trong những lĩnh vực mới nổi được thành lập, nhưng rất chậm. Thị trường chứng khoán và vốn mạo hiểm chưa phát triển mạnh, điều này làm hạn chế các dự án đổi mới. Nhìn chung, Nga vẫn đứng sau các nước khác về các tham số chính của triển khai đổi mới. Nga đã thành lập Ủy ban Đổi mới sáng tạo và Công nghệ cao của Chính phủ, cũng như Ủy ban của Tổng thống về Hiện đại hóa và Phát triển Công nghệ của Nền kinh tế Nga để thúc đẩy quá trình đổi mới thể chế phát triển khoa học công nghệ.

*Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách đổi mới công nghệ.* Vì hiện nay mức độ hoạt động đổi mới thấp trong ngành công nghiệp là nguyên nhân chính của việc giảm đáng kể tỷ lệ xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp. Nga đang đứng trước thách thức trong việc thiết lập một hệ thống đổi mới

phù hợp, ở đó các doanh nghiệp và khu vực nghiên cứu có sự liên kết chặt chẽ. Mối liên kết này không chỉ cho phép chuyển giao công nghệ, mà còn cả việc tái sản xuất và tăng trưởng kinh tế. Nhà nước phải là đối tác chính của các chủ thể trong hệ thống này, như một chất xúc tác và đồng thời là người điều chỉnh các tiến trình, hình thành những điều kiện để tạo ra nhiều tri thức, tinh thần kinh doanh và hệ thống thể chế tương ứng.

*Đẩy mạnh cải tổ khu vực nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ.* Khu vực nghiên cứu là một trong những yếu tố được phát triển nhất của HTĐMQG của Nga. Năm 2006, khu vực này bao gồm 3622 tổ chức với 807.066 nhân viên. Trong đó, lao động khoa học chiếm 48,2%. Mặc dù bị suy giảm nhiều trong quá trình chuyển đổi kinh tế, Nga vẫn là một trong những nước có tiềm năng khoa học to lớn nhất, chỉ đứng sau Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Tuy nhiên hoạt động vẫn còn mang nặng tính hành chính bao cấp, sự phát triển các tổ chức khoa học - công nghệ ngoài nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế. Phần lớn hoạt động NC&PT của Nga vẫn được thực hiện

trong các viện nghiên cứu nhà nước, chủ yếu là tách rời hay thiếu tính liên kết với các công ty công nghiệp và trường đại học.

Cải tổ khu vực nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai theo một số hướng sau:

Đối với Viện Hàn lâm Khoa học Nga và các Viện hàn lâm khoa học chuyên ngành – những tổ chức nghiên cứu khoa học học lớn nhất của Nga: Nhiệm vụ chính của Viện hàn lâm này từ trước đến nay là nghiên cứu cơ bản (sử dụng nguồn ngân sách lớn của Nhà nước), nghiên cứu ứng dụng ít (Viện Hàn lâm này chiếm 2/3 nghiên cứu cơ bản và khoảng 10% nghiên cứu ứng dụng). Sẽ đổi mới cơ chế để thúc đẩy Viện hàn lâm gắn nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đẩy mạnh phát triển công nghệ nội địa.

Tuy nhiên, do việc cải tổ cơ chế hoạt động của Viện hàn lâm Khoa học là không dễ dàng do ảnh hưởng sâu rộng của cơ chế tập trung, bao cấp cũ và do truyền thống nghiêng nhiều về nghiên cứu cơ bản. Chính phủ Nga đã quyết định thành lập các tổ chức nghiên cứu - ứng dụng khoa học và công nghệ

mới, như Dự án Skolkovo ở ngoại ô Moskva (một dạng Thành phố khoa học - công nghệ hay Trung tâm - công viên khoa học - công nghệ lớn), và các trung tâm nghiên cứu mới, các Tổng công ty nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao (như Tổng công ty Công nghệ nano - Rusnano) với các cơ chế hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo bằng cách tạo ra cầu nối giữa nghiên cứu và bên công nghiệp. Điều này kỳ vọng tạo ra sự cạnh tranh với hoạt động khoa học của Viện hàn lâm khoa học. Như lời của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Nga: cần một cuộc cạnh tranh thực sự, Skolkovo là một thách thức mới cho giới trẻ và những thể chế đang tồn tại.

Để thúc đẩy cải tổ hoạt động trong hệ thống nghiên cứu, Chính phủ Nga đã ban hành Quy chế của Trung tâm Khoa học Nhà nước (SSC), mở đường cho các trung tâm nghiên cứu công nghiệp có trang thiết bị và hạ tầng riêng. Quy chế này đã cho phép tạo thêm được các quỹ ngân sách từ Chương trình phát triển SSC. Nhiều trung tâm nghiên cứu công nghiệp chiếm những vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực KH&CN ưu tiên được quan

tâm đầu tư phát triển (vật lý nguyên tử, năng lượng, hóa học, vật liệu mới, chế tạo máy bay, cơ khí, y học, sinh học, công nghệ sinh học, khoa học máy tính, quang học, điện tử, robot). Đến nay, có 21 trung tâm như trên thuộc Bộ Công nghiệp và Năng lượng, 10 trung tâm thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học, 6 thuộc Cơ quan Liên bang về Công nghệ nguyên tử, 3 thuộc Bộ Y tế và Bảo trợ xã hội.

Đối với khu vực giáo dục đại học: Khác với Tây Âu, cho đến những năm gần đây, hoạt động của các trường đại học Nga chủ yếu là đào tạo. Các trường đại học ở Nga không đóng vai trò đáng kể trong nghiên cứu khoa học. Trong quá trình cải tổ kinh tế, số lượng các cơ quan giáo dục đại học thực hiện R&D giảm từ 453 năm 1990 xuống còn 417 năm 2006, chiếm 11% tổng số các cơ quan khoa học. Đến

đầu năm 2006, chỉ có 37% số trường đại học của Nga tiến hành R&D. Việc cấp kinh phí cho nghiên cứu khoa học ở trường đại học chủ yếu được thực hiện thông qua tài trợ, đấu thầu nghiên cứu với các Bộ và hợp đồng với các doanh nghiệp công nghiệp. Nguồn nhân lực và tài chính của hệ thống giáo dục đại học chỉ chiếm không quá 5% trong HTĐMQG. Đây là một yếu kém nghiêm trọng trong hệ thống giáo dục đại học Nga.

Để khắc phục tình trạng các Viện nghiên cứu thuộc Hàn lâm Khoa học Nga không thiết tha với những thay đổi trong cơ chế hoạt động và hệ thống các trường đại học thì chỉ mong có số lượng lớn sinh viên tốt nghiệp hơn là tiến hành các nghiên cứu khoa học và ứng dụng. Nga lần đầu tiên triển khai Chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học mới nhằm thu hút các nhà nghiên cứu hàng đầu thế giới tới các trường đại học Nga. Nga lần đầu tiên triển khai Chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học mới nhằm thu hút các nhà nghiên



cứu hàng đầu thế giới tới các trường đại học Nga (vừa qua đã nhận được 500 hồ sơ nghiên cứu, trong đó 300 là của các nhà nghiên cứu của Nga, và 170 của nước ngoài, số còn lại là các nhà nghiên cứu có hai quốc tịch), với mục đích “khôi phục nền giáo dục đại học Nga hướng tới mô hình các trường đại học nghiên cứu, tạo ra cuộc cạnh tranh quy mô quốc gia cho Danh hiệu trường đại học nghiên cứu và cạnh tranh cho những khoản tài trợ dành cho đổi mới các cơ sở vật chất tại các trường đại học và những dự án nghiên cứu có sự tham gia của bên công nghiệp”. Đây thực sự là cách tiếp cận mới của nước Nga. Đồng thời Nga đã ban hành một loạt các luật liên bang khuyến khích việc tạo ra các công ty khởi nguồn (spin-off) từ các trường đại học và các viện nghiên cứu, cung cấp đồng tài trợ cho nghiên cứu, thúc đẩy hợp tác giữa các công ty và trường đại học và cung cấp hỗ trợ trong việc phát triển cơ sở hạ tầng đổi mới của các trường đại học.

*Để gắn hữu cơ đào tạo nhân lực trình độ cao với phát triển khoa học - công nghệ, Nga đã tách Bộ Giáo dục và Đại học để thành lập Bộ Giáo dục*

phục trách quản lý chuyên về giáo dục phổ thông, và sát nhập phần đào tạo đại học với Bộ khoa học - công nghệ thành Bộ đào tạo đại học và khoa học.

Đối với Khu vực doanh nghiệp: Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và ứng dụng KH - CN tạo ra các công nghệ và sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao là nhiệm vụ quan trọng Nga đang đặt ra. Vì khác với các nước phát triển, ở nước Nga, cho đến nay doanh nghiệp khoa học chưa đóng vai trò lớn. Tiến trình hình thành các công ty công nghệ cao vẫn đang tiến hành với tốc độ trung bình. Điều này khiến cho việc chi tiêu cho R&D trong các doanh nghiệp khoa học thay đổi chậm. Tỷ lệ chi tiêu của khu vực doanh nghiệp cho R&D thấp (năm 2005 là 20,7%; tỷ lệ này là thấp so với các nước phát triển, chẳng hạn ở Mỹ tỷ lệ này là 66%, Đức 64,1%, Canada 49,4%, Pháp 48,5%, Anh 47,3%). Theo một số thống kê thì các tập đoàn lớn của Nga chi khoảng 100.000 USD mỗi năm cho R&D (thấp hơn nhiều so với các tập đoàn của các nước phát triển).

## II. Đảng Nước Nga thống nhất

### 1- Quá trình phát triển và những thành công

Đảng Nước Nga thống nhất (ER) là một trong rất nhiều đảng phái chính trị khác nhau ở nước Nga hiện nay và đang giành được sự tín nhiệm cao nhất trong Đu-ma quốc gia Nga cũng như của người dân Nga.

Ở nước Nga hệ thống chính trị một đảng duy nhất cầm quyền dưới thời Xô Viết được thay bằng hệ thống chính trị đa đảng với nhiều đảng phái chính trị tranh giành quyền lực, dẫn đến tình trạng khủng hoảng chính trị - xã hội trầm trọng, kéo dài ở nước Nga thời “hậu Xô viết” (1991 - 1999). Trong bối cảnh ấy, sau khi được chuyển giao chức vị tổng thống vào tháng 12-1999, ông V.Pu-tin đã hạ quyết tâm đưa nước Nga thoát khỏi cuộc suy thoái, khủng hoảng toàn diện, trong đó có khủng hoảng chính trị - xã hội. Mặc dù vẫn chủ trương giữ nguyên thiết chế chính trị đa đảng ở Nga, song Tổng thống V.Pu-tin muốn hệ thống chính trị đa đảng được điều tiết một cách chặt chẽ, hoạt động hiệu quả hơn theo những nguyên tắc nhất định. Một trong những bước đi đầu

tiên của ông là chấn chỉnh, cải cách hệ thống chính trị thông qua hạn chế số lượng chính đảng hiện đang hoạt động quá nhiều trên chính trường Nga lúc bấy giờ; xây dựng hệ thống chính trị đa đảng theo cách tăng cường sức mạnh, vai trò và ảnh hưởng cho các đảng lớn, trong số này, có các đảng đối lập đủ mạnh, chiếm số ghế nhất định trong Đu-ma quốc gia Nga; đặc biệt, một trong những đảng ấy sẽ là đảng “thân chính quyền” hoặc “của chính quyền”, đóng vai trò hậu thuẫn, ủng hộ đường hướng, kế hoạch phát triển đất nước của chính quyền nói chung, của Tổng thống nói riêng.

Với mục tiêu đó, Đảng Nước Nga thống nhất (ER) đã chính thức được thành lập vào tháng 4-2001, trên cơ sở sáp nhập hai đảng đang có ảnh hưởng khá lớn lúc bấy giờ là Đảng Tổ quốc - Toàn Nga và Đảng Thống nhất. Tuy nhiên, trong những năm đầu, Đảng ER rơi vào tình trạng trì trệ, hoạt động cầm chừng, tình hình nội bộ đảng lộn xộn, số đảng viên mới tăng không đáng kể, dẫn đến sự suy giảm uy tín và có nguy cơ bị thất bại trong cuộc bầu cử vào Đu-ma quốc gia khóa IV (năm 2003). Đứng trước thực tế đó, giới

lãnh đạo của Đảng ER nhận thấy sự cần thiết lựa chọn một gương mặt khác sáng giá hơn giữ chức chủ tịch đảng. Theo gợi ý của Văn phòng Tổng thống, ông B.Gru-dơ-lốp - nguyên Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong nội các của Tổng thống V.Pu-tin, đã được Đảng ER lựa chọn. Ông B.Gru-dơ-lốp vốn là một chính trị gia có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng làm việc tập thể, luôn ủng hộ đường lối của Tổng thống V.Pu-tin. Động thái đầu tiên khi ông B.Gru-dơ-lốp nhậm chức là sắp xếp lại nhân sự của Đảng ER, nhanh chóng đưa Đảng ER thoát khỏi tình trạng trì trệ. Đầu năm 2003, Đảng ER tổ chức Đại hội Đảng lần thứ II trước thời hạn, tái củng cố đội ngũ lãnh đạo, thông qua Cương lĩnh mới và Điều lệ sửa đổi của Đảng. Văn kiện Đại hội Đảng ER lần này nêu rõ: “Với sự thành lập Đảng Nước Nga thống nhất, trên chính trường và trong xã hội, nước Nga bắt đầu hình thành một “đa số mới”. Chính “đa số mới” này sẽ trở thành bộ phận nòng cốt để thực hiện những đường hướng cơ bản mà Tổng thống V.Pu-tin đã vạch ra”.

Có thể nói, bước phát triển và thành công thật sự của Đảng ER bắt đầu từ

giai đoạn này. Lần đầu tiên trên chính trường Nga, chính quyền hành pháp và cơ quan lập pháp có được sự hợp tác chặt chẽ - điều kiện quan trọng nhằm bảo đảm sự bình ổn chính trị trong nước, điều mà người dân Nga mong đợi. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, Đảng ER đã hậu thuẫn mạnh mẽ cho Tổng thống V.Pu-tin tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai với thành công vang dội.

Với đà phát triển trên, Đảng ER tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Đu-ma quốc gia khóa V (tháng 12-2007). Cuộc bầu cử này được coi là có những bước “đột phá” mới. Bởi vì: Thứ nhất, đây là cuộc bầu cử Đu-ma quốc gia đầu tiên lựa chọn 450 đại biểu trúng cử theo danh sách của các đảng tham gia tranh cử (trước đó, Đu-ma quốc gia Nga từ khóa I đến khóa IV lấy số đại biểu theo 2 cách: một nửa (225 ghế) theo danh sách các chính đảng tranh cử, nửa còn lại (225 ghế) theo kết quả bầu cử ở các khu vực bầu cử); Thứ hai, chỉ những đảng giành được ít nhất 7% số phiếu bầu của cử tri mới được tham gia vào Đu-ma quốc gia (trước đây là 5% số phiếu); Thứ ba, Tổng thống V.Pu-tin đứng đầu danh sách tranh cử

của Đảng ER, cho dù ông không phải là đảng viên của Đảng này (đây là sự kiện chưa từng có tiền lệ trong lịch sử chính trị thế giới). Những thay đổi này đều nằm trong đường hướng xây dựng nền chính trị nước Nga của Tổng thống V.Pu-tin nhằm hình thành các đảng đối lập đủ mạnh để tăng cường tính cạnh tranh.

Kết quả là, trong số 35 đảng đăng ký tranh cử vào Đu-ma quốc gia khóa V, Ủy ban bầu cử trung ương Nga chỉ phê chuẩn cho 11 đảng đủ điều kiện tham gia tranh cử. Ngày 8-12-2007, Ủy ban bầu cử trung ương Nga đã chính thức công bố kết quả bầu cử Đu-ma quốc gia khóa V, trong đó có tới 7 đảng không hội đủ 7% số phiếu bầu và chỉ có 4 đảng được phê chuẩn. Đảng ER đã chiến thắng. Với kết quả này, trong cuộc họp đầu tiên của Đu-ma khóa mới (tháng 12-2007), Chủ tịch của Đảng ER - ông B.Gru-dơ-lốp - đã được bầu làm Chủ tịch Đu-ma quốc gia Nga khóa V với số phiếu áp đảo. Đây là chiến thắng vang dội nhất của cả Đảng ER lẫn của Tổng thống V.Pu-tin.

Đảng Nước Nga thống nhất hiện có hơn 2 triệu đảng viên, 2.597 tổ chức ở các địa phương, 53.740 chi bộ đảng

trên toàn nước Nga. Đáng chú ý, trong Đảng ER, số đảng viên nữ chiếm số đông (60,3%). Về trình độ học vấn, có 39% đảng viên có trình độ đại học và trên đại học, 32,8% - trung học chuyên nghiệp; 17,4% - trung học... Về vị trí xã hội, 59% đảng viên của Đảng làm việc trong các cơ quan nhà nước; 17,6% - công nhân; 3,8% - cán bộ quản lý... Về độ tuổi, tỷ lệ đảng viên ở các độ tuổi khác nhau từ trẻ đến trung niên khá đồng đều. Đảng viên của Đảng ER phần lớn thuộc tầng lớp trí thức, những người trung niên, giới trung lưu... Đặc biệt, Đảng ER giành được sự ủng hộ rất cao của đông đảo thanh niên Nga. Đây là điều khá đặc biệt.

Đảng ER đã tiến hành sửa đổi một số quy chế của Đảng. Theo đó, chức Chủ tịch Đảng được thiết lập, và Chủ tịch Đảng không nhất thiết phải là đảng viên của Đảng. Bên cạnh chức Chủ tịch Đảng, Đảng ER vẫn duy trì chức Chủ tịch Hội đồng tối cao. Đây là một trong những chủ trương đã có từ trước của Đảng ER nhằm thúc đẩy sự liên kết bền chặt hơn nữa giữa Tổng thống V.Pu-tin và Đảng ER. Ngày 7-4-2008, Tổng thống V.Pu-tin đã chấp nhận lời mời của Đảng ER

đảm nhiệm chức Chủ tịch Đảng. Kết quả là trong Đại hội lần thứ IX của Đảng ER họp vào giữa tháng 4-2008, Tổng thống V.Pu-tin đã được bầu làm Chủ tịch Đảng, trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng ER, tuy ông không phải là thành viên của Đảng. Sau khi nhậm chức, Tổng thống V.Pu-tin đã đưa ra chương trình hành động với một loạt những kế hoạch cải cách Đảng, cụ thể là:

- Đảng ER cần cởi mở hơn trong đối thoại, tranh luận, thông qua việc học cách lắng nghe và nhìn nhận những ý kiến trái chiều của cử tri Nga;

- Xóa bỏ hoàn toàn nạn quan liêu và khai trừ khỏi Đảng những nhân vật hoạt động trong Đảng chỉ vì lợi ích cá nhân;

- Phối hợp thường xuyên, liên kết chặt chẽ hơn với tầng lớp thanh niên, trí thức, doanh nhân, công nhân và nông dân.

Với trọng trách là Chủ tịch Đảng ER, Tổng thống V.Pu-tin hướng tới quản lý hiệu quả hoạt động của Đảng, cải tổ Đảng ER thực sự trở thành một tổ chức chính trị mạnh hơn, hoạt động hiệu quả hơn, cải thiện nhiều hơn hình ảnh của Đảng ER trong con mắt cử tri.

Để thực hiện điều này, sau khi trúng cử nhiệm kỳ tổng thống thứ 4, từ tháng 5 năm 2018, Tổng thống Putin đã đưa ra mục tiêu về an sinh xã hội là: giảm 50% đói nghèo; tăng dân số; phát triển an sinh xã hội; tăng tuổi thọ của người dân; để thực hiện điều này cần phải phát triển xuất khẩu các ngành phi nguyên liệu xuất 250 tỷ USD một năm; cải cách lương hưu tăng tuổi nghỉ hưu; phát triển khu vực phi nhiên liệu; tăng hiệu quả quản lý nhà nước; phát triển bền vững.

Có thể nói, sau 18 năm cầm quyền uy tín của Đảng gắn với uy tín của lãnh đạo tăng lên, tính chính danh của Đảng cũng được khẳng định. Đảng nước Nga thống nhất biết cách xử lý những vấn đề của Đảng, của nhà nước, biết cách thông tin ra toàn xã hội; những vấn đề nóng bỏng có thể tổ chức trao đổi trên truyền hình bởi những chuyên gia am hiểu để định hướng xã hội; Nga kiểm soát tốt mạng xã hội và biết cách xây dựng hình ảnh lãnh đạo (hình ảnh lãnh đạo gắn với Đảng cầm quyền); biết cách phản biện xã hội xử lý hợp lý những phản biện xã hội; Xây dựng được đội ngũ kế cận có cả đổi mới và kế thừa, phát triển cán bộ trẻ.

Các cán bộ của Đảng ER cho biết, hai điểm nổi bật trong hoạt động của Đảng ER tạo nên sự tín nhiệm cao và sâu rộng trong xã hội là: thứ nhất, Đảng ER đã đưa quy trình lựa chọn đảng viên để bầu vào các cấp ủy và giới thiệu để được bầu vào (hoặc bổ nhiệm vào) các cơ quan nhà nước một cách công khai, lấy ý kiến tín nhiệm trực tiếp của dân (nhất là cấp cơ sở). Chỉ những đảng viên nào được đa số người dân tín nhiệm mới được tổ chức đảng bầu vào cấp ủy các cấp. Việc tổ chức đảng chọn những đảng viên để giới thiệu bầu (hay bổ nhiệm) vào các cơ quan chính quyền cũng phải trong số các đảng viên có tín nhiệm cao trong dân. Thứ hai, quy trình xây dựng các chính sách của đảng cũng bắt đầu từ lấy ý kiến công khai, trực tiếp của dân. Sau đó, các tổ chức đảng mới thảo luận từ thấp lên cao, kiến nghị lên cấp cao hơn, tới Hội đồng tối cao của đảng. Hội đồng tối cao sẽ hình thành các chính sách để xuất lên Tổng thống và Chính phủ. Quy trình này vừa đảm bảo lấy được ý kiến sáng tạo, sát thực tế, phản ánh được quan điểm và lợi ích của đa số dân chúng, đồng thời tạo được sự đồng thuận xã hội cao đối với các chính sách của đảng,

và cũng là sự lãnh đạo của Tổng thống và Chính phủ. Điều này được thể hiện rõ trong câu nói của Tổng thống V.Putin: “Nền tảng chính trị của Đảng nước Nga thống nhất là thấu hiểu sâu sắc lợi ích của quốc gia, của đất nước”, và trong câu nói của Thủ tướng Medvedev: “Lắng nghe nhân dân - chúng ta sẽ làm được tất cả”.

Với những bước phát triển nhanh chóng và vượt bậc như trên, trong số 186 đảng phái đang hoạt động ở Nga hiện nay, Đảng ER đang là đảng mạnh nhất, có nhiều ảnh hưởng nhất trong đời sống chính trị nước Nga. Hiện nay, ngoài việc chiếm đa số áp đảo trong Đu-ma quốc gia, Đảng ER còn chiếm đa số (178 ghế) trong Hội đồng Liên bang và trong cơ quan hành pháp (73/85 ghế Thống đốc). Có thể xem Đảng ER là đảng của những người đi theo chủ nghĩa quốc gia trên một số vấn đề quốc tế, nêu cao lòng tự hào về dân tộc và về những thành tựu của Liên Xô trước đây (cho dù họ nay không phải là những người cộng sản).

## 2. Nguyên nhân thắng lợi của Đảng ER

*Trước hết*, Đảng ER đã xây dựng được cơ sở xã hội khá vững chắc và

rộng rãi để đứng vững và tạo dựng lòng tin của cử tri Nga trong bối cảnh quốc tế phức tạp, nhất là khi nước Nga đang còn đứng trước nhiều vấn đề nội trị và ngoại giao phải vượt qua.

*Hai là*, Đảng ER có được sự ủng hộ to lớn và nhiều mặt của chính quyền, đồng thời là cơ sở chính trị - xã hội cơ bản của Tổng thống và Chính phủ. Nói cách khác, những bước phát triển hay thành công của Đảng ER gắn liền với những thành công vang dội trong những năm cầm quyền của Tổng thống V.Putin. Nếu Tổng thống V.Putin trong bốn nhiệm kỳ của mình, có một chỗ dựa, một lực lượng chính trị mạnh trên chính trường làm hậu thuẫn nhằm chấn hưng đất nước, thì Đảng ER có được sự ủng hộ và uy tín của Tổng thống để nâng cao vai trò, vị trí của Đảng trong đời sống chính trị nước Nga.

*Ba là*, Đảng nước Nga thống nhất xác định: Đảng có sứ mệnh phục vụ cho tổng thống và Chính phủ. Đảng luôn ủng hộ Tổng thống Putin và Chính phủ để tháo gỡ những vấn đề kinh tế xã hội nâng cao đời sống đất nước. Đảng phục vụ Tổng thống thông qua các dự án: Hiện Đảng có 15 dự án

để phục vụ cho chính sách của tổng thống, lớn nhất là dự án về sức khỏe y tế nông dân nông thôn và nông nghiệp.

Đảng phục vụ Tổng thống thông qua việc các tổ chức đảng ở địa phương, cơ sở tiến hành thảo luận kỹ và lấy ý kiến của dân các đề xuất về chính sách xã hội trước khi chuyển cho tổng thống.

*Bốn là*, Đảng nước Nga thống đã xây dựng được cơ chế hoạt động gắn chặt với nhân dân, thường xuyên lắng nghe, tổng hợp ý kiến của nhân dân tìm ra nhu cầu nổi bật của dân, từ đó đề xuất chính sách cho đường lối ứng cử. Người dân trực tiếp tham gia xây dựng Đảng, bầu ứng viên của Đảng; đảng viên vi phạm pháp luật hoặc bị tòa án truy tố đều bị khai trừ khỏi đảng.

Kinh nghiệm xây dựng chính sách và lựa chọn những đảng viên để đảng bầu vào các cấp ủy hay giới thiệu tham gia vào các cơ quan nhà nước thông qua sự tín nhiệm của dân từ cơ sở là bài học rất có giá trị ■

**NGUYỄN TIẾN**

*(nguồn: BC kết quả nghiên cứu thực tế tại Phần Lan - Nga của Đề tài KX.04.29/16-20)*

# KỶ HỌP THỨ 9 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG



*Kỳ họp thứ 9 Hội đồng Lý luận trung ương \_ Ảnh: TL*

**T**hực hiện Chương trình làm việc toàn nhiệm kỳ, ngày 9-1-2019, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021 đã tổ chức kỳ họp thứ chín, GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí

Minh chủ trì, phát biểu khai mạc và kết luận.

Kỳ họp thứ 9 Hội đồng Lý luận Trung ương tập trung thảo luận vào 3 dự thảo: (1) Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019; (2) Dự thảo Báo cáo tư vấn một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng dự thảo



báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng; (3) Thảo luận Dự thảo Báo cáo tư vấn một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011.

Phát biểu chỉ đạo hội nghị, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nêu rõ, việc xây dựng Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng, và Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 là vấn đề hệ trọng, lớn và khó. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Hội đồng Lý luận Trung ương xây dựng báo cáo tư vấn bước đầu phục vụ xây dựng Báo cáo chính trị và Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011. Đề nghị các đồng chí thành viên Hội đồng tập trung trí tuệ, thật sự phát huy dân chủ phát biểu vào những vấn đề lớn, hệ trọng.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trong không khí thật sự dân chủ, các ý kiến trao đổi tại hội trường rất phong phú, sâu sắc với tinh thần trách nhiệm cao, đã tập trung làm rõ được nhiều vấn đề:

1. Về Dự thảo Báo cáo tư vấn một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội

XIII của Đảng. Các ý kiến tập trung vào các vấn đề sau:

*Một là*, đề nghị bổ sung những điểm nhấn trong đánh giá cả về ưu điểm cũng như những hạn chế, yếu kém cả về lý luận và thực tiễn qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, các ý kiến nhất trí cần xác định mục tiêu đạt được trong 05, 10 năm tới, tầm nhìn đến 2045. Đa số các ý kiến nhất trí với mục tiêu mà dự thảo nêu ra. Cũng có một số ý kiến đề xuất cần có cách tiếp cận mới phù hợp với thế giới.

*Ba là*, đa số ý kiến về cơ bản nhất trí với 12 nhiệm vụ tổng quát đã nêu trong dự thảo, đồng thời bổ sung, điều chỉnh nội dung của từng nhiệm vụ.

*Bốn là*, đa số ý kiến về cơ bản nhất trí với các đột phá nêu trong Dự thảo, đồng thời bổ sung một số đột phá mới.

*Năm là*, đa số ý kiến nhất trí với các nhiệm vụ trọng tâm, nhưng bổ sung, phát triển nhiều nhiệm vụ mới.

2. Về Báo cáo tư vấn một số trọng tâm phục vụ xây dựng Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011. Các ý kiến tập trung vào các vấn đề sau:

Một là, làm rõ hơn, đầy đủ hơn, sâu sắc hơn sự phát triển nhận thức và thực tiễn đạt được trong 10 năm qua, đã bổ sung những hạn chế, yếu kém cả trong nhận thức và thực hiện Cương lĩnh 2011.

Hai là, bổ sung những đánh giá về nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta về ưu điểm và khuyết điểm; nhấn mạnh những thành tựu và hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện Cương lĩnh; các bài học và những vấn đề đặt ra qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011).

Ba là, đề xuất, bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; một số giải pháp mới có để đột phá khả thi để tiếp tục thực hiện thắng lợi Cương lĩnh của Đảng.

3. Về Báo cáo tổng kết công tác năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Các ý kiến phát biểu về cơ bản nhất trí với dự thảo, đồng thời bổ sung một số ý kiến xác đáng.

Sau một ngày làm việc nghiêm túc, với không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, Kỳ họp thứ 9 Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra. Phát biểu kết luận kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh các ý kiến phát biểu tại kỳ họp rất phong phú và xác đáng. Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các đồng chí tham dự Kỳ họp, hoàn thiện các Báo cáo để kịp thời tư vấn bước đầu phục vụ việc xây dựng các báo cáo trình Đại hội XIII của Đảng.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cảm ơn các đại biểu tham dự kỳ họp và cảm ơn sự phối hợp, giúp đỡ có hiệu quả của Văn phòng Trung ương, của Nhà khách Hồ Tây.

Nhân dịp năm mới 2019 và chuẩn bị đón Tết cổ truyền của dân tộc - Tết Kỷ Hợi, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đã gửi lời chúc tới toàn thể các đại biểu và gia đình một năm mới mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc ■

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA CHƯƠNG TRÌNH "NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020"

## 1. Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình

(1) Năm 2018, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch công tác cụ thể cho từng quý, từng tháng. Đồng thời đã tổ chức thảo luận quán triệt kế hoạch này đến các chủ nhiệm, thư ký đề tài ngay từ đầu năm. Vì vậy, việc chỉ đạo hoạt động nghiên cứu của các đề tài kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng nội dung nghiên cứu và đảm bảo tiến độ của cả 30 đề tài.

Để phục vụ kịp thời sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, đầu năm 2018, Ban Bí thư giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương nghiên cứu thêm 03 vấn đề lớn.

- Đề tài 31 “Cơ sở lý luận - thực tiễn về xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam phù hợp với điều kiện mới” do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện.

- Đề tài 32 “Phòng ngừa và xử lý mâu thuẫn, xung đột xã hội ở Việt Nam góp phần bảo vệ an ninh quốc gia” do Học viện An ninh nhân dân thực hiện.

- Đề tài 33 “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)- Những vấn đề lý luận và thực tiễn qua 10 năm thực hiện” do Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện.

Ba đề tài bổ sung đã được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, đúng

quy trình theo các thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ từ tháng 3-2018.

(2) Ban Chủ nhiệm Chương trình định hướng báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu của các đề tài lần thứ 3 (tháng 6-2018), lần thứ 4 (tháng 12-2018) theo hướng bám sát tiến độ, đồng thời kịp thời để phục vụ nhiệm vụ chuẩn bị Nghị quyết Trung ương 7, Trung ương 8 và các báo cáo tư vấn trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Chất lượng báo cáo lần 3 và lần 4 nâng lên rõ rệt, thể hiện những nội dung mới cả về lý luận và tổng kết thực tiễn, đặt biệt một số đề tài đã kiến nghị những nội dung mới cần đưa vào dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Ban Chủ nhiệm Chương trình đã chất lọc kết quả nghiên cứu của các đề tài báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định. Cả 02 báo cáo được đánh giá tốt.

(3) Tổ chức hội thảo

- Đã phối hợp với Đề tài KX.04.13/16-20 tổ chức Hội thảo với chủ đề “Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại” do Trường Đại học Kinh tế quốc dân

chủ trì; phối hợp với Đề tài KX.04.23/16-20 do Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì tổ chức Hội thảo “Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đối với nước ta hiện nay”. Kết quả các hội thảo đã được tổng hợp, chất lọc thành báo cáo chính thức tại Kỳ họp thứ 8 và hoàn chỉnh thành Báo cáo tư vấn về Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quý I-2019, Ban Chủ nhiệm Chương trình sẽ phối hợp với Đề tài KX.04.02/16-20 tổ chức hội thảo “Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay” do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì. Nhìn chung, các cuộc hội thảo được tổ chức nghiêm túc, đổi mới cách trình bày, phản biện nên kết quả thiết thực, tránh được bệnh hình thức.

(4) Tổ chức các chuyến đi khảo sát thực tế:

- Đã tiến hành khảo sát tại New Zealand nhằm tìm hiểu về quản lý xã hội, an sinh xã hội, giải quyết hài hòa giữa phát triển nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, kinh nghiệm chống tham nhũng; khảo sát kết hợp

với tọa đàm khoa học tại tỉnh Bắc Ninh, Thái Bình, Bạc Liêu, Cà Mau, Gia Lai, Kon Tum, Nghệ An, Hà Tĩnh tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, xây dựng con người; vấn đề xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, phát huy dân chủ, chính sách dân tộc, tôn giáo; kết quả thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); kết quả bước đầu về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) và những vấn đề đặt ra...

Các chuyến khảo sát tại địa phương, Ban Chủ nhiệm Chương trình phối hợp với các tiểu ban của Hội đồng cùng khảo sát tại các xã, phường, quận, huyện và tọa đàm với thường trực tỉnh ủy, lãnh đạo các ban, sở, ngành của tỉnh. Các chuyến khảo sát trong và ngoài nước đều có báo cáo riêng với Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và được dùng làm tài liệu để Tổ biên tập Văn kiện, Tổng kết Cương lĩnh tham khảo.

Các hoạt động khác như tổ chức

kiểm tra định kỳ các đề tài, giải quyết những vướng mắc của các đề tài về nội dung, về thủ tục hành chính cho các đoàn khảo sát đi nước ngoài, về thanh quyết toán kinh phí đều được các đề tài ghi nhận là thiết thực, nhanh, gọn, hiệu quả.

Tóm lại, trong năm qua, dưới sự chỉ đạo thường xuyên của Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Ban Chủ nhiệm Chương trình đã nỗ lực, sâu sát tổ chức triển khai Chương trình theo đúng kế hoạch, kịp thời phục vụ yêu cầu của nhiệm vụ do Ban Bí thư, Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương đặt ra.

## **2. Hoạt động của các đề tài trong Chương trình**

(1) Đến nay, có 26/30 đề tài đã hoàn thành tất cả nội dung nghiên cứu. Còn lại 04 đề tài còn một phần nội dung (thuộc về phần quan điểm, giải pháp) sẽ được hoàn thành vào tháng 1 năm 2019.

(2) Đa số các đề tài đã hoàn thành tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học. Đáng chú ý là trong năm 2018, các đề tài chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến cách hội thảo lớn để tránh hình thức theo kiểu “truyền

thống” nên kết quả các hội thảo thật sự thiết thực.

(3) Về tổ chức khảo sát thực tế trong nước và quốc tế, 100% các đề tài đã hoàn thành khảo sát thực tế tại các địa phương, vùng, miền. Mỗi một đợt khảo sát thực tế các đề tài đều có báo cáo kết quả và hình thành các tập tư liệu phục vụ cho nghiên cứu. Các đồng chí chủ nhiệm đã quan tâm chuẩn bị kỹ nội dung, chọn địa bàn khảo sát phù hợp; về khảo sát nước ngoài, các đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ khảo sát ở nước ngoài theo kế hoạch đã được duyệt. Có 02 đề tài

đề nghị không thực hiện khảo sát nước ngoài và chuyển sang nghiên cứu những vấn đề mới, bức thiết.

Các đề tài khảo sát ở nước ngoài đều có báo cáo. Nhiều báo cáo có chất lượng tốt, rút ra những vấn đề gợi mở đối với Việt Nam. Tuy nhiên, một số ít đề tài do chưa thực hiện đúng quy trình, thủ tục hành

chính nên gặp khó khăn trong thanh quyết toán.

(4) Tình hình các đề tài qua kiểm tra định kỳ năm 2018

Theo quy chế, đợt kiểm tra lần thứ

3 (tháng 6-2018 và lần thứ 4 (tháng 12-2018)

đã được tiến hành nghiêm túc, thiết thực.

Nhìn chung các đề tài đã chuẩn bị chu đáo

theo nội dung mà Ban Chủ nhiệm Chương

trình yêu cầu. Kiểm tra lần thứ 4 (là

lần cuối với 28 đề tài), còn lại 05 đề tài, Ban

Chủ nhiệm Chương trình sẽ tiến hành kiểm

tra định kỳ trong năm 2019.

Qua kiểm tra lần thứ 4, nhận thấy đến nay hầu hết các đề tài đã thực

hiện đầy đủ và vượt yêu cầu về sản phẩm đã đăng ký. Nhiều đề tài vượt

số lượng về bài báo, nhất là bài báo đăng trên các tạp chí ở nước ngoài,

bài hội thảo quốc tế, giáo trình (bằng tiếng Anh) phục vụ cho công

tác đào tạo.

Cụ thể, đến nay đã có 260 bài báo được đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước, 15 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín và bài tại hội thảo quốc tế... 03 đề tài đã đóng góp vào giáo trình giảng dạy tại học viện, trường đại học. Đề tài 24 đã xây dựng xong bộ phim về Cách mạng màu và dự kiến sau khi xin ý kiến cơ quan có trách nhiệm sẽ được xã hội hóa.

Các đề tài đã tham gia đào tạo 49 nghiên cứu sinh và 76 học viên cao học; xuất bản 17 cuốn sách chuyên khảo và sẽ xuất bản 09 cuốn sách tham khảo trong tháng 1 và 2/2019.

Đặc biệt, một số đề tài đã được Ban Chủ nhiệm Chương trình gợi ý đã đóng góp tích cực vào xây dựng Nghị quyết Trung ương 7 và Trung ương 8, nghị quyết của Bộ Chính trị, vào việc xây dựng các báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Tuy nhiên, qua kiểm tra cho thấy, chất lượng nghiên cứu ở một số đề tài cần có sự quan tâm nhiều hơn của chủ nhiệm đề tài mới đạt được yêu cầu đã đăng ký. Đặc biệt có đề tài còn

nhiều nội dung nghiên cứu chưa hoàn thành, rất chậm so với tiến độ đề ra.

(5) Báo cáo chất lọc kết quả lần thứ 4 (tháng 12-2018).

Nhìn chung các báo cáo chất lọc nghiên cứu đã mang tính tổng hợp hơn theo yêu cầu của Ban Chủ nhiệm Chương trình. Nhiều báo cáo có nội dung tốt, ngắn, gọn rõ ràng nêu được những vấn đề mới về nội dung, quan điểm, giải pháp và có những kiến nghị sát thực, khả thi.

Song, cần lưu ý một số đề tài chưa thật đầu tư cho báo cáo chất lọc. Nội dung báo cáo chưa phản ánh được nội dung mà đề tài đã tập trung nghiên cứu. Báo cáo còn đơn giản, dừng lại ở sự mô tả, chưa đi vào nội dung.

Qua báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu của đề tài, bước đầu nhận thấy các đề tài đã góp phần bổ sung, phát triển những vấn đề mới về lý luận, thực tiễn như:

- Đưa ra những khái niệm mới và làm rõ nội hàm những khái niệm đó như: khái niệm về Đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền; về nguyên tắc pháp quyền; về thể chế kinh tế thị trường,

về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, về mô hình an sinh xã hội ở Việt Nam; về văn hóa trong chính trị và văn hóa trong kinh tế; về giá trị con người, giá trị văn hóa Việt Nam, đặc biệt là đề xuất giá trị Việt Nam; về ngoại giao đa phương; về khái niệm các nước lớn; về khái niệm an ninh quốc gia...

- Đánh giá thực trạng một số lĩnh vực có luận cứ, có số liệu thuyết phục như: đánh giá về các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay; về sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động của hệ thống chính trị; thực trạng và kiểm soát quyền lực trong Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các đoàn thể chính trị - xã hội; thực trạng về vấn đề dân tộc, tôn giáo và thực hiện các chính sách trên lĩnh vực này; thực trạng về sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức, giáo dục... về an ninh và đảm bảo an ninh thông tin, an ninh con người, về hội nhập quốc tế...

- Rút ra những vấn đề cấp thiết trên các lĩnh vực xây dựng Đảng, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đặc biệt phát hiện những điểm nghẽn về thể

chế đã hạn chế đến tiến trình đổi mới ở nước ta.

- Đề xuất một số quan điểm và giải pháp về định hướng chính sách, giải pháp cụ thể thiết thực, khả thi. Kiến nghị một số vấn đề nội dung góp phần dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Các nội dung này sẽ được tổng hợp, chắt lọc trong Báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo đúng quy định.

Đặc biệt trong quá trình thực hiện đề tài, một số đề tài đã trực tiếp đóng góp thiết thực cho công tác lãnh đạo của Trung ương, bộ, ban, ngành: như các báo cáo tư vấn của Hội đồng Lý luận Trung ương trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7, Trung ương 8; Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiêu chí kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam... góp phần xây dựng Luật An ninh mạng; về “Cách mạng màu”, về phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; về Đảng cầm quyền và Đảng lãnh đạo ■